

diễn đàn

Số 143 / 9.2004

ISSN 1164-2378

F O R U M



Sâm Cầm – ảnh Đỗ Quang Nghĩa

Mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

Thời sự, những vấn đề

1 Lạm phát ở Việt nam Vũ Quang Việt

4 Tin tức

11 Thư từ Mỹ Tiểu Hằng Ngôn

Hồ sơ đặc biệt

13 Tố cáo Tổng Cục 2

Văn hoá, Khoa học, Nghệ thuật

17 Dịch ầu Nguyễn Phú Phong

18 Cái đẹp động và tĩnh Văn Ngọc

20 Sông Sơn V.M.

21 Con đường đổi cát Mai Ninh

23 Tây Dương Kỳ Ngộ Nguyễn Ngọc Giao

25 « An Tiêm Thanh Tuệ » Thái Kim Lan

26 Nữ ký giả sợ ma Hồ Anh Thái

27 Tiziano Terzani Quan Vinh

28 Giới thiệu sách nghệ thuật Hoài Văn

29 Neruda (thơ dịch) Hàn Thuỷ

30 Đường Về Lê Đình Bích

Bình Luận

Lạm phát ở Việt Nam

Vũ Quang Việt

Trong vài năm qua nền kinh tế Việt Nam có những nét có vẻ ngày càng khởi sắc, chẳng hạn như tốc độ phát triển kinh tế đã từ 4.8% năm 1999 lên đến trên 7% năm 2003, nhưng phân tích kỹ hơn ta thấy những đám mây mù đường như đang kéo lại gần từ phía chân trời xa. (Coi số liệu trên bảng thống kê đính kèm).

Sau cuộc khủng hoảng tài chính xảy ở châu Á năm 1997, Việt Nam chủ trương chính sách kích cầu nhằm giảm bớt ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng và bù lại mức giảm đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Ta thấy mức tăng đầu tư nhanh chóng đưa lên từ tỷ lệ 27,6% GDP năm 1999 lên tới 35% GDP vào năm 2003. Đây cũng là tỷ lệ đầu tư kỷ lục trên thế giới, thế nhưng do hiệu quả sản xuất thấp vì chính sách đầu tư vẫn tập trung vào khu vực nhà nước, tốc độ phát triển cũng chỉ đạt được 7,3%. Đầu tư cao nhưng khoảng 60%, tức là khoảng 7,5 tỷ USD vẫn là đầu tư của nhà nước, trong đó nguồn vốn đầu tư của nhà nước là từ ngân sách (gần 40%), vay nước ngoài (30%), phần còn lại là vốn doanh nghiệp (không biết bao nhiêu là từ vay ngân hàng và bao nhiêu là vốn tự có). Tỷ lệ đầu tư của nước ngoài giảm, nhưng có một điểm sáng là tỷ lệ đầu tư của tư nhân tăng từ 24% năm 1999 lên 26,7% năm 2003. Tỷ lệ đầu tư của nhà nước tiếp tục cao, tổng số tiền đầu tư lớn, do đó tham nhũng bành trướng ở mức độ gần như không còn kiểm soát được là điều dễ hiểu. Nếu như tỷ lệ tham nhũng tiền đầu tư của nhà nước lên 20-30% như đã thảo luận trong kỳ họp quốc hội vừa qua, thì số tiền tham nhũng có thể lên tới 1,5 – 2,25 tỷ USD một năm.

Trong đầu tư, chính sách của nhà nước vẫn là tập trung phát triển sản xuất thay thế nhập khẩu (sắt thép, xi măng, đường), kể cả đưa tới việc bảo vệ thị trường nội địa cho đầu tư nước ngoài (xe hơi, xe gắn máy), thay vì tập trung phát triển sản xuất nhằm xuất khẩu. Do chính sách trên, thiếu hụt cán cân xuất nhập khẩu ngày càng cao, tăng từ 0% GDP năm 1999 lên 13,5% GDP năm 2003.

Xem tiếp trang 11

Bạn đọc & Diễn Đàn

Mỗi người một miền đất hứa

Mùa hè vừa qua, có lần tôi từ Sài Gòn ra Vũng Tàu bằng chiếc tàu tốc hành Vina Express. Chỉ về sau mới biết những con tàu này không phải lúc nào cũng được bảo trì tốt, đã có một vụ tàu bị ngập nước, suýt gây tai nạn lớn. Tàu không có boong đứng, đường lại dài hơn một giờ, cả phòng ngồi chỉ có một màn ảnh ti-vi khi chạy khi không, tôi đành ngồi quan sát những kẻ đồng hành. Khách đông, gần một nửa là tây ba-lô, du

Nguyên Lê lưu diễn Châu Âu

xem chương trình cập nhật tại www.nguyen-le.com

September : 2-4 Paris Sunset Trio with K. Ziad & M. Alibo ; **24 Recife** ; **28 Rio de Janeiro** ; **30 Sao Paulo**

October : 8 Vöcklerbruck (Foyer des Arts) Hendrix ; **9 Karlsruhe** (Buhl Festival) Hendrix ; **Germany Tour New Band** (Art Lande, Paul McCandless, Jamey Haddad) : **22 Kufstein** ; **23 Innsbruck**, Treibhaus ; **24 Wien** Porgy & Bess ; **26-27** recording at Tonstudio Bauer ; **28 Kiel** (Kultforum) ; **29 Braunschweig** (Museum) ; **30 Dortmund** (Domicil) ; **31 Essen** (Philharmonie).

Ra mắt sách Hoàng Khoa Khôi

Cuốn *Nhìn lại sáu mươi năm tranh đấu cho Việt Nam* của Hoàng Khoa Khôi (*Hồ sơ Đệ tứ Quốc tế Việt Nam*, tập 3, 2004, song ngữ Việt-Pháp) sẽ ra mắt bạn đọc ở Pháp chiều chủ nhật 25.9.04, từ 14 đến 18 giờ tại trung tâm AGECA, 177 rue de Charonne, Paris 11 (M° : Charonne, Alexandre Dumas). Ban tổ chức : Ngô Văn, Hoàng Đôn Trí, Hoàng Khoa Khôi, Nguyễn Văn Liên, Phan Thị Trọng Tuyền ; điều hợp : Đặng Tiến.

Xem lịch sinh hoạt văn hoá cập nhật trong mục *Sổ Tay* trên mạng internet của báo *Diễn Đàn*
www.diendan.org

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đổ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, quản lý, kỹ thuật :

Vũ An, Trần Hữu Dũng, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong

Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh,

Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy, Đặng Tiến, Nam Trân,

Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Văn, Hoà Văn

khách Á đông và Việt kiều, quần cụt, giầy thể thao trắng toát, máy hình kỹ thuật số, túi chuối trước bụng, vài bị đồ golf cho một cuối tuần ra biển.

Cái tò mò của tôi dần dần tập trung vào cặp tình nhân ngồi trước mặt. Rõ ràng họ mới quen nhau, chưa thân mật, thiếu tự nhiên. Người phụ nữ tuổi chừng hai mươi, quần áo mới tinh nhưng khác thời trang thành thị, lịch kịch vòng nhẫn như trưng diện cho một dịp trọng đại. Người đàn ông khoảng năm mươi, tôi đoán là người Trung quốc hoặc Đài Loan. Cũng quần áo thẳng nếp chưa từng giặt, cũng cái về đến từ một vùng nông thôn nào đó. Thật dễ đoán. Mấy hôm trước, tôi đã đọc những bài báo nói về một hiện tượng xã hội. Có cả một phong trào phụ nữ ở nông thôn lên Hà Nội hay Sài Gòn ghi tên thi tuyển để lấy chồng ngoại quốc, phần lớn là những ông chồng người Hoa. Có những con số, tỷ lệ, hình ảnh một vài cô buồn bã vì thất cử, bài phỏng vấn một nhà xã hội học nghiên cứu về hiện tượng. Báo chí cũng đã nói đến cái thôn có gần nửa số phụ nữ lấy chồng nước ngoài, hay cái đám cưới bị chính quyền địa phương từ chối vì cô dâu 18 lấy chồng Đài Loan đã hơn 70. Một hiện tượng không riêng của Việt Nam. Ở Nga, Đông Âu hay các nước chưa phát triển chắc cũng vậy thôi. Mà chuyện này nào có mới đối với riêng tôi. Lần về trước đây, tôi đã quen một người đàn bà giàu sụ nhờ tiệm bán áo cưới, nơi đó xe ca đỗ xuống từng đoàn khách Trung quốc chọn những bộ áo hàng triệu đồng. Như vậy, ngồi trước mặt tôi, trên chuyến tàu muốn rút ngắn thời gian, là một cặp vợ chồng sắp cưới, cần một vài ngày thử nghiệm trước khi quyết định, hoặc họ vừa mới cưới, cần một cuối tuần trăng mật cho trọn gói dịch vụ.

Người đàn ông và cô gái thỉnh thoảng cho nhau một nụ cười. Đừng nói nụ cười gượng gạo, nó thể hiện một thiện chí. Người đàn ông không thiếu một vài cử chỉ ân cần, nhường lại cả chai nước khoáng mỗi hành khách được tặng. Cô gái có lúc chỉ trở về phía bờ hiện lên mờ mờ qua cửa sổ kính, như muốn giới thiệu cho người yêu cái đẹp của quê hương mình, một mảnh đất sẽ không giữ được cô ở lại. Đến khi họ phải làm dấu bằng tay tôi mới nhớ hai người không có một ngôn ngữ nào để trao đổi với nhau. Từ đó tôi tưởng tượng, khi đôi mắt cô gái không còn ai theo dõi, chúng sẽ không được vui như cái tương lai cô đã chọn, và chúng sẽ để lộ những lo âu vì miền đất hứa còn xa vời vợi. Chẳng lẽ tôi muốn người phụ nữ ấy tiếp tục dầm mưa dãi nắng, còng lưng nhỏ mọt trên một thửa ruộng không đủ cho một máy cày ? Một câu chuyện không mới lạ, có thể giải thích dễ dàng, vậy mà khi tôi được nhìn tận mắt, nó đã trở thành một hình ảnh đậm nét hơn những toà nhà cao tầng, những trung tâm thương mại mới toanh, những chiếc xe hơi ngày càng nhiều và biết bao hình ảnh khác của một đất nước đang đổi da.

Có lẽ thực tế Việt Nam còn nằm trong những tham vọng và ước mơ của những con người cá nhân. Đã qua hẳn cái thời tương lai của nhiều gia đình không xa hơn cái ngày sẽ nhận được thùng đồ từ nước ngoài gửi về. Ở nhiều người bây giờ đã có những dự án dài hạn cho một cuộc sống đang từng bước ổn định. Tôi thích được nghe những dự án mua xây nhà mới, đa dạng hoá lối sống, đi du lịch đây đó. Tôi thích được nghe những tham vọng dù quá đáng của lớp trẻ tham lam những kỹ thuật hiện đại. Nhưng, giữa biết bao ham muốn vội vã làm


giàu và những nét văn minh dôm, tôi phải tin rằng sẽ có ngày cha mẹ gửi con đi nước ngoài không chỉ để thoát khỏi một nền giáo dục đang xuống cấp trầm trọng, hay để có một đầu cầu cho những tính toán làm ăn lật vật ở nước ngoài.

V.H.N. (Paris, Pháp)

Bay thẳng : vậy mà không phải vậy

Tháng bảy vừa qua, tôi đã đi từ Frankfurt (Đức) về Hà Nội bằng “chuyến bay thẳng” của Hãng không Việt Nam. Máy bay vừa cất cánh khoảng 2 giờ đã chuẩn bị hạ cánh. Tôi và hành khách ngạc nhiên sao bay nhanh thế. Hoá ra máy bay không bay “thẳng” về Hà Nội mà ngừng ở Mạc Tư Khoa để lấy thêm khách. Tại sao Vietnam Airlines lại làm ăn như vậy ?

Nguyễn Tâm (Heidenberg, Đức)

 *Bạn không phải là người duy nhất thắc mắc và trách móc như vậy. Theo báo mạng VNExpress, hành khách chuyến bay Frankfurt - Hà Nội (ngày 15-8) cũng đã than phiền và được ông Trần Minh Hoan, Phó Ban Tiếp thị Hành khách Vietnam Airlines trả lời « đây là việc bình thường của các hãng hàng không, nhằm kết hợp khai thác hai thị trường trên cùng một chuyến bay. Theo ông điều này càng cần thiết khi mà lượng khách trên cả 2 tuyến bay từ Hà Nội, TP HCM tới Frankfurt (Đức) và Nga đều quá ít như hiện nay (...). Ông Hoan cho biết, thông thường, khi hành khách mua vé, nhân viên của hãng cũng nói rõ điều kiện và thông báo những điểm dừng chân trong cuộc hành trình mà hành khách phải đi qua. Tuy nhiên, trao đổi với phóng viên VnExpress, nhân viên bán vé của hãng lại cho rằng, họ chỉ trả lời khi nào khách hàng yêu cầu, bởi không phải hành khách nào cũng muốn nghe các điều kiện mà hãng đưa ra ».*

Trong câu trả lời, ông Hoan cho người ta có thể hiểu rằng khi nào hai đường bay Frankfurt - Hà Nội và Mạc Tư Khoa – Hà Nội đủ khách, VNAL sẽ “bay thẳng”.

Thực ra, theo định nghĩa của Tổ chức hàng không dân sự quốc tế ICAO (International Civil Aviation Organization), “bay thẳng” (vol direct / direct flight) không có nghĩa là máy bay không ngừng (escale / stopover) giữa đường, mà chỉ có nghĩa là “khách hàng không phải đổi máy bay và vẫn giữ nguyên chỗ từ đầu đến cuối”. Như vậy là theo thông lệ quốc tế, “bay thẳng” khác với “bay một mạch” (vol sans escale / non-stop flight) (như các chuyến bay Paris – Hà Nội hiện nay của HKVN và Air France). Lẽ ra nhân viên bán vé và phi hành đoàn nên nói rõ để hành khách khỏi hiểu lầm.

Tín buồn

Chúng tôi được tin

Bà **Hoàng Xuân Hãn**

(nhũ danh **Nguyễn Thị Bình**, pháp danh **Diệu Huệ**)

đã từ trần ngày 23.8.2004 tại bệnh viện Orsay (Pháp), thọ 94 tuổi. Lễ hoả táng đã cử hành ngày 25.8 tại nghĩa trang L'Orme à moineaux (Les Ulis).

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng bác Nguyễn Văn Lung, chị Lê Trần Hoàng An, anh Nghiêm Xuân Hải và toàn thể gia đình.

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên :

Địa chỉ :

Email :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng (số)

Kèm theo đây là ngân phiếu : €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4.414.16 W PARIS-DIENDAN (nhưng xin báo cho toà soạn tên và địa chỉ).

Châu Âu thuộc khối Liên hiệp Âu châu UE : có thể chuyển số tiền 45 € vào trương mục của DIENDAN FORUM, số IBAN (International Bank Account Number) đầy đủ là : FR 90 30041 00001 0441614W02076 Bank Identifier Code : PSSTFRPPPAR

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, số ngân hàng và tài khoản : 15 1050 1285 1000 0022 5595 5185.

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CDN đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc và các nước khác : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn :

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Email : diendan@diendan.org

Địa chỉ mạng : www.diendan.org

Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức

Seaprodex « thất thoát » hàng trăm tỉ đồng

Theo báo Sài Gòn giải phóng, trong một bài điều tra hai kỳ bắt đầu ngày 1.7.2004, Seaprodex (tổng công ty Thủy sản Việt Nam), « *thương hiệu lừng lẫy một thời đang dần biến mất trên thương trường* ». Còn theo báo Thanh Niên cùng ngày, tổng công ty này đã được thành lập cách đây đúng 9 năm (tháng 8/1995), trên cơ sở nòng cốt là công ty Xuất nhập khẩu thủy sản (có 17 thành viên) và 2 đơn vị khác, với kỳ vọng là Seaprodex VN sẽ đưa lĩnh vực sản xuất, chế biến và xuất khẩu thủy sản ngày càng phát triển..., « *nhưng kỳ vọng này đã không được đáp lại bởi hoạt động của Seaprodex VN sau đó liên tục đi vào ngõ cụt* ». Trong khi thủy sản đã trở thành một ngành mũi nhọn của kinh tế VN, với kim ngạch xuất khẩu chỉ đứng sau ngành dầu khí (khoảng 2,24 tỉ USD năm 2003), đơn vị « chủ lực » của nó chỉ đóng góp được không tới 5 % doanh số xuất khẩu đó!

Có gì không ổn giữa kỳ vọng và thực tế? Ngày 5.7, ông Nguyễn Đình Phương, uỷ viên hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc Seaprodex đã được gọi lên bộ Thủy sản để nghe quyết định đình chỉ chức vụ lãnh đạo tổng công ty để kiểm điểm trách nhiệm cá nhân (về những « sai phạm nghiêm trọng » ở đơn vị này), cùng với một vài cán bộ khác của tổng công ty. Một quyết định được bộ trưởng bộ Thủy sản ký ngày 2.7, một ngày sau hai bài báo đã dẫn. Người được cử điều hành công việc của tổng công ty là ông Phạm Mạnh Hoạt, quyền chủ tịch hội đồng quản trị từ năm 2000 đến nay. Thế nhưng, khi kết luận chính thức của Thanh tra nhà nước về cuộc thanh tra tổng công ty được công bố (ngày 21.7), người ta được biết, ít ra là ông Hoạt cũng phải chia sẻ trách nhiệm với ông Phương « *về việc điều động và sử dụng vốn ngân sách thu từ nguồn cổ phần hóa không đúng quy định số tiền hơn 35,37 tỷ đồng; việc không thực hiện được mục tiêu của dự án đầu tư Trung tâm Chế biến thủy sản tại Sóng Thần...* ». Trước đó, tên ông Hoạt hoàn toàn vắng bóng trên những bài báo về Seaprodex (các bài đã dẫn trên SGGP và Thanh Niên, cũng như các bài báo Lao Động ngày 2, 5 và 13.7, hay bài Thời báo Kinh tế mấy tháng trước đó – 10.11.2003). Có phải vì thế mà báo Thanh Niên khi trở lại vấn đề này, trong một bài hai kỳ đăng ngày 5.8, cuối cùng đã phải đặt ra câu hỏi về « *trách nhiệm không nhỏ của lãnh đạo bộ Thủy sản* » ?

Theo bản Kết luận của Thanh tra nhà nước, « *tổng vốn giao cho tổng công ty năm 1995 là 374 tỷ đồng thì đến 31/12/2001 phân vốn mất hơn 150 tỷ đồng và hơn 3,86 triệu USD. Ngoài ra đơn vị này còn có nguy cơ mất vốn gần 137 tỷ*

đồng; nợ phải trả nhưng không có khả năng thanh toán hơn 232 tỷ đồng; hầu hết các công ty liên doanh đều hoạt động không hiệu quả, dẫn đến mất vốn gần 8,6 tỷ đồng và hơn 2,86 triệu USD... ». Nợ và mất vốn cộng lại gần 580 tỉ đồng (ngót 40 triệu USD), nghĩa là, hơn toàn bộ số vốn của tổng công ty khi thành lập ! Tình trạng này, theo Thanh tra, « *hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc tổng công ty qua các thời kỳ phải chịu trách nhiệm do đã không làm tốt công tác quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh...* ».

Cụ thể, những người bị nêu đích danh là các ông Võ Văn Trác, nguyên thứ trưởng bộ Thủy sản, chủ tịch HĐQT tổng công ty từ 1995 đến 1998, Lê Văn Phát (nguyên tổng giám đốc từ tháng 12.1995 đến 1998 và chủ tịch HĐQT 1998-2000, Nguyễn Đình Phương, tổng giám đốc từ tháng 11.1998 và Phạm Mạnh Hoạt, quyền chủ tịch HĐQT từ 2000 đến nay... Nhưng còn những bộ trưởng, thứ trưởng trong suốt thời gian ấy, những người đã bổ nhiệm các vị trên – kể cả khi họ đã bị Thanh tra nêu ra trách nhiệm làm sai -, và đã ký dưới các quyết định phê duyệt những dự án, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán của tổng công ty ? Những người được chia phần phụ trách một khu vực kinh tế rất nhiều « tiềm năng » ấy chỉ vô tài, bất lực hay còn gì khác ?

Câu chuyện chưa ngã ngũ, nhiều thông tin cần được làm rõ. Ai sẽ bật đèn xanh để tên ai sẽ được hay không được in trên mặt báo, và cho tới giới hạn nào...? Những câu hỏi hầu như đã trở thành « *chuyện thường ngày ở huyện* ». Bài báo Thanh Niên đã dẫn ngày 5.8, đã (tạm thời ?) biến mất trên mạng khi, ngày hôm sau, người viết những dòng tin này tìm lại nó để kiểm một thông tin !

* Trao đổi với VnExpress ngày 5.8.2004, ông Nguyễn Đình Cung, trưởng ban Kinh tế vĩ mô, viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, cho biết hiện nay VN đang đứng trong top cao nhất những nước có tệ tham nhũng : thứ 100 trong số 133 nước được khảo sát. Tin này dĩ nhiên độc lập với đoạn tin trên kia !

Xuất khẩu gạo năm 2004 : Vì sao khống chế ở mức 3,5 triệu tấn ?

Giữa tháng 7, bộ Thương mại đã có văn bản yêu cầu Hiệp hội Lương thực Việt Nam (HHLT) khống chế lượng gạo xuất khẩu trong năm nay ở mức 3,5 triệu tấn. Theo văn bản do thứ trưởng bộ Thương mại Mai Văn Dâu ký, để bình ổn giá cả thị trường nội địa, từ nay đến cuối năm, các doanh nghiệp (DN) chỉ được xuất khẩu gạo ở mức dưới 1,3 triệu tấn nhằm đảm bảo tổng số gạo xuất khẩu của cả năm 2004 không vượt quá 3,5 triệu tấn. Để thực hiện yêu cầu trên, bộ yêu cầu HHLT thông báo hằng ngày số lượng gạo đã ký hợp đồng và dừng ngay việc xác nhận hợp đồng xuất khẩu của các DN khi tổng lượng gạo giao trong năm nay đã đạt mức 3,5 triệu tấn.

Ông Nguyễn Đức Tụng - chuyên viên phụ trách xuất khẩu gạo tại văn phòng bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại TP Hồ Chí Minh phân tích : « *Sản lượng lúa cả nước năm nay ước đạt 35,184 triệu tấn thóc, tổng chi dùng trong cả nước (lương thực, dự phòng, trừ hao...) khoảng 28,618 triệu tấn thóc. Lượng thóc còn thừa để xuất khẩu là 6.565.600 tấn ; quy ra gạo là 3,61 triệu tấn. Nếu thiên thời địa lợi như hiện nay thì trong năm 2004, cả nước có thể xuất khẩu 3,7-3,8*

triệu tấn». Do đó, theo ông Tụng, việc bộ Thương mại hạn chế xuất khẩu ở mức 3,5 triệu tấn là hợp lý.

Tuy nhiên, nhiều DN đã tỏ ý không đồng tình với quyết định, vì « *nhiều khả năng sẽ dẫn đến tình trạng cuối năm lúa còn nhiều mà DN lại không được phép ký thêm* ». Ông Phạm Văn Bảy - giám đốc công ty Xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm An Giang cho biết: « *Nông dân tỉnh An Giang hiện nay còn trữ trên 400.000 tấn gạo, đó là chưa kể vụ hè - thu sắp tới và vụ 3 với sản lượng trên 700.000 tấn. Gạo còn rất nhiều như vậy mà chúng tôi không thể ký thêm hợp đồng mặc dù hiện nay công ty chỉ mới đạt 80 % chỉ tiêu xuất khẩu cả năm của tỉnh giao. Cần phải tăng thêm chỉ tiêu xuất khẩu gạo cả nước* ».

Đáp lại dư luận đó của các doanh nghiệp, bộ trưởng Vũ Khoan cho biết chính phủ sẽ « không chốt cứng » ở con số này. Ông Khoan giải thích: « *Giá gạo tăng cao, thu nhập của bà con nông dân được nâng lên là điều đáng mừng. Chưa bao giờ lúa được giá như hiện nay, bình thường chỉ vào khoảng 1.400đ/kg đã là "sống được" nhưng giá bây giờ đã đạt từ 2.000- 2.100đ/kg. Thu nhập của nông dân lên cao là tốt nhưng cũng phải tính đến chuyện điều tiết làm sao cho việc giá lúa tăng cao không làm ảnh hưởng đến mặt bằng giá chung* ».

Đầu tháng 7, bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, 6 tháng đầu năm nay, các doanh nghiệp trong nước chỉ xuất khẩu 2,3 triệu tấn gạo, giảm 2 % so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu vẫn đạt 506 triệu USD, tăng 16 % so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do giá gạo xuất khẩu năm nay cao hơn năm ngoái. (theo Thanh Niên 31.7, VnExpress 1.7.2004)

Vấn đề tôm : Thuế quan tùy tiện của Hoa Kỳ

Vào ngày 6 tháng 7, Bộ Thương mại Mỹ đã ra quy định tạm thời đặt thuế "chống bán phá giá" có suất từ 12,11% đến 93,13% đối với tôm Việt Nam và 0,04-112,81% đối với tôm Trung Quốc nhập khẩu vào Mỹ. (Nhắc lại: năm 2003 Mỹ nhập khẩu 588 triệu đô la tôm từ Việt Nam, và 50% tôm xuất khẩu của Việt Nam là sang Mỹ.) Việt Nam và Trung Quốc được xét trước bốn nước khác (cũng bị các nhà sản xuất tôm Mỹ cáo buộc phá giá) vì bị Mỹ cho là có nền "kinh tế phi thị trường". Tuy nhiên, nhìn kỹ thì chỉ độ 1/5 nhà nuôi tôm Việt Nam bị thuế suất tối đa 93,13%, số còn lại bị thuế suất dưới 20%. Điều đáng kể là vài doanh nghiệp nuôi tôm lớn nhất ở Việt Nam và Trung Quốc lại được Mỹ cho hưởng suất thuế nhẹ nhất.

Khoảng ba tuần sau quyết định trên thì Mỹ phán quyết thuế tôm nhập khẩu cho bốn nước còn lại (được coi là có nền "kinh tế thị trường") trong vụ kiện là Brazil (0- 67,8%), Ecuador (6,08-9,35%), Ấn Độ (3,56-27,49%) và Thái Lan (5,56-10,25%). Như vậy, trừ Brazil, mức thuế đối với ba nước kia đều thấp hơn Việt Nam.

Thế là trước mắt, trên thị trường tôm ở Mỹ, Việt Nam sẽ đối đầu với sự cạnh tranh gay gắt hơn từ Ấn Độ và Thái Lan. Đáng lo ngại nữa cho Việt Nam là các doanh nghiệp chịu mức thuế cao của Thái Lan và Ấn Độ hiện có thị phần không đáng kể, trong khi doanh nghiệp đã có thị phần lớn của hai nước này lại được hưởng thuế suất tương đối thấp. Theo nhiều nghiên cứu thì tôm Việt Nam sẽ không còn

cạnh tranh nổi trên thị trường Mỹ nếu phải chịu thuế quan cao hơn 15%.

Trong lúc các nước khác hăm dọa trả đũa quyết định đơn phương này của Mỹ thì Việt Nam chỉ biết khiếu nại là mình không bán phá giá, và than phiền là Mỹ thiếu công bằng, không giúp Việt Nam "xóa đói giảm nghèo".

Nên nói thêm là phán quyết của Bộ Thương mại Mỹ có tính cách sơ bộ. Quyết định tối hậu sẽ do Ủy ban Thương mại Quốc tế (ITC), cũng của Mỹ, ban bố vào tháng giêng 2005. Tuy nhiên, theo luật Mỹ, các doanh nghiệp liên hệ phải đóng kí quỹ lập tức số tiền tương đương với thuế quan mà họ phải nộp nếu thuế được thực thi. Nếu quyết định tối hậu của ITC là sẽ duy trì thuế quan như Bộ Thương mại đã phán quyết thì các nhà nuôi tôm Mỹ sẽ chia nhau bỏ túi số tiền này.

Lương chưa tăng, giá đã tăng

Từ 1.10 năm nay, một lần nữa trên 6 triệu người hiện hưởng lương từ ngân sách nhà nước sẽ được tăng lương. Lương tối thiểu (290.000 đồng/tháng) vẫn được giữ nguyên, trong khi mức lương trung bình và mức lương tối đa được nâng lên, lương tối đa lên gấp 10 lần lương tối thiểu (hiện nay là 8,5 lần). Một bước « nhích » nhỏ thay vì một cuộc cải cách thật sự, như hồ sơ nhiều bài đăng ngày 11.7 của báo Lao động điện tử đã phân tích. Diễn Đàn sẽ trở lại vấn đề này trong một lần khác. Dưới đây là một vài con số thông tin về tình hình « Lương chưa tăng, giá đã tăng » trích trong hồ sơ nói trên.

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 6 tăng 0,8 % so với tháng 5.2004 do tác động của việc nâng giá xăng dầu và đưa khoảng 7.000 tỉ đồng để thực hiện nâng lương từ tháng 10 sắp tới.

Giá thành một số loại hàng hoá, dịch vụ tiêu dùng nhiều như: điện tăng 0,29 %, xi măng tăng 0,16-2,84 %, thép tăng 0,12-0,15 %. Giá thép nguyên liệu phục vụ xây dựng trong nước tăng đột biến, mức tăng phổ biến từ 30 đến 80 % tùy loại. Tôn mạ tăng thêm 2 triệu đồng/tấn. Tôn thép dùng chế tạo thiết bị, kết cấu công trình công nghiệp tăng ở mức 12.000đ/kg. Đầu năm 2004, giá phôi thép nhập khẩu là 480USD/tấn, CIF Hải Phòng (trước đây là 290USD/tấn. Các loại xăng, dầu tăng giá đồng loạt từ 4,35 % đến 17,2 %. Chỉ số giá thực phẩm tăng 11,5-13,2 %, lương thực với mức tăng 0,5 %. Với chỉ số tăng giá ước 13,2 % so với tháng 12.2003, và chiếm đến 47,9 % cơ cấu nhóm hàng tính chỉ số tiêu dùng (CPI), lương thực - thực phẩm là nhóm hàng đầu tiên được nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng cần phải có những biện pháp quyết liệt để bình ổn. Theo nhiều chuyên gia kinh tế, những tháng còn lại của năm đang tiềm ẩn nhiều nguy cơ ảnh hưởng xấu đến tình hình giá cả.

Lương ít thì phải ..." dưỡng liêm":

Ngành cảnh sát giao thông : Cấp bậc thượng tá mức lương cơ bản là 1,711 triệu đồng, đại úy là 1,2 triệu đồng, thượng sĩ là 812 nghìn đồng, trung sĩ là 754 nghìn đồng, hạ sĩ là 696 nghìn đồng. Không có tiền trợ cấp độc hại.

Ngành toà án: Kiểm sát viên sơ cấp có 10 bậc lương, bậc thấp nhất là 626.000đ/tháng; cao nhất là

1.232.500đ/tháng. Kiểm sát viên trung cấp có 9 bậc, khởi điểm: 1.049.000 đ/tháng, cao nhất: 1.653.000đ/tháng. Nhưng chỉ có viện trưởng viện KSND tỉnh, thành mới được hưởng bậc cao nhất này. Ngoài số tiền trên, những kiểm sát viên tiến hành tố tụng được hưởng 120.000đ/tháng tiền “ dưỡng liêm ” !

Tiếp tục xử tù những người đối lập

Chính quyền Việt Nam vẫn tiếp tục chính sách đàn áp của mình đối với những công dân không có tội tình gì ngoài những suy nghĩ khác đảng cộng sản đối với các vấn đề chính trị của đất nước và công khai nói lên điều đó.

Khó có thể nói gì khác khi đọc tin bác sĩ Nguyễn Đan Quế lại bị toà án nhân dân thành phố HCM xử phạt 30 tháng tù ngày 29.7 về tội “ lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của nhà nước, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân ”. Theo cáo trạng, ông Quế bị bắt ngày 17.3.2003 khi “ đang sử dụng máy tính tại điểm dịch vụ internet trên đường An Dương Vương, quận 5, để nhận và tán phát tài liệu phản động ”. Bản cáo trạng thừa nhận công an soi mói vào một hoạt động tư (gửi và viết thư) của công dân ! Cáo trạng còn khẳng định những tài liệu mà ông soạn thảo và gửi đi “ bộc lộ sự vu cáo trắng trợn sự thật về tự do, dân chủ ở VN (...), tạo nên những nhầm tưởng về tình hình bất ổn ở VN ” (theo Nhân Dân). Có sự vu cáo trắng trợn các quyền tự do dân chủ ở VN nào hơn chính bản án ? Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, năm nay 62 tuổi, đã từng bị tù hơn 18 năm, từ 1978 đến 1988 về tội chống chính quyền, và từ năm 1990 khi ông thành lập “ Cao trào nhân bản ” nhằm đấu tranh đòi dân chủ ở VN, tới năm 1998.

Trước phiên toà xử ông Quế, toà án VN cũng đã xử các ông Phạm Quế Dương (trong phiên toà ngày 14.7 tại Hà Nội) và Trần Khuê (ngày 9.7, tại TP HCM) mỗi người 19 tháng tù, với tội danh như ông Quế. Cả hai, bị bắt 19 tháng trước, đã được trả tự do cuối tháng 7. Ông Phạm Quế Dương, năm nay 73 tuổi, cựu đại tá quân đội nhân dân VN, bị bắt ngày 28.12.2002 sau khi ông vào Sài Gòn tiếp xúc với ông Trần Khuê. Ông Khuê bị bắt một ngày sau. Cả hai là những sáng lập viên của hội “ Nhân dân chống tham nhũng ” dĩ nhiên chưa bao giờ được chính quyền thừa nhận. Được tin giờ chót : ông Phạm Quế Dương đã được trả tự do ngày 29-7-04 . (tin tổng hợp)

VN dự Olympic 2004

Việt Nam sẽ có mặt ở thế vận hội Athena với 11 vận động viên (VĐV). Niềm hy vọng duy nhất có thể giành huy chương cho Việt Nam, theo giới chuyên môn, là võ sĩ taekwondo Nguyễn Văn Hùng, lại đang bị chấn thương. 4 năm trước, nữ VĐV Trần Hiếu Ngân đã giành được huy chương bạc tại Sydney 2000 cũng trong bộ môn này. Đó cũng là lần đầu tiên taekwondo được đưa vào chương trình thi đấu ở thế vận hội. Cùng với Hùng, có một VĐV taekwondo nữa là Nguyễn Quốc Hoàn.

Đối với các môn thể thao khác, mục tiêu chính, theo trưởng đoàn Nguyễn Hồng Minh là : “ tham gia để đóng góp vào phong trào phát triển Olympic, đồng thời tạo điều kiện cho các VĐV có cơ hội giao lưu, học hỏi với bè bạn quốc tế. ”.

Ở môn bắn súng, Nguyễn Mạnh Tường có nhiệm vụ lọt vào top 20. Giành quyền tới Athena nhờ vé đặc cách, VĐV cử tạ Nguyễn Thị Thiết phấn đấu từ vị trí thứ 6 đến 12. Còn bộ đôi chèo thuyền Phạm Thị Hiền - Nguyễn Thị Thị hy vọng chèo về ở vị trí 22/30. Còn đối với bóng bàn (Đoàn Kiến Quốc), bơi lội (Phan Hữu Việt), canoe (Đoàn Thị Cách), chỉ tiêu chỉ là vượt qua thành tích của chính bản thân.

Riêng điền kinh còn khó khăn hơn nhiều vì Bùi Thị Nhung (nhảy cao) và Lê Văn Dương (800 m) phải vượt qua vòng sơ loại trên sân phụ mới biết có được vào sân thi đấu chính thức hay không. (theo VnExpress 2.8.2004)

Thế vận hội đã kết thúc, và đoàn VN không được huy chương nào.

Pháp quyền : xin lỗi, bồi thường công dân bị bắt giam, xét xử oan sai

« Cho tôi xin lỗi công khai bà Vân và ông Hiệp » : Thay mặt cho Toà án tối cao Thành phố Hồ Chí Minh, phó chánh toà phúc thẩm Nguyễn Xuân Phát đã đến tận nơi cư ngụ của hai công dân Nguyễn Thị Vân và Phùng Văn Hiệp, ở thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, để chính thức và trực tiếp xin lỗi vì đã xử oan sai, khiến bà Vân phải ngồi tù 18 tháng, ông Hiệp bị kết án 24 tháng tù treo về tội ‘lừa đảo chiếm đoạt tài sản’. Việc phục hồi danh dự bà Vân và ông Hiệp còn được công khai hoá lên báo, một tờ báo ở trung ương (*Pháp Luật*) và một tờ báo ở địa phương (*Hậu Giang*) trong ba số liền. Để giải quyết phần bồi thường về vật chất, tinh thần, danh dự, ông Phát cũng trao các đương sự những biểu mẫu kê khai thiệt hại trong thời gian thi hành án oan : bà Vân đã yêu cầu mức bồi thường gần 180 triệu.

Liên tiếp trong thời gian từ cuối tháng sáu vừa qua, không chỉ toà án mà cả các cơ quan kiểm sát và điều tra ở một số địa phương đã làm những điều tương tự qui định trong nghị quyết 388 của uỷ ban thường vụ Quốc hội (xem *Diễn Đàn* tháng 5.2004). Tại tỉnh Tiền Giang, trước sự chứng kiến của 200 người dân xã Hoà Tịnh, huyện Chợ Gạo, phó giám đốc công an tỉnh, thượng tá Nguyễn Chí Phi, đã công khai xin lỗi công dân Phạm Văn Thành về những sai sót của ngành công an trong việc bắt ông hai lần năm 1989 và 1995. Ông Thành bị giam giữ tổng cộng là 18 tháng với tội danh ‘vu khống, chống người thi hành công vụ’ vì công an huyện tình nghi ông đã giết con trai. Sau 14 năm đi khiếu kiện, vào tháng 5 năm nay, công an tỉnh mới công nhận sai lầm « do nóng vội, yếu kém về nghiệp vụ, chuyên môn và pháp luật », và đề nghị ông Thành cho biết yêu cầu bồi thường. Cũng tại Tiền Giang, còn có trường hợp công dân Trần Văn Chiến (huyện Gò Công Đông) bị kết án tù chung thân về tội giết người và ở tù 16 năm trước khi được công nhận vô tội năm 1995 : toà án tỉnh đã đề nghị mức bồi thường 221 triệu đồng và ông Chiến đã đồng ý nhận.

Tiếp theo hai trường hợp trên, ba công dân khác của tỉnh Tiền Giang, các ông Võ Văn Bé (huyện Cái Bè), Trần Ngọc Tân (thị xã Mỹ Tho) và Bùi Văn Mạnh (huyện Gò Công Tây) đã nộp đơn đòi công an bồi thường do bị bắt giam oan : riêng ông Mạnh đã từ chối tiền bồi thường

110 triệu đồng và đang kiện chính quyền tỉnh vì ông ước tính các thiệt hại gây cho gia đình ông lên đến 1,1 tỉ đồng. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, chánh án toà án Bùi Hoàng Doanh cho biết đang thương lượng với bốn bị cáo đòi bồi thường do bị truy tố, xử án oan. Nếu cuộc thương lượng bất thành, theo nghị quyết 388, các đương sự có khả năng nộp đơn khởi kiện và lúc ấy « toà án là bị đơn và chánh án sẽ phải hầu toà ».

Tại Đà Nẵng, phó viện trưởng kiểm sát Phan Trường Sơn đã trực tiếp đến xin lỗi và cam kết bồi thường người bị oan là ông Trương Ngô Đại. Bị viện kiểm sát ra lệnh tạm giam để điều tra, ông Đại đã được minh oan sau hai tháng ở tù. Ở Hà Nội, viện kiểm sát thành phố đã công khai xin lỗi và phục hồi danh dự công dân Hoàng Minh Tiến sau những sai lầm trong quá trình truy tố, khiến ông bị bắt giam hơn một năm tù. Tuy vậy ông Tiến cho biết chưa hài lòng và ước tính mức thiệt hại gây cho gia đình ông lên đến 4 tỉ đồng: « Nếu phục hồi danh dự thì phải trả lại cho tôi ngôi nhà thu trái phép, trả lại mọi chức danh mà tôi có trước đây ».

Báo Tuổi Trẻ đưa ra nhận xét: « Xin lỗi » là hai từ người ta thường dùng trong giao thiệp hằng ngày, song đối với các cơ quan nhà nước « thốt ra những lời này thật khó khăn biết bao ! Nhưng chúng đã được thốt ra ». Với nghị quyết 388, pháp quyền ở Việt Nam đã tiến một bước cần được ghi nhận. Bởi vì, như nhà bình luận Nguyễn Sĩ Dũng nhận định trên báo Tuổi Trẻ « điều quan trọng là các nguyên tắc pháp quyền phải được tuân thủ trong quá trình tố tụng ». Nguyên tắc đầu tiên là « bị cáo đương nhiên vô tội »: Bị cáo không có trách nhiệm chứng minh rằng mình vô tội; chứng minh bị cáo có tội là trách nhiệm của cơ quan giữ quyền công tố. Nguyên tắc thứ hai là « phán quyết của toà án phải dựa vào kết quả tranh tụng »: nếu công tố viên thất bại trong việc chứng minh bị cáo phạm tội thì toà án không thể kết tội người bị cáo. Mặc dù các nguyên tắc này đã ghi trong hiến pháp, việc thực hiện nghị quyết 388 nhắc nhở yêu cầu tuân thủ những điều đó một cách nghiêm ngặt. Bởi vì, như thượng tá công an Nguyễn Chí Phi khẳng định, tinh thần của nghị quyết 388 « không phải là cứ làm sai rồi xin lỗi » mà là hạn chế oan sai để tránh phải xin lỗi và đền bù thiệt hại. Câu hỏi còn lại là bao giờ các cơ quan công an mới tôn trọng những điều nói trên trong các vụ án chính trị ? [Tuổi Trẻ 26.6 ; 2, 4, 8, 27 và 29.7 ; 2 và 17.8.04]

TIN NGẮN

Chế độ **chuyển ngân tiền ra nước ngoài** có phần thông thoáng hơn, trong sáu tháng đầu năm 2004, Ngân hàng nhà nước ở Thành Phố Hồ Chí Minh đã chuyển ra nước ngoài 28 triệu USD (440 triệu đồng) dùng chủ yếu vào các mục đích du học (80%) và định cư ở nước ngoài. Theo những qui định mới, trường hợp trợ cấp được phép chuyển tối đa 5000 USD/người/năm. Trường hợp định cư ở nước ngoài được mang theo 10000 USD/người, rồi hàng năm được chuyển tiếp theo mức trên cho đến khi hết tài sản. Chuyển gia tài, thừa kế ra nước ngoài cũng theo mức như vậy.

Trong kỳ bầu lại **hội đồng nhân dân các cấp** tháng tư

vừa qua, nhiều cán bộ chủ chốt và dự kiến chủ chốt, do đảng cộng sản và các đoàn thể xã hội trực thuộc giới thiệu, đã không trúng cử. Ở mức độ tỉnh, 11 tỉnh uỷ viên, 32 giám đốc, phó giám đốc sở, ban không được dân tín nhiệm. Ở cấp huyện, 102 huyện uỷ viên, chủ tịch, phó chủ tịch uỷ ban và hội đồng nhân dân, và 105 trưởng, phó phòng, ban đã thất cử. Ở cấp xã, có 2003 xã uỷ viên, chủ tịch, phó chủ tịch uỷ ban và hội đồng nhân dân, và 943 cán bộ đoàn thể xã hội không trúng cử.

Độc báo trong nước

LTS. Độc báo chí trong nước trong ba tháng vừa qua, người ta thấy rõ, thời sự về giáo dục VN hầu như chỉ tập trung chung quanh các vấn đề thi cử. Một tình trạng lệch lạc khủng khiếp, mà bài báo dưới đây càng làm nổi bật. Có lẽ không cần nhiều lời để nói rõ hơn về tính chất phản động, nguy hại cho nhiều thế hệ của một nền giáo dục mà có người còn cố gắng bào chữa, chỉ chấp nhận những thảo luận về các chi tiết kỹ thuật, tổ chức.

Kỳ thi... " có một không hai " !

1.001 câu chuyện dở khóc dở cười đã xảy ra vào 7g10 sáng 14.7, khi 7.580 thí sinh nhí chưa một lần được cấp sách đến trường (vì tháng 9.2004 này các em mới bước vào lớp 1) nhưng phải trải qua kỳ khảo sát năng khiếu ngoại ngữ để vào học lớp 1 chương trình tăng cường tiếng Anh ở TP.HCM...

Đang trả lời ro ro những câu hỏi của giám khảo, bất chợt thí sinh đề nghị: " Cô ơi, nghỉ chút xíu đi cô ! ". Giám khảo tròn mắt: " Sao vậy con ? ". " Con đói bụng quá ! ". " Con không ăn sáng trước khi đi thi à ? ". " Con có ăn sáng nhưng bây giờ tới cử rồi ". Miệng nói, tay thí sinh móc trong cặp ra bình sữa và đưa lên... bú một hơi. Xong ! " Rồi ! Giờ thi tiếp đi cô ".

" Két... ! " - tiếng Honda thắng gấp trước cổng Trường tiểu học Dương Minh Châu, Q.10. Một chị phụ huynh vội vàng dựng xe và tắt tà dẫn đưa con trai vào trường thi.

Thằng bé mặt còn ngái ngủ, tay phải nắm lấy tay mẹ, tay trái vẫn còn cầm hộp sữa gấp gấp bước theo. Giao con cho bác bảo vệ và dặn dò " bình tĩnh để làm bài thi nhá con ".

Nhưng chị chưa kịp quay lưng thì thằng bé đã vội vàng kéo tay mẹ, giọng thất thanh: " Mẹ... ". Chị phụ huynh quay lại: " Con ngoan vào thi đi, ráng làm bài tốt xíu nữa thi xong mẹ dẫn đi ăn kem... ". Giám thị hành lang và bác bảo vệ ra sức dỗ dành...

Vừa đứng chờ con trước cổng Trường tiểu học Trần Hưng Đạo, Q.1, chị Thanh Thu vừa lo lắng: " Không biết nó có tỉnh táo mà làm bài không. Sáng nay tôi phải đánh thức cháu dậy từ 5g để ôn bài rồi còn đi ăn sáng. Cái thằng ham ngủ ghê, tới ngày thi mà cứ nản nỉ mẹ cho con ngủ thêm chút đi. Chẳng là tối qua anh ta thức khuya mà, cứ đi theo hỏi mẹ " nếu con thi rớt thì có được đi học lớp 1 không ? ". Giải thích mãi mà nó cứ thao thức, bồn chồn không chịu ngủ, nó còn đề nghị hay là con khỏi thi để khỏi học " cái lớp ngoại ngữ ". "Con sợ đi thi lắm, nếu lỡ không trả lời được thì cô giáo có đánh con không, có la

con không ? ”.

Tại phòng chờ, cảnh thường gặp nhất là các vị phụ huynh ra sức năn nỉ, dỗ dành sĩ tử với bánh kẹo, chè, kem, sữa và cả tranh thủ dò bài.

Phụ huynh của thí sinh L.M.T. cho biết chị đã đóng 390.000 đồng cho con mình đi học luyện thi tiếng Anh trong một tháng rưỡi nhưng vẫn sợ rớt.

Vì thế, chị đã đăng ký cho con thi tăng cường ngoại ngữ ở hai trường Q.1 và Q.10 với quyết tâm “ nhất định phải vào được lớp tăng cường ”.

Không có một cuộc thống kê chính thức nhưng hầu hết phụ huynh chúng tôi gặp đều khẳng định có cho con em đi học luyện thi (bằng nhiều hình thức: học ở trường tiểu học, học ở nhà giáo viên, mời gia sư về nhà dạy kèm...), “ nếu không làm sao tụi nó biết mà làm bài, chưa kể nếu không cho đi học tụi nhỏ sẽ không chịu đi thi vì... sợ chỗ đông đúc lại toàn người lạ ”.

8g20 sáng 14-7, khi chúng tôi đến hội đồng thi Trường tiểu học Triệu Thị Trinh đã thấy phụ huynh của thí sinh P.N.Tr. đang ngồi rầu rĩ ở ghế đá: “ Tôi cũng đã cho cháu đi học thêm trong hè rồi đó chứ. Không hiểu sao nó lại nhất thế, sáng đi thi tưởng đầu ổn rồi ”. Không ngờ mới vào phòng thi được vài phút, quay qua không thấy mẹ đâu cô bé đã khóc la âm ỉ làm náo loạn cả phòng thi. Đến nỗi hội đồng thi phải cho thí sinh ra ngoài ghế đá ngồi với mẹ để “ lấy tinh thần ”. Và sau đó phụ huynh của thí sinh này đã được “ đặc cách ” ... ngồi trước cửa phòng thi cho thí sinh... nhìn thấy mẹ trong khi trả lời câu hỏi của giám khảo (!).

Phòng khảo sát năng khiếu ngoại ngữ dành cho sĩ tử nhí cũng rất đặc biệt: Có thí sinh đến giờ thi thì bất ngờ giờ tay: “ Cô ơi, con khát nước ”, có thí sinh lại thủ thi: “ Cô ơi, con muốn đi vệ sinh ”, và không ít thí sinh thàng thốt: “ Á, mẹ con đâu cô ? ”.

Thậm chí sáng 14-7, khi một giám thị hành lang (có nhiệm vụ nhận thí sinh từ tay phụ huynh, dẫn thí sinh vào phòng chờ cho xem phim hoạt hình, dẫn lên phòng thi, đi vệ sinh... và hàng lô hàng lốc việc linh tinh khác không liên quan đến thi cử) ở Trường tiểu học Triệu Thị Trinh lo lắng hỏi một em nữ: “ Con có sao không ? Sao mặt con xanh quá vậy ? ”.

Cô bé bẽn lẽn lắc đầu, nói nhỏ: “ Cô ơi, con mắc... ”.

Tại sao cả trò lẫn thầy phải khổ sở thế này ? Đúng là kỳ thi có một không hai...

VIỆT KHA - THƯ NGUYỄN
(Tuổi Trẻ 14.7.2004)

Điện ảnh : phim « Mê Thảo » tìm nơi đến với công chúng...

‘Mê Thảo : Đi chỗ khác chơi !’ (Tuổi Trẻ), ‘Mê Thảo : vang bóng một tuần lễ rồi... tắt bóng’ (Doanh nhân Sài Gòn), ‘Mê Thảo chỉ của Thời Vang Bóng’ (Sài Gòn Tiếp Thị), ‘Rạp nào cho phim nghệ thuật-thử nghiệm ?’ (Lao

Động), ‘Mê Thảo đang bị lãng phí’ (Thanh Niên), ‘Phim Việt Nam từ nay chỉ còn mộng... « chân dài »’ (Người Lao Động), ‘Chủ ấp Mê Thảo phải nhường chỗ cho Passeurpartout’ (VietnamNet), ‘Vì sao Mê Thảo chết yểu’ (VNexpress), ‘Mê Thảo được bố thí lần 2’ (Yxine.com)...

Sự kiện phim ‘Mê Thảo - Thời vang bóng’ của đạo diễn Việt Linh bị ‘hất’ ra khỏi những rạp chiếu bóng Thành phố Hồ Chí Minh như giọt nước làm tràn ly nổi bất bình của công luận về cách hành xử của mạng lưới phát hành chiếu bóng - hầu hết mang tính quốc doanh - đối với các phim Việt Nam. Trước ‘Mê Thảo’, đã từng có khá nhiều trường hợp phim được công chúng chờ đợi (‘Mùa Ổi’ của Đặng Nhật Minh, ‘Người đàn bà mộng du’ của Nguyễn Thanh Vân, ‘Thung lũng hoang vắng’ của Huệ Giang, ‘Cửa roi’ của Vương Đức, ‘Chung Cư’ của Việt Linh hay ‘Mùa hè chiều thẳng đứng’ của Trần Anh Hùng) nhưng thời gian chiếu quá ngắn, khán giả chưa kịp xem thì phim bị đem bỏ vào kho.

Riêng ‘Mê Thảo’ (Bông hồng vàng liên hoan Bergamo, giải nhì Quý cổ động quốc tế các phim phía Nam của tổ chức các nước sử dụng tiếng Pháp Francophonie), sau hai năm dài chờ đợi, đã ra mắt khán giả Việt Nam trung tuần tháng 7 vừa qua, tại hai rạp chiếu bóng ở TPHCM (Cinebox, 300 chỗ ; Fafim, 150 chỗ) và một rạp ở Hà Nội (Trung tâm chiếu bóng quốc gia, 120 chỗ). Trong cuộc họp báo giới thiệu bộ phim, đạo diễn Việt Linh cho biết có đề xuất với Hãng phim Giải Phóng, nhà sản xuất của ‘Mê Thảo’, một phương cách phát hành thích hợp với thể loại phim này là : « không phát hành rầm rộ mà chiếu phim kiểu ‘mưa dầm thấm đất’ » - dựa trên trên sự truyền miệng của người xem và sự kéo dài thời gian chiếu. Vậy mà chỉ mới một tuần trên màn ảnh, ‘Mê Thảo’ bị cả hai rạp ở TPHCM đột ngột ‘đẩy’ ra để chiếu phim nước ngoài - trong đó có bộ phim Mỹ ‘Vòng quanh thế giới trong 80 ngày’ với Jacky Chan (trong vai Passeurpartout).

Ban giám đốc hãng Giải Phóng giải thích việc các rạp ngưng chiếu sớm là do « số thu không đủ bù chi ». ‘Mê Thảo’ không phải ‘Gái Nhảy’ hay ‘Những cô gái chân dài’ (doanh thu khoảng 12 tỉ đồng mỗi phim), song lượng vé bán không đến nổi thấp : gần 2000 vé trong 7 ngày, chia cho số suất và số ghế, bình quân mỗi suất đầy nửa khán phòng. Chẳng lẽ điều đó vẫn chưa đủ đối với các chủ rạp ? Điều đáng chú ý là các rạp đã xếp những suất chiếu phim hoặc vào những ngày không đúng lịch thông báo (Fafim) hoặc trong các giờ vắng khách trong ngày (Cinebox). Điều còn làm cho người ta ngạc nhiên là phía trước các rạp không hề có áp phích của phim cho nên khán giả khó có thể nhận biết nơi đây đang chiếu ‘Mê Thảo’. Hơn thế nữa, giám đốc hãng Giải Phóng Lê Đức Tiến thừa nhận hãng hầu như không có đầu tư vào việc phát hành sản phẩm của mình làm ra. Thật ra, ngay không phải tốn kém, như thông tin trên trang web của mình, hãng cũng không làm.... Chính báo giới có cảm tình với ‘Mê Thảo’ đã tự quảng bá phim trong công chúng thay cho nhà sản xuất và phát hành .

(xem tiếp trang 29)

TRANG ĐẶC BIỆT

Tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ :

« Tất cả cùng ầu, thành ra nổi này ! »

LTS : Kỷ niệm 50 năm ngày chiến thắng Điện Biên Phủ, ngày 30.4 vừa qua, lãnh đạo của đảng công sản và nhà nước Việt Nam khánh thánh với biết bao lời ca tụng, tán dương tượng đài chiến thắng, xây trên đỉnh đồi D1 của thị xã Điện Biên Phủ. Chỉ một tháng sau và vài trận mưa to, công trình « trăm năm » đã rạn nứt nghiêm trọng và có nguy cơ nghiêng đổ. Các cuộc kiểm tra thực hiện trong tháng 7 ghi nhận : các dải tường chắn đất bằng đá xây có nhiều vết nứt đến 4cm, bị lún sâu xuống đến 30cm, nghiêng ra phía ngoài so với vị trí ban đầu đến 10cm và có đoạn sạt lở gần 10m ; còn nền sân dưới chân tượng thì bị võng có chỗ đến 50cm.

Một nhóm phóng viên của báo Tuổi Trẻ đã gặp và phỏng vấn các bên có trách nhiệm dự án xây dựng tượng đài : ông Lê Hiệp, kiến trúc sư trưởng của cơ quan thiết kế (Viện bảo tồn di tích), bà Võ Thị Hồng, giám đốc công ty thi công (công ty Mỹ thuật trung ương, thuộc bộ văn hoá-thông tin), ông Lương Phương Các, giám đốc ban quản lý dự án tượng đài (phó giám đốc sở văn hoá-thông tin Điện Biên), ông Nguyễn Đức Trung, tư vấn giám sát việc thi công (giám đốc ban quản lý các dự án thuộc sở xây dựng tỉnh Điện Biên). Chúng tôi ghi lại dưới đây những lời giải thích do các bên đưa ra.

Từ làm thật đến làm tạm và... làm ầu

Đối với các bên trách nhiệm dự án, nguyên nhân của các « sự cố » là do công trình bị ép tiến độ, phải làm xong trước tháng năm để kịp phục vụ ngày lễ lớn : thời gian thi công lẽ ra cần hơn hai năm thì chỉ được không đầy nửa năm. Ở tư thế chủ thi công, bà Hồng, phân bua : « Khâu quy hoạch đến cuối 2002 mới xong. Năm 2003 mới bảo làm. Mất nửa năm để chọn mẫu tượng rồi. Cuối năm 2003 mới bắt đầu thi công, vậy là chỉ còn có năm tháng. Thời gian như thế làm sao kịp. May mà lãnh đạo lên góp ý, nói là nên làm tạm. Có văn bản hẳn hoi. Nhưng khi làm tạm thì xảy ra sự cố ».

Với chủ trương « làm tạm » này, không có sự cố xảy ra mới là điều ngạc nhiên. Kiến trúc sư Hiệp đã nói huych toẹt : « Từ lúc làm đã được bật đèn xanh là làm tạm thì tất nhiên nảy sinh tâm lý làm bừa, làm ầu. Ai cũng nghĩ ầu một tí không sao, rồi đằng nào cũng phải làm lại cơ mà, tất cả cùng ầu thành ra nổi này ».

Khảo sát chỉ... bốn mũi khoan

Người đến xem tượng đài ngày hôm nay có thể đọc tám biển như sau : « Để kịp lễ kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, được sự đồng ý của cấp trên, một số hạn mục của công trình, đặc biệt là sân hành lễ, đã được thi công chỉ là giải pháp tạm thời ». Tường kè bị sạt lở phải chằng chằng là hậu quả của chủ trương làm tạm cho kịp tiến độ ? Ở tư thế chủ đầu tư, ông Các khẳng định : phần tường kè « không hề tạm mà yêu cầu làm thật ». Sờ dĩ kè cũng như sân bị lún nứt là do « người ta đã bỏ qua việc khảo sát địa chất ở đây ». Chính xác hơn : toàn bộ khu tượng đài mệnh mong trên

đỉnh đồi D1 chỉ được khảo sát bằng 4 mũi khoan ở dưới chân móng tượng, còn các vị trí khác không hề có khảo sát. Hơn thế nữa, bà Hồng tiết lộ rằng công ty được thuê khảo sát địa chất, thật ra, chỉ là « một đơn vị địa phương ». Ông Các, tuy là lãnh đạo ở địa phương này, khẳng định ban quản lý dự án « không biết bên thiết kế thuê ai làm ». Vì sao một thiết kế sai lầm đã có thể lọt qua nhiều cửa phê duyệt ? Theo ông Trung, phía tư vấn giám sát đã phát hiện hồ sơ thiết kế « có vấn đề » và có trình bày miệng tại cuộc họp giao ban giữa các bên, nhưng rồi việc « trình bày miệng » ấy đã chìm giữa bộn bề công việc chuẩn bị lễ kỷ niệm 50 năm. Điều mà các bên hiện nay đều đồng ý là, trước mắt, không nên đụng đến công trình, cứ để nó lún hết mức có thể trong mùa mưa này, sau đó sẽ dỡ ra và làm lại « từ đầu », theo đúng qui trình tự kỹ thuật : có nghĩa là khảo sát lại, thiết kế lại và thi công lại...

Nguy hiểm nhất... là bức tượng

Theo biên bản của đoàn kiểm tra bộ văn hoá-thông tin, « qua khảo sát bằng máy và mắt thường, móng, bệ tượng và tượng đài không có hiện tượng lún, nứt, nghiêng ». Trấn an dư luận, bà Hồng khẳng định : « Phần tượng thì không có vấn đề. Bệ tượng làm tương đối chắc ». Song, đó không phải là ý kiến của ông Hiệp : « Phần nguy hiểm nhất không phải là phần lún nứt, sạt lở được mọi người nhìn thấy, mà chính là ở bản thân bức tượng. Chính xác hơn là ở phần liên kết giữa tượng đồng và bệ tượng bằng bê tông ». Ông cho biết có đề xuất một phương án với kết cấu thép trên mặt bệ để, khi đặt tượng lên, thì đổ bê tông đảm bảo liên kết. Nhưng dự án cuối cùng lại chọn một phương án « liên kết chỉ bằng bản thân trọng lượng của phần tượng ở trên.

Lương tâm nghề nghiệp ở đâu ?

Trước những câu hỏi không nhân nhượng của phóng viên báo chí, ông Lê Hiệp trả lời thẳng thắn : « Trước kia tôi cũng có lần đủ can đảm để từ chối những đề án công trình « chào mừng » kiểu như thế này. Nhưng đối với tượng đài Điện Biên Phủ, tôi không từ chối được bởi vì có rất nhiều người cần đến sự đồng ý của tôi để công việc được « thuận buồm xuôi gió ». Lãnh đạo thì cần công trình kỷ niệm ; kỹ sư, công nhân thì cần việc làm. Mà tôi không làm thì cũng có người khác nhận thiết kế... ».

Trách nhiệm chính trị nào ?

Ngoài tượng đài Điện Biên Phủ còn có một số công trình tượng đài kỷ niệm khác đang được tiến hành trong những điều kiện tương tự : tượng đài Lý Thái Tổ ở Hà Nội, tượng đài Chiến thắng ở TP.HCM...

Dư luận không ngần ngại gọi đó là những tượng đài « làm giả, ăn thật » ! Được biết tượng đài Điện Biên Phủ đến nay đã tiêu đến 47 tỉ đồng, tức là hơn ngân sách một năm của một tỉnh cỡ trung bình, một điều hoàn toàn xa lạ với tinh thần Điện Biên Phủ.

[Hải Vân tổng hợp và bình luận – Tuổi Trẻ 26, 29, 31.7 và 2.8.04]

Lạm phát ở Việt Nam (tiếp theo trang 1)

Mức thiếu hụt cán cân xuất nhập khẩu năm 2003 là 5.1 tỷ USD. Mức thiếu hụt này chưa tạo nên khủng hoảng cán cân thanh toán vì hiện nay thiếu hụt được bù đắp bằng 2,5 tỷ do lao động người Việt ở nước ngoài và Việt kiều gửi về, khoảng 1 tỷ đầu tư trực tiếp của nước ngoài và phần còn lại là vay mượn nước ngoài. Nhưng tình hình phát triển kích cầu hệ thống quốc doanh thiếu hiệu quả này không thể tiếp tục trong tương lai, và đó là tương lai rất gần.

Chính sách kích cầu, đi liền và đòi hỏi ngân hàng tăng tín dụng đã đưa lạm phát đến mức báo động. Cả năm 2002, lạm phát là 3%. Chỉ trong 6 tháng đầu năm lạm phát đã lên tới 7,2%. Và cho cả năm 2004, lạm phát khó lòng dưới 10%. Việc tăng lương nhằm tăng hiệu quả lao động sẽ không bắt kịp lạm phát.

Các nhà làm chính sách ở trong nước thì thay vì nhận chân vấn đề lại mở ra những cuộc tranh luận một cách vô nghĩa gần 6 tháng khi vào cuối năm 2003, mức tăng tín dụng, tiền và gần-như-tiền (quasi-money) lên tới mức báo động từ 30 đến 40% (coi số liệu mới cung cấp cho

IMF trong bảng đính kèm - số liệu này rất khác số liệu đã cung cấp trước đây, cho phép ta tự hỏi về tính chân thật của số liệu tiền tệ được coi là bí mật quốc gia này). Cuộc tranh luận bắt đầu bằng việc đặt vấn đề là quyền số chi tiêu lương thực của hộ gia đình do Tổng cục Thống kê dùng là không đúng do đó đưa tới chỉ số giá tăng cao (tôi đã so sánh với nhiều nước và thấy quyền số này không có vấn đề). Cuộc tranh luận chuyển sang việc tại sao lại gọi tăng giá là lạm phát? Tăng giá không phải là lạm phát, có người đã cố lý luận như vậy. Rồi có người lại đặt vấn đề là tăng giá hiện nay khác tăng giá năm 1980-1990 về bản chất vì tăng giá ở Việt Nam là do tăng giá xăng dầu từ nước ngoài. Lý luận này có vẻ có lý, nhưng người lý luận không thấy rằng mức dùng dầu xăng cho một đơn vị sản lượng và mức tiêu thụ xăng dầu ở Việt Nam rất thấp so với Mỹ, thế tại sao Mỹ không có lạm phát ở mức 10% ?

Từ “lạm phát” là dịch của chữ inflation. Về chữ nghĩa thì “lạm phát” là lạm phát in tiền. Do đó có thể lý luận một cách vô nghĩa rằng tăng giá không nhất thiết là do lạm phát tiền. Nhưng lý thuyết tiền tệ đã chỉ ra rằng, tăng giá nói cho cùng là vấn đề tăng tiền tệ. Nếu giá thành (như xăng dầu, sắt thép nhập từ nước ngoài chẳng

Những thống kê về kinh tế Việt Nam

	1999	2000	2001	2002	2003	6 tháng đầu 2004
GDP (tỷ US)	28.68	31.35	32.94	35.10	38.20	
Tốc độ phát triển kinh tế	4.8%	6.8%	6.8%	7.0%	7.3%	
Xuất khẩu (tỷ US)	11.33	14.19	15.01	16.67	19.84	
Nhập khẩu (tỷ US)	11.34	15.25	16.17	19.73	25.00	
Cán cân xuất nhập khẩu (tỷ US)	-0.01	-1.07	-1.16	-3.05	-5.15	
Cán cân xuất nhập khẩu/GDP	0.00	-3.4%	-3.5%	-8.7%	-13.5%	
Tốc độ lạm phát	4.1%	-1.7%	0.8%	1.5%	3.0%	7.2%
Thâm hụt ngân sách/GDP				-2.70%	-2.90%	
Tổng tín dụng (tỷ VND)		155236	191204	239921	317771	
Tốc độ tăng tín dụng			23.2%	25.5%	32.4%	
Tiền (tỷ VND)		90989	112408	125329	157025	
Tốc độ tăng tiền			30.6%	14.7%	39.2%	
Gần-như-tiền (quasi-money) (tỷ VND)		106005	138437	158815	221035	
Tốc độ tăng gần-như-tiền			30.6%	14.7%	39.2%	
Đầu tư/GDP	27.6%	29.6%	31.2%	32.1%	35.0%	
Đầu tư của từng khu vực						
Nhà nước	58.7%	57.5%	58.1%	56.2%	56.7%	
Tư nhân	24.0%	23.8%	23.5%	25.3%	26.7%	
Nước ngoài	17.3%	18.7%	18.4%	18.5%	16.6%	
Đầu tư nhà nước						
Từ ngân sách	41.3%	41.3%	42.5%	39.1%	38.3%	
Vốn vay nước ngoài	32.0%	32.2%	29.5%	30.9%	30.5%	
Vốn doanh nghiệp	26.7%	26.5%	28.0%	30.0%	31.2%	

Nguồn: Niên Giám Thống kê, Tổng cục Thống kê; Vietnam Statistical Appendix, 2003, IMF; Vietnam: Growth and Reduction of Poverty, Annual Report of 2002-2003, The Inter-Ministerial Working Group, Hanoi (hai tài liệu sau trên www.imf.org).
Tiền tệ, tín dụng lấy ở: International Financial Statistics, IMF, May 2004.

hạn) có tăng thì các giá khác phải giảm nếu như lượng tiền tệ và tín dụng không tăng. Việc giá đẩy giá (cost push) chỉ xảy ra nếu ngân hàng trung ương cho phép nó xảy ra. Nhìn vào tốc độ tăng tín dụng ở Việt Nam, ta thấy rõ là tốc độ tăng đã ở mức rất cao và đang có chiều hướng đi lên. Không thể in tiền, tung tín dụng kích cầu mãi để đạt chỉ tiêu phát triển cao. Cần nhanh chóng nhận định chính xác vấn đề để có chính sách tiền tệ và tín dụng phù hợp. Hình như chính phủ đã thấy vấn đề khi quyết định tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc, nhằm giảm mức tăng tín dụng. Nhưng đồng thời vẫn có ý kiến là từ lãnh đạo ngân hàng là tiếp tục giữ chỉ tiêu mức tăng tín dụng là 25% năm 2004. Còn cơ quan kế hoạch thì vẫn nhắm đạt chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng là 7,5-8%. Nhắm đạt chỉ tiêu phát triển cao, và để đạt được mục đích lại tập trung vào quốc doanh, thì làm sao tránh được việc bơm tín dụng. "chỉ tiêu kế hoạch"? Cần xét lại hướng phát triển trên các hướng sau:

- Đổi hướng phát triển thay thế nhập khẩu để hướng

vào phát triển xuất khẩu, nếu không thiếu hụt cán cân ngoại thương sẽ ngày càng trầm trọng thêm. Cuộc khủng hoảng tài chính ở châu Á đã làm việc này thay chính phủ trong thời gian 1997-1999, chính vì thế mà thiếu hụt cán cân ngoại thương thanh toán trầm trọng vào thời gian đó đã ngừng vào năm 1999. Chỉ có thể phát triển bền vững ở tốc độ cao nếu như phát triển không tạo ra mức thiếu hụt cán cân thanh toán trầm trọng như hiện nay.

- Chấm dứt chính sách đổ tín dụng vào khu vực quốc doanh nhằm đạt chỉ tiêu kế hoạch phát triển cao nếu không lạm phát sẽ tới mức không kiểm soát được. Hiện nay gần 80% tín dụng ngân hàng quốc doanh vẫn đổ vào doanh nghiệp quốc doanh. Phát triển cao là điều ai cũng mong muốn nhưng phải trên cơ sở hiệu quả sản xuất, chứ không phải trên cơ sở duy ý chí, đưa đến việc phát triển không bền vững.

Vũ Quang Việt

20.07.2004

Thư từ Mỹ

Tiểu Hằng Ngôn

Cuối tháng 8, 2004

Bạn quý,

Chỉ còn độ hơn hai tháng nữa thì bên này bầu cử tổng thống, hạ viện, một phần ba thượng viện, và thống đốc nhiều tiểu bang. Nhìn từ thời điểm hôm nay thì triển vọng liên danh Bush-Cheney được tái cử không phải là thấp, và trong thư tháng sau tôi sẽ nói thêm về cuộc bầu cử sắp đến. Trong thư này tôi xin trả lời thắc mắc của nhiều bạn sống ngoài nước Mỹ: Nhìn nước Mỹ ngày nay (tỉ lệ thất nghiệp cao, ngân sách thâm hụt trầm trọng, chiến tranh vô nghĩa ở Iraq), con người ông Bush (dối trá, lười biếng, không mấy thông minh), và những chính sách cực kỳ phản động của chính quyền này về mặt kinh tế xã hội (phục vụ quyền lợi các đại công ty, bên vực các nhà triệu phú, bỏ mặc người nghèo) thì tại sao không ít cử tri Mỹ (chắc chắn sẽ không dưới 40%) lại có thể ủng hộ Bush thêm một nhiệm kỳ nữa?

Dĩ nhiên là có nhiều lí do (mà, vốn là người vô cùng "thận trọng", tôi sẽ "tiết lộ" sau bầu cử), song tôi nghĩ có một bộ mặt của xã hội Mỹ mà những người không sống ở nước này khó có ấn tượng đầy đủ. Đó là vai trò của môi trường thông tin đại chúng (TV, báo chí...) ở Mỹ, và mức độ mà môi trường này đã bị phe cực hữu khuynh đảo trong những năm gần đây.

Về truyền hình, đứng đầu (về mặt ảnh hưởng) là *Fox News*, của nhà tỉ phú người Úc Rupert Murdoch. Kênh (truyền hình cáp) này tự xưng là "công bằng và không thiên vị" ("*fair and balanced*") nhưng thật sự thì trái ngược. *Fox News* gần như là cơ quan tuyên truyền, thậm chí nhồi sọ dân chúng, của đảng Cộng hoà và phe cực hữu. (Tôi để ý, mỗi lần nói đến Bush là họ luôn kèm chữ "tổng thống" hoặc "chỉ huy tối cao" - commander-in-

chief). Hàng đêm, từ giờ này sang giờ khác, những chủ chương trình như Bill O'Reilly, Sean Hannity, cứ lên giọng xác xược ngu dốt xuyên tạc phe tiến bộ, đảng Dân chủ, bên vực những chính sách bảo thủ, phản động nhất của chính quyền Bush. Có khi họ cũng mời các khách tiến bộ, nhưng họ hay chọn những người nhút nhát, ăn nói không mấy lưu loát, và nếu rúi gập người hùng hồn cãi lại thì họ không ngần ngại cúp micrô! Thái độ vô lễ, thậm chí du côn, đó lại làm cho phe hữu khoái chí, hùng hổ thêm! Về bên truyền thanh, cùng bè với họ là Rush Limbaugh, cũng với giọng điệu như vậy, ba tiếng mỗi ngày, xoáy vào tai thính giả khắp nước Mỹ.

Ảnh hưởng của Rupert Murdoch không chỉ giới hạn trên kênh TV *Fox News* vì ông còn là chủ tuần báo *Weekly Standard* và nhật báo *New York Post*. *Weekly Standard* là ống loa của tân bảo thủ, tuy số phát hành không nhiều nhưng có ảnh hưởng lớn đến chính quyền Bush, nhất là về đường lối ngoại giao. Còn *New York Post* là một tờ báo lá cải, mới đây bị hớ một cú làm ê ẩm mặt mày. Vào buổi sáng khi Kerry chọn Edwards làm ứng cử viên phó tổng thống thì báo này chạy tít lớn ngay trang đầu: (dân biểu) Dick Gephard là người được chọn! Nghe đồn là cú này do phe Kerry chơi xấu Murdoch, đưa tin vịt cho ông này.

Cho đến gần đây thì kênh CNN tương đối là khách quan (chỉ khách quan thôi, thế mà bọn khuynh hữu đã nhạo CNN là Communist News Network), nhưng dần dà vì thấy *Fox News* ngày càng nhiều người xem, CNN cũng quay ra bắt chước *Fox News*, cho đảng Cộng hoà và phe cực hữu thêm nhiều cơ hội, nhiều "sô" hơn để công kích đảng Dân chủ và bêu xấu phe tiến bộ. Các hệ thống truyền hình kì cựu như ABC, CBS, NBC thì cũng không dám vạch rõ những gian dối của chính quyền Bush, một

phần vì sợ viên chức chính phủ Bush tẩy chay không tiếp xúc, một phần cũng sợ phe hữu tổ chức chiến dịch phản đối ồn ào. (Lẽ dĩ nhiên, quyền lợi kinh tế của họ cũng là quan trọng, chẳng hạn như công ty Walt Disney – công ty mẹ của hệ thống truyền hình ABC – đã rút lời hứa phân phát phim *Fahrenheit 9/11* của Michael Moore vì áp lực của phe hữu). Cũng nên nói thêm là các phương tiện truyền thông đại chúng Mỹ, nhất là truyền hình, ngày càng ít tin quốc tế. Những cuộc biểu tình phản đối chiến tranh Iraq, chống Bush, với hàng triệu người ở châu Âu và các nơi khác, họa hoằn cũng chỉ được một vài phút trên TV Mỹ, và luôn luôn bị tường thuật qua giọng điệu chế nhạo, coi nhẹ những người tham dự. Đa số dân Mỹ hầu như không biết thế giới nghĩ gì về họ, và họ cũng không theo dõi tình hình thế giới (ngoài Iraq, mà “tin tức” từ đó thì lại qua lăng kính của bộ quốc phòng Mỹ.)

Trong lúc phe hữu hùng hổ lấn lướt như vậy thì phe tiến bộ ở Mỹ lại yếu xìu, về tài chính cũng như khả năng tổ chức. Tuần báo đầu đàn của họ là *The Nation* thì “khô” và nghiêm trang quá mức (tuy rằng tổng biên tập, bà Katrina vanden Heuvel trông hao hao giống cô diễn viên điện ảnh Angelina Jolie!). Tôi vẫn mua tạp chí này hàng tuần, nhưng đó là vì bốn phận, muốn ủng hộ họ, chứ thực tình thì tôi ít khi “enjoy” đọc bài trong đó. Một tuần báo tương đối cũng tiến bộ là *The New Republic* thì vì vấn đề Iraq (khi có dịp, tôi sẽ kể bạn nghe hàng ngũ phe tiến bộ ở Mỹ đã bị chia rẽ vì vấn đề Iraq như thế nào) mà một thời cũng đâm ra ủng hộ Bush, tuy rằng mấy tháng sau này tờ này có vẻ “cài tà quy chánh”. Vài tạp chí tiến bộ khác (như *The American Prospect*, *Dissent*, *The Progressive*...) thì rất ít người đọc – vì nói thật, bài của họ khá dở, không thuyết phục được người ngoại đạo – nên không có ảnh hưởng gì. Bên radio thì vừa có hệ thống đài *Air America* do vài mạnh thường quân “tiến bộ” thành lập gần năm nay để có tiếng nói chống lại phe Rush Limbaugh, nhưng tài chính của hệ thống này đến nay coi bộ còn ị ạch lắm, và chỉ phát thanh ở một số thành phố lớn.

À, bạn sẽ hỏi, còn báo in hàng ngày thì sao? Nói chung, nhóm này có khách quan hơn *Fox News*, nhưng cũng có khuynh hướng nghiêng về phía hữu hơn là vào hai ba thập kỷ trước, và ngày càng ít ảnh hưởng đối với công luận Mỹ so với truyền hình. Tờ *New York Times* tương đối còn “khá” nhưng lại bị một số xì căng đan làm điều đứng vài năm qua. Báo này mất uy tín rất nhiều khi kí giả Jayson Blair của họ bị phát giác là bịa tin, bị sa thải, rồi tổng biên tập Howell Raines bị liên lụy, mất chức theo. Nhưng quan trọng hơn là vụ kí giả cột trụ Judith Miller không biết vì bị phỉnh lừa hay cố ý (bà ta chơi thân với nhóm “tân bảo thủ”) thổi phồng nguy cơ “vũ khí giết người hàng loạt” của Saddam Hussein, cho Bush thêm có xâm lăng Iraq. May là báo này vẫn còn nhà bình luận (và cũng xin cho tại hạ khoe là đồng nghiệp) Paul Krugman mỗi tuần hai lần viết bài chống Bush hết sức sắc bén và kịch liệt. (Tôi đoán nhè: Krugman sẽ là người đầu tiên nhận cả Nobel kinh tế và Pulitzer báo chí!) Nhưng từ đầu năm nay, có lẽ vì bị áp lực của phe hữu, *New York Times* phải thuê nhà bình luận bảo thủ David

Brooks viết mỗi tuần cũng hai lần để làm đối trọng cho Krugman. May cho “phe ta”, Brooks hơi ... lười và nông cạn, không đọ sức nổi với Krugman.

Tờ *Washington Post* cũng ủng hộ Bush trong vấn đề Iraq qua ngòi bút những nhà bình luận “tân bảo thủ” như Charles Krauthammer, Robert Kagan (tác giả *Về Quyền Lực và Thiên Đàng*), và bảo thủ George Will. Hai tác giả tương đối tiến bộ của báo này là E.J. Dionne và Richard Cohen thì lại quá “lẽ độ”, không hùng hổ như bọn kia. Mary McCrory, người tiến bộ nhất, có lương tri nhất, văn phong lưu loát nhất, thì lại từ trần vào tháng 4 vừa qua. “Phe ta” có số con rệp là thế, bạn ạ!

Trong lúc hai tờ báo tương đối khách quan như *New York Times* và *Washington Post* nhập nhằng như thế thì phía bên kia, (trang bình luận) tờ *Wall Street Journal* mỗi ngày phun lửa những luận điệu cực kì phản động, cực hữu, hiếu chiến. Vì nghề nghiệp, tôi phải đọc báo này (dù sao thì về tin kinh tế tài chính thì báo này vẫn là đầy đủ nhất) nhưng không có can đảm đọc trang bình luận của họ. Nhìn qua cái tí bài là tôi đã xây xẩm mặt mày, muốn đập phá bàn ghế, ít nhất cũng phải văng tục vài câu. Vậy mà *Wall Street Journal* vẫn có số lượng phát hành lớn nhất (độ 1,8 triệu) hơn cả *New York Times* (1,2 triệu) và *Washington Post* (khoảng 800 ngàn). Đấy, nước Mỹ là như thế đấy! (Một tờ báo ngày càng đáng đọc, theo tôi, là *Los Angeles Times*, nhưng báo này chưa thật sự là toàn quốc như những tờ kia.)

Song cũng không nên đổ lỗi hoàn toàn cho guồng máy tuyên truyền mị dân của đảng Cộng hoà và phe cực hữu, và sự thiếu hiểu biết của cử tri Mỹ, nếu đảng Dân chủ và phe tiến bộ ở Mỹ thất bại kì này. Nói chung, về những giá trị văn hoá và xã hội (đối với vấn đề gia đình, giới tính, tôn giáo, vv) thì đa số dân Mỹ bảo thủ hơn dân Tây Âu, và đảng Cộng hoà của Bush đã khôn khéo đánh lá bài này, luôn cố thuyết phục cử tri là đảng Dân chủ và những người “phóng khoáng” (*liberals*) không chia sẻ những giá trị truyền thống của dân Mỹ. Thomas Frank, một tác giả cấp tiến, trong cuốn sách mới ra *What's the Matter with Kansas?: How Conservatives Won the Heart of America* (“Kansas ra sao thế?: Cách những người bảo thủ chinh phục trái tim nước Mỹ”) đã lấy trường hợp bang Kansas, sinh quán của ông, làm ví dụ. Bang này ở vào miền Trung Tây nước Mỹ, thu nhập bình quân không cao, đa số là nông dân, lao động trung lưu, bị thiệt hại nhiều bởi chính sách của Bush (và của những triều đại đảng Cộng hoà trước đây) vậy mà họ vẫn có khuynh hướng bỏ phiếu cho đảng Cộng hoà. Tại sao thế? Theo Frank, đó là vì đa số họ là bảo thủ về văn hoá, và dù không ưa chính sách kinh tế của Bush, dân Kansas và những nơi tương tự [mà báo chí Mỹ gọi là các bang đỏ (*red states*) để phân biệt với các bang xanh (*blue states*) nghiêng về đảng Dân chủ] vẫn có cơ lại bỏ phiếu cho Bush, vì họ nghĩ (có thể là ngộ nhận) rằng những giá trị văn hoá và xã hội của đảng Dân chủ và những người “phóng khoáng” là khác của họ.

Hẹn bạn thư sau,
Tiểu Hằng Ngôn

HỒ SƠ ĐẶC BIỆT

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Thượng tướng Nguyễn Nam Khánh...

TỔ CÁO TỔNG CỤC 2 và tướng LÊ ĐỨC ANH

Từ đầu năm nay, nhiều tướng lãnh và sĩ quan cao cấp Quân đội Nhân dân Việt Nam đã gửi thư cho Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản và Tổng bí thư Nông Đức Mạnh tố cáo những chuyện tày trời của Tổng cục 2 (cơ quan tình báo của quân đội) và qua đó, tướng Lê Đức Anh, là người đã biến Cục 2 trước đây thành Tổng cục. Phe cánh của ông Lê Đức Anh đã dùng TC2 làm công cụ để vu khống, triệt hạ hàng loạt cán bộ lãnh đạo. Tác giả các bức thư này đều yêu cầu lãnh đạo ĐCSVN phải làm rõ cái mà tướng **Võ Nguyên Giáp** gọi là « một vụ án siêu nghiêm trọng » này và phải xử lí nghiêm minh.

Gần đây nhất và đầy đủ nhất là lá thư đề ngày 17.6.2004 của Thượng tướng Nguyễn Nam Khánh, nguyên phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị QĐNDVN kiêm bí thư đảng uỷ Tổng cục chính trị, uỷ viên trung ương ĐCSVN ba khoá 5, 6 và 7 (1981-1996). Thư này đã được công bố trên nhiều mạng tiếng Việt từ cuối tháng 7, đôi khi với chú thích thận trọng « nói là của tướng Nguyễn Nam Khánh ». Diễn Đàn sau khi kiểm tra, có thể khẳng định đây đúng là của thượng tướng Khánh, và dư luận quân đội đều cho rằng những điều ông tố cáo là chính xác. Đáng chú ý là trong một thời gian dài, tướng Khánh được coi là « thân » với hai tướng Lê Đức Anh và Đoàn Khuê, vì ông được trao trách nhiệm « chính trị nội bộ » của quân đội trong khi hai phó chủ nhiệm TCCT khác là Đặng Vũ Hiệp và Lê Hai đã bị loại trừ.

Lá thư dài 13 trang khổ A4, gồm 4 phần. Hai phần đầu nhắc lại sơ lược « vụ Xiêm Rệp » (1983) trong đó tướng Anh đã tàn hại nhiều cán bộ Cam pu chia vì nghi oan họ có liên hệ với Pol Pot, « vụ Sáu Sứ » (1991) trong đó tướng Anh cài người tiếp cận tướng Võ Nguyên Giáp và tướng Trần Văn Trà rồi vu khống hai tướng này « âm mưu đảo chính », nhằm hạ uy tín hai ông trước thềm Đại hội 7 của ĐCSVN.

Hai phần chính tập trung nói về « vụ T4 » và đặt lại vấn đề « nghị định 96/CP » (thành lập TC2).

T4, một vụ án chính trị đặc biệt nghiêm trọng

“T4”, tướng Khánh (cũng như tướng Giáp và các tướng lãnh khác) cho biết, là bí danh của một điệp viên do TC2 bịa đặt ra, một thứ James Bond 007 mà TC2 đã “cài” vào CIA, “vào sâu lên cao” nên nắm được “hồ sơ mật” hàng loạt cán bộ chính trị và quân sự cấp cao. Trong hơn 10 năm, tên “đặc tình” đã gửi về “hàng trăm bản tin (không kể báo cáo miệng)”. Tướng Khánh viết :

“Nội dung vu khống chính trị là đưa tin CIA đã nắm được hoặc CIA đã tiếp cận được, đã cho người liên hệ, đã chỉ đạo các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Võ Văn Kiệt, Phan

Văn Khải, Lê Khả Phiêu, Mai Chí Thọ, Trương Tấn Sang, Võ Trần Chí, Bùi Thiện Ngộ, Trương Vĩnh Trọng, Phạm Gia Khiêm, Võ Thị Thắng, Vũ Quốc Hùng, Nguyễn Khánh Toàn (Thứ trưởng Bộ Công An), Phan Diễn, Lê Văn Dũng, Phan Trung Kiên, Võ Viết Thanh, Đoàn Mạnh Giao.

“Vu khống cả một số tướng lĩnh trung thành và kiên cường chiến đấu trong kháng chiến, vu khống cả bản thân tôi.

“Các đồng chí đã có các bản tin của Tổng cục 2. Đề nghị các đồng chí đọc kỹ. Đối với tôi (Nguyễn Nam Khánh) và đồng chí Nguyễn Huy Chương, Uỷ viên Trung ương Đảng, đồng chí anh hùng Thượng tướng Nguyễn Chơn, Uỷ viên Trung ương Đảng, bản tin Tổng cục 2 đưa tin lên lãnh đạo cấp cao :

“Từ trung tâm CIA cho hay : Trong mười ngày gần đây vợ chồng Trần Quốc Thuận, Võ thị Thắng đã tạo ra những liên kết trong bộ máy bảo vệ nền chuyên chính vô sản, đã gặp gỡ thân tình với một số cựu chiến binh thủ cựu trong Đảng, đó là Trung tướng Nguyễn Huy Chương, Thượng tướng Nam Khánh, Thượng tướng Nguyễn Chơn. Qua lại ăn cơm với tướng Khánh, tướng Chơn. Hai người này uỷ lạo mặt tư tưởng cho tướng Khánh, tướng Chơn, phát động một số phong trào kêu gọi cựu chiến binh Mặt trận cấp tiến. Đồng thời gây sức ép với ông Lê Khả Phiêu về một số đòi hỏi của cựu chiến binh. Nhân dịp kỉ niệm 210 năm ngày Quang Trung đại phá quân Thanh họp bàn bên lễ kỉ niệm Quang Trung thành một buổi chất vấn về những yêu sách của cựu chiến binh khu vực miền Trung. Cặp vợ chồng Thuận-Thắng đang đà thuận tiện con đường đi sâu vào nội bộ Quân đội và Tổng bí thư Lê Khả Phiêu qua hai vị tướng này’ (Bản tin ngày 7/2/1999)”.

Tiếp đó, tướng Khánh trích lại một số bản tin của “James Bond TC2” về một loạt nhân vật lãnh đạo :

Về đồng chí Võ Nguyên Giáp

Tổng cục 2 đưa tin : (chỉ trích một số).

“Sau Đại hội 8, CIA chỉ đạo nhóm Z (tức là nhóm Giáp) chủ trương xúc tiến vận động cả quan điểm, tư tưởng và tổ chức nhân sự, lợi dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để loại bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin, tách tư tưởng Hồ Chí Minh với tư tưởng Mác-Lênin, tạo ra phong trào “dân tộc dân chủ” (bản tin số 49/96TR ngày 7/7 /1996)

“Ngày 12/7/1997, tại một địa điểm phía Bắc, đại diện CIA Mỹ đã phổ biến chủ trương của Mỹ và Pháp lôi kéo ông Võ Nguyên Giáp. Hiện nay theo yêu cầu của CIA thì ông Giáp vẫn đang ngấm ngấm hoạt động, nhất là sau khi có thông tin về cuộc gặp riêng giữa ông và Mac Namara

trong cuộc hội thảo Những cơ hội bị bỏ lỡ. Tại cuộc gặp riêng này, mặc dù có phiên dịch tiếng Anh, nhưng hai bên đã không dùng tiếng Anh mà dùng tiếng Pháp (vì Mac Namara cũng biết tiếng Pháp). Mac Namara mời ông Giáp sang Mỹ dự hội thảo về Sự kiện Vịnh Bắc Bộ để phân biệt ai đúng ai sai. Ông Giáp đã trả lời : “ Thời cơ chưa chín muồi”. CIA phân tích : “ ông Giáp còn phải chuẩn bị dự luận dọn đường ở trong nước rồi mới đi Mỹ ” (Bản tin số 167/TR ngày 17/7/1997)

“ Ông Giáp chuẩn bị công bố cho học thuyết của mình (chỉ đạo ông [Trần Văn] Giàu viết cuốn sách Chủ nghĩa Hồ Chí Minh). Thông qua việc trả lời phóng viên Nhật Bản, ông Giáp đã đưa ra Chủ nghĩa Xã hội Nhân văn, kích động tư tưởng về một đợt sóng ngầm, bí mật thành lập Mặt trận cứu nguy dân tộc ” (Bản tin số 212/97/ TR ngày 10/9/97)

Tổng cục 2 đưa tin về đồng chí Phạm Văn Đồng

“ Sáng 05/9/97, Phạm Văn Đồng đã mời một số Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương khoá 4, khoá 5, yêu cầu những người này đứng ra vận động các Ủy viên Bộ Chính trị, cán bộ đã về hưu chủ yếu là tướng lĩnh Quân đội yêu cầu thay đổi các đồng chí chủ chốt hiện nay. ” (Bản tin số 212/97/TR ngày 10/9/97)

Tin về đồng chí Phan Văn Khải

“ Thời kỳ Phan Văn Khải làm Chủ tịch Thành Phố, Charles Đức (là người được tên CIA Nguyễn Ngọc Huy, bí thư Đảng Tân Đại Việt đánh về miền Nam năm 1973 và phong cho làm Trung ương uỷ viên Phong trào Quốc gia Cấp tiến), đã dùng chuyên cơ đưa Phan Văn Khải đi tham quan các nước Đông Nam Á. Khi biết Phan Văn Khải được đề bạt ra Trung Ương, Charles Đức hết lòng cung phụng cho Phan Văn Khải. ” (Bản tin ngày 10/5/1999)

Tin về đồng chí Trương Tấn Sang

“CIA có nguồn tin từ quốc nội cho hay Bộ Chính trị sẽ loại trừ Trương Tấn Sang sau khi ông ta tổ chức thành công lễ kỷ niệm Sài Gòn 300 năm theo chủ nghĩa dân tộc. Hồ sơ của Tư Sang đã được CIA chuẩn bị cho một vị trí lãnh đạo của phe đối lập trong trường hợp ông ta ra khỏi Bộ Chính trị... CIA hy vọng về sự thành công của Tư Sang trong vai trò lãnh đạo phe đối lập...” (Bản tin ngày 25/12/98)

“ Nhóm Trương Tấn Sang đang có kế hoạch tác động, móc nối lôi kéo để liên kết ông Ngô Xuân Lộc, Nguyễn Khánh Toàn và một số tướng lĩnh Quân đội và Công an, giao chúng nắm giữ các vị trí quan trọng trong Chính phủ Việt Nam từ địa phương đến Trung ương. ” (Bản tin số 497 ngày 24/3/99)

“ Các chuyên gia CIA nhận định một cuộc đảo chính có thể xảy ra vào tháng 7, tháng 8/1999 ở Việt Nam. Vai trò chủ chốt là Trương Tấn Sang và Trần Văn Tạo.

“ Tư Sang, Tư Tạo tập trung thu phục phái từ Côn Đảo ở Thành phố Hồ Chí Minh. Phái này có khả năng trở thành phe phái hợp pháp đối lập trong Đảng Cộng sản, lấy địa bàn Sài Gòn làm căn cứ”.

“ Đã có sự liên kết mới giữa Ngô Xuân Lộc, Phạm Gia Khiêm, Nguyễn Khánh Toàn, Đoàn Mạnh Giao, Lê Văn Dũng, Phan Trung Kiên, Nguyễn Văn Rop. Việc đảo chính

của phe nhóm này sẽ tập trung vào kỳ họp 2 Quốc hội. ” (Bản tin ngày 2/8/1999)

“ Có một sự mưu tính từ một số phe phái chính trị. Trong Đảng Việt Nam đang mưu tính một cuộc cải cách chính trị, đảo chính chính trị. Có những kế hoạch tuyệt mật trên cơ sở báo cáo của Quốc nội do CIA gửi Văn phòng An ninh, Tổng thống. Phe phái chính trị này dự tính sẽ lôi kéo cả ông Lê Khả Phiêu và Phan Văn Khải đứng về phía họ ...Lúc bấy giờ Phan Văn Khải và Lê Khả Phiêu cũng phải theo họ vì không còn con đường nào khác. CIA đã chỉ đạo sẽ thực hiện kế hoạch. ” (Bản tin số 223 ngày 19/1/98)

Tin về đồng chí Võ Viết Thanh

“ Nguồn tin từ trong đội ngũ cấp cao cho hay ông Võ Viết Thanh đang thông qua một số nhân vật trung gian thân Mỹ để móc nối xin tị nạn chính trị trong sứ quán Mỹ hoặc đi ra nước ngoài. ” (Bản tin ngày 7/2/1999)

Tin về đồng chí Năm Xuân (Mai Chí Thọ)

“ Charles Rey, Tổng lãnh sự Mỹ ở Thành Phố Hồ Chí Minh đến nhà riêng gặp anh Năm Xuân. Đây cũng là một hiện tượng không bình thường, ta chưa rõ nội dung cuộc gặp này. Những vụ án ta gọi là kinh tế, đảng sau đều có dính đến chính trị ”. (Bản tin ngày 5/10/1999)

Tin về đồng chí Võ Thị Thắng

“ Nhằm áp đảo những người tố cáo mình, bà Võ Thị Thắng đã tìm cách kết thân với nhiều cán bộ chủ chốt ngành Công An, Nội Chính, Kiểm tra Đảng, Bảo vệ Chính trị Nội bộ. Bà Thắng là người tình của Nguyễn Khánh Toàn, thứ trưởng Bộ Công An. ” (Bản tin số 218 ngày 21/1/1999)

“ T4 tiết lộ Võ Thị Thắng trước đây đã được Phủ Đặc uỷ tháo rãnh hàm trên (rãnh cửa) để thay vào đó rãnh giả đặc biệt được sử dụng khi cảm thấy hiểm nguy, có thể cắn vỡ rãnh này sau khi dùng lưỡi đẩy rơi ra, là một liều thuốc độc cực mạnh có thể giúp các điệp viên tự sát. ” (Bản tin ngày 21/3/1999)

Tin về đồng chí Vũ Quốc Hùng

“CIA đã cho người móc nối Vũ Quốc Hùng vì thấy Vũ Quốc Hùng là Ủy viên Trung ương Đảng, có thể được Nguyễn Văn An và một số lão thành giới thiệu vào Bộ Chính trị.

“Hùng đã cho người có quan hệ với CIA biết tin : Phương án định đồng chí Lê Khả Phiêu làm Tổng bí thư là không còn, thay vào đó chắc chắn là Nguyễn Văn An (CIA đã nắm được tin này)” (Bản tin số 351/97/TR ngày 17/12/1997)

Tin về đồng chí Phan Diễn

“ Phan Diễn có quan hệ phức tạp với một số người Hoa trong nhóm tình báo Trung Quốc. Đề nghị lãnh đạo thận trọng. ” (Bản tin số 351/97/TR ngày 17/12/1997)

Tin về đồng chí Nông Đức Mạnh

“ Có tin đồn đồng chí Nông Đức Mạnh kết nghĩa với Minh Phụng. Tăng Minh Phụng đã từng phục vụ cho đồng chí Mạnh và khi y bị bắt, đồng chí Mạnh tỏ ra không đồng tình. ” Bản tin số 352/97/TR ngày 17/12/1997)

Tin về đồng chí Nguyễn Minh Triết

“Đồng chí Triết vẫn tỏ ra tin tưởng Trần Bạch Đằng. Đồng chí Triết nói : anh Trần Bạch Đằng là Thủ trưởng của tôi mà còn bị nghi ngờ.” (Bản tin số 351/97/TR ngày 17/12/97)

Tin về đồng chí Trần Tiến Cung (Thiếu tướng Tổng cục phó Tổng cục 2)

“Trần Tiến Cung cũng là người quan hệ chặt chẽ với nhóm cơ hội chính trị xét lại.” (Báo cáo số 1500/20/CB của Tổng cục 2)

Bản tin riêng về dịch móc nối vào Viện 108

“Ý đồ của CIA chống phá ta qua ngành y tế rất thâm độc và nguy hiểm. Chúng đã sớm móc nối vào viện 108, CIA đã móc nối được một số giáo sư, và giao cho “Mặt trận dân chủ cấp tiến” chỉ đạo nhóm này. Đặc biệt là khi chủ tịch Lê Đức Anh bị ốm, CIA đã chỉ đạo “Mặt trận dân chủ cấp tiến” ráo riết hoạt động chỉ đạo chặt chẽ lực lượng của chúng tại viện 108 trong quá trình điều trị cho chủ tịch Lê Đức Anh. Đáng chú ý gần đây, phát hiện được Phạm Song (nguyên Bộ trưởng Y Tế) có quan hệ với lực lượng cấp tiến. Tuần qua, hai lần Phạm Song gặp một tên trong ban lãnh đạo Mặt trận cấp tiến, tên này là bác sỹ lâu năm và là người của Giáp, y đang trực tiếp chỉ đạo lực lượng của Mặt trận dân chủ cấp tiến tại viện 108 trong việc điều trị cho chủ tịch Lê Đức Anh. Gần đây phát hiện chúng đã đặt thiết bị nghe trộm. Ngay trong xe của chủ tịch Lê Đức Anh đã có dấu hiệu đặt thiết bị nghe trộm.” (Bản tin số 185/96/TR ngày 30/12/96)

Sau khi trích nguyên văn các bản tin phía của TC2, Nguyễn Nam Khánh viết tiếp :

“Các vấn đề của Tổng cục 2 còn nhiều như tổ chức thu thập tài liệu và theo dõi cán bộ cao cấp, tổ chức cơ sở làm tài liệu giả, vu cáo nhiều đồng chí, trước đây hoạt động cách mạng, là đã làm tay sai cho địch. Nguyễn Quang Vịnh (người của Tổng cục 2) đã bán kế hoạch phòng thủ bầu trời cho nước ngoài. Kế (người của Tổng cục 2) làm parabol để thu tiền bất hợp pháp; gian lận trong thuế giá trị gia tăng. Người của Tổng cục 2 còn đưa lên mạng Internet nói xấu cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Đặc biệt, Tổng cục 2 đã sử dụng một số người phức tạp, cài cắm người vào các cơ quan Đảng, Nhà nước để lấy tin, tung tin, bịa đặt, lừa dối Đảng v.v... Cán bộ tình báo quân sự còn cấp giấy chứng minh quân báo cho tay chân Năm Cam hoạt động, và liên hệ chặt chẽ với tay chân Năm Cam (báo chí đã đưa tin nhưng bị ém).

“Khó mà tưởng tượng được những hành động phạm pháp nghiêm trọng ấy lại diễn ra trong một cơ quan làm nhiệm vụ tình báo quân sự cấp chiến lược. Cơ quan tình báo mà lại bịa ra một cơ sở đặc tình “ma” để lừa dối, vu khống chính trị cán bộ cấp cao từ Tổng bí thư, uỷ viên Bộ Chính trị, Thủ tướng, Đại tướng, Thượng tướng, uỷ viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng... là phạm tội ngang với tội phản bội Tổ Quốc, phản bội Đảng. Qua những vụ việc nêu trên, những người lãnh đạo Tổng cục 2 như Vũ Chính, Nguyễn Chí Vịnh, đã phản bội truyền thống tốt đẹp của tình báo quân đội trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Không thể viện lý do trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ Tổng cục 2 có đóng góp và truyền thống tốt đẹp

mà giam tội cho Vũ Chính, Nguyễn Chí Vịnh, những người đã bịa ra cơ sở đặc tình “ma” T4 và các vụ sai phạm khác.

“Những bản tin mà Tổng cục 2 đưa ra là nhằm vu khống chính trị, lừa dối, chia rẽ nội bộ Đảng, phá hoại Đảng, Nhà nước và quân đội, gây sự phân tâm, lung lay đạo tình thân cán bộ đảng viên và nhân dân, vi phạm nghiêm trọng pháp luật, nguyên tắc kỷ luật đảng, tạo ra oan trái và đau khổ cho nhiều đồng chí. Với những bản tin đó mà tôi không thể trích dẫn hết, đã buộc cấp lãnh đạo cao nhất điều tra, thẩm tra, ít nhất là 10 vụ gây ra rất nhiều phức tạp.

“Đó là hành động phá hoại đảng, phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa, phá hoại Tổ Quốc. Đó không phải là chuyện riêng nội bộ Tổng cục 2, nội bộ Bộ quốc phòng. Đó là vấn đề của toàn Đảng, của pháp luật, của chế độ xã hội chủ nghĩa, liên quan đến an ninh của Tổ Quốc, đến đại đoàn kết dân tộc. Đó chính là nguy cơ làm mất sự ổn định chính trị, đã gây hậu quả nghiêm trọng, và nếu không kiên quyết xử lý thì sẽ dẫn đến mất ổn định chính trị ngày càng tăng, như một ung nhọt làm tan rã Đảng và chế độ.

“Còn nói rằng CIA đang tập trung đánh vào Tổng cục 2, cho nên cần giam tội là một luận điệu nhằm bao che cho Tổng cục 2. Không thể đồng tình với luận điệu đó, và đó cũng là thủ đoạn của Tổng cục 2 đã làm trước đây khi bắt đầu phát hiện ra vụ T4. Luận điệu nói rằng công an đánh vào Tổng cục 2 cũng là luận điệu giả dối. Rõ ràng, tính chất của vụ T4 là thuộc về động cơ và quan điểm chính trị sai lầm, chứ không phải chỉ có thiếu sót trong công tác quản lý giáo dục cán bộ, nhân viên. Do đó, nếu chỉ thi hành kỷ luật ở mức cảnh cáo là không đúng.”

Thư của tướng Võ Nguyên Giáp

«Thành tích» nói trên của TC2 đã được đại tướng Võ Nguyên Giáp tóm tắt như sau trong lá thư ngày 3.1.2004 gửi lãnh đạo ĐCS :

«**Điển hình nghiêm trọng là vụ Tổng cục II thuộc Bộ Quốc Phòng. Những người đứng đầu và những phần tử xấu trong Tổng cục II đã có những hoạt động phá hoại Đảng nghiêm trọng một cách có hệ thống, có tổ chức kéo dài hàng chục năm đặt máy nghe trộm các đồng chí lãnh đạo và các cán bộ cấp cao, sử dụng những thông tin sai lệch để phá rối và chia rẽ nội bộ, cố tình gây ra bè phái trong Đảng, tạo ra chứng cứ giả để hãm hại những cán bộ tốt của Đảng, vi phạm nghiêm trọng đến điều lệ của Đảng, vi phạm pháp luật Nhà nước và kỷ luật của quân đội. Đương nhiên, trong Tổng cục vẫn có một số cán bộ tốt đã bị lợi dụng.**

«Tôi đề nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương kiên quyết kiểm tra và xử lý nghiêm minh, dứt điểm. Không cho phép duy trì mãi một tổ chức siêu đảng, siêu Chính phủ. Không thể để Tổng cục II tồn tại với quyền hạn quá rộng như Nghị quyết 96/CP đã cho phép, mà chỉ tập trung vào nhiệm vụ tình báo quân sự trực thuộc Bộ Tổng Tham mưu như trước đây.

«**Việc bảo đảm an ninh nội bộ sẽ giao cho Ban bảo vệ chính trị nội bộ phụ trách dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị.**

« Vấn đề chấn chỉnh Tổng cục II liên quan sâu sắc đến tình hình chung của toàn Đảng, không chỉ là vấn đề cụ thể của một cơ quan, cũng không phải là vấn đề riêng của Bộ Quốc phòng, mà là vấn đề có liên quan đến thành bại của công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đến việc giải quyết những vấn đề tồn tại trong Đảng từ trước tới nay.

« Đặc biệt nghiêm trọng là vụ Sáu Sứ diễn ra cuối khoá VI trước thêm Đại hội VII mà Hội nghị Trung ương 12 và 13 khoá VI đã bàn giao cho Trung ương khoá VII giải quyết.

« Nghiêm trọng hơn nữa là vụ T4 mà Bộ Chính trị khoá VIII đã bàn giao lại cho Bộ Chính trị khoá IX. Bộ Chính trị khoá IX đã chỉ đạo Ban điều tra liên ngành tiến hành điều tra và Bộ Chính trị đã kết luận. **T4 là một vụ án chính trị “siêu nghiêm trọng” vi phạm kỷ luật của quân đội.**

« **Tôi đề nghị Hội nghị Trung ương 9 khoá IX xử lý kiên quyết, dứt điểm, nghiêm minh những vụ việc tồn đọng nói trên theo đúng điều lệ của Đảng, pháp luật của Nhà nước và kỷ luật của quân đội, dù người đó là ai, ở bất cứ cương vị nào.** Và thông báo công khai cho Ban Chấp hành Trung ương khoá IX, cho các đồng chí uỷ viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Uỷ ban kiểm tra Trung ương các khoá trước.

« **Kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước đòi hỏi không được phép bao che, né tránh, làm qua loa, mà phải kiên quyết xử lý cả những kẻ bao che ».**

Trở lại Nghị định 96/CP

Trong phần 4 của lá thư nói ở đầu, thượng tướng Nguyễn Nam Khánh nhắc lại bối cảnh thành hình TC2 và sự lộng quyền của nó. Thời điểm bản lề là năm 1991, lúc lãnh đạo ĐCSVN vô cùng lo sợ bị sụp đổ. Bên ngoài thì tìm ô dù của Bắc Kinh với « giải pháp đờ ở Cam pu chia » (xem Hồi kí của ông Trần Quang Cơ), bên trong thì tưởng tượng ra những « âm mưu lật đổ », « diễn biến hoà bình ». « Vụ Sáu Sứ » được phe cánh của tướng Lê Đức Anh nguy tạo ra, nhằm một công đôi việc. Một là né tránh những lời tố cáo của những cán bộ lão thành Nam Bộ về quá khứ « cai đồn điền » và việc « khai gian ngày kết nạp Đảng » của tướng Anh, hai là tạo thế thượng phong cho bộ máy an ninh quân đội, lấn át bộ máy công an. Tướng Khánh phân tích :

« Trước đây Cục 2 là một cục tình báo quân sự. Sau cuộc “lập công” đầy tội ác với vụ Sáu Sứ và sau những tin giật gân, bịa đặt do cục 2 đưa ra để tự đề cao và để bày tỏ Cục 2 là “người trung thành bảo vệ lãnh đạo nhất”. Một đồng chí lãnh đạo cấp cao khoá 7 nói : “ Công an chả nắm được gì, chỉ có Cục 2 là nắm được tình hình ”. Lãnh đạo Cục 2 kiến nghị nâng Cục 2 thành Tổng cục 2. Do nhiều thủ thuật khôn khéo, pháp lệnh tình báo của thường vụ quốc hội ra đời. Tiếp đó là nghị định 96/CP của chính phủ. Trong khoá 7, đồng chí Lê Đức Anh được bầu vào Bộ Chính trị và sau đó được bầu làm Chủ tịch nước, phụ trách cả An ninh, Quốc phòng và Đối ngoại. Về lãnh đạo quân đội, lúc đầu có ý kiến đề xuất đồng chí Lê Đức Anh làm bí thư Đảng uỷ quân sự Trung ương. Nhưng Tổng cục Chính

trị không đồng ý, vì không đúng với cơ chế Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành. Do đó, đồng chí Lê Đức Anh lãnh chức Phó bí thư thứ nhất Đảng uỷ quân sự trung ương. Đồng chí Đoàn Khuê, Bộ trưởng quốc phòng làm phó bí thư. Đồng chí Đỗ Mười, theo cơ chế, làm bí thư Đảng uỷ quân sự trung ương, nhưng trên thực tế, mọi việc chỉ đạo chung và cả điều hành cụ thể công tác quân sự, quốc phòng là đồng chí Lê Đức Anh. Được sự chỉ đạo của đồng chí Lê Đức Anh, chủ tịch nước, phó bí thư thứ nhất Đảng uỷ quân sự trung ương, Pháp lệnh tình báo và nghị định 96/CP đã được soạn thảo và chuyển qua quốc hội và chính phủ. Pháp lệnh tình báo do đồng chí Nông Đức Mạnh, thay mặt Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ký ngày 14/12/96. Nghị định 96/CP do thủ tướng Võ Văn Kiệt ký ngày 11/9/1997. Đồng chí Võ Văn Kiệt sau này có nói: “ Tôi suy nghĩ mãi hơn 6 tháng mới ký nghị định 96/CP ”.

« Khoá 7, tôi là uỷ viên trung ương, uỷ viên Đảng uỷ quân sự trung ương, mà hoàn toàn không được biết về nghị định 96/CP. Tôi và nhiều đồng chí thông cảm với đồng chí Võ Văn Kiệt. Có lẽ đồng chí Võ Văn Kiệt cũng cảm nhận một số điều không đúng của nghị định 96/CP, nghị định về tình báo Quốc Phòng, cho nên đồng chí Võ Văn Kiệt thật sự có dẫn đo. Tôi cũng thông cảm với đồng chí Nông Đức Mạnh, lúc đó là Chủ tịch quốc hội. »

Chỉ cần trích dẫn một vài điều khoản trong nghị định 96/CP để thấy rõ văn bản này là nền tảng của mọi sự lộng quyền của TC2, cho nó tự do hoành hành và trở thành một “ nhà nước trong nhà nước ” :

“ **Lực lượng tình báo thuộc Bộ quốc phòng là lực lượng chuyên trách về công tác tình báo chiến lược hoạt động trên các lĩnh vực tình báo chính trị, quốc phòng, An ninh, đối ngoại, kinh tế, khoa học kỹ thuật, công nghệ môi trường, văn hoá xã hội, thu thập và xử lý tin liên quan đến lợi ích quan trọng, sống còn của CHXHCNVN, góp phần tham mưu cho Đảng và Nhà nước hoạch định đường lối, sách lược đối nội, đối ngoại và các chủ trương, kế hoạch, biện pháp, quyết sách để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược...**” (điều 1 chương I).

“ **Đối tượng và mục tiêu của lực lượng tình báo thuộc Bộ quốc phòng là những nơi có tin tức, tài liệu liên quan đến Nước CHXHCNVN. Trong đó đặc biệt chú ý đến các quốc gia, tổ chức và các cá nhân ở trong nước và ngoài nước có âm mưu hoạt động, đe dọa chống lại Đảng CSVN, Nhà Nước CHXHCNVN**” (Điều 11, chương II)

“ **Tổng cục tình báo thuộc Bộ Quốc phòng được biệt phái cán bộ đến các cơ quan Nhà nước và các tổ chức chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội, khoa học kỹ thuật ở trong nước, và ngoài nước có liên quan để thực hiện nhiệm vụ tình báo**” (Điều 15, chương II)

“ **Tổng cục tình báo thuộc Bộ Quốc phòng được thiết lập kênh thông tin liên lạc đặc biệt với lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước**” (Điều 18, chương II).

“ **Tổng cục tình báo thuộc Bộ Quốc phòng trong trường hợp cần thiết được sử dụng danh nghĩa và phương tiện làm việc, con dấu hoặc các giấy tờ giao dịch của các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, ...**” (Điều 21, chương II).

Theo nhiều nguồn tin, lãnh đạo ĐCSVN đang tìm cách xoa dịu bằng những biện pháp nửa vời, nặng phần trình diễn (tiêu biểu là tần số xuất hiện của tướng Giáp trên TV). Một lần nữa, nhân danh “ ổn định ”, có lẽ một sự thoả hiệp khập khễnh sẽ được xếp đặt để mua thời gian.

P. Q. tổng hợp tin tức

Nguyễn Phú Phong

DỊCH ẬU

LTS : Báo chí trong nước đã nói nhiều về nạn dịch ậu trong văn học và sách phổ thông. Điều đáng tiếc là trong các lãnh vực chuyên môn cũng xảy ra tình trạng này. Chúng tôi trích đăng dưới đây (hầu hết) lá thư của nhà ngôn ngữ Nguyễn Phú Phong (Trường đại học Paris 7) hiệu chỉnh bài *Các phương diện hình thái học tiếng Việt* đăng trong Tập V, *Việt Nam Học Kỷ Yếu Hội Thảo Quốc Tế lần thứ nhất, Hà Nội 15-17.7.1998*, gửi ban biên tập và độc giả tập Kỷ yếu :

Năm 1998, để dự *Hội thảo Việt Nam học* tổ chức tại Hà Nội, tôi có viết bài tham luận bằng tiếng Pháp nhan đề là *Aspects de morphologie vietnamienne*. Tôi làm việc cho đại học và cơ quan nghiên cứu Pháp thì viết và phát biểu bằng tiếng Pháp trong một cuộc hội thảo quốc tế là chuyện thường tình nếu không nói là bắt buộc.

Mãi đến tháng 5, 2004, tôi được một người quen mách là *Kỷ Yếu Hội Thảo (KYHT) Việt Nam Học* (bản tiếng Việt), 5 tập, đã được xuất bản năm 2001, và trong tập 5 có đăng bài của tôi, dịch ra tiếng Việt, dưới đầu đề *Các phương diện hình thái học tiếng Việt*. Được tin tôi rất ngạc nhiên vì tuy là người tham gia Hội Thảo nhưng không được báo tin về sự xuất bản *KYHT* ; bài của tôi được dịch ra tiếng Việt nhưng không có tham khảo ý kiến của tác giả.

Tôi đã tìm mượn và đọc bản dịch đăng trong *KYHT 5* và nhận thấy nhiều chỗ dịch sai sót khá lớn nên đành viết mấy hàng này để đính chính cùng độc giả và lưu ý Ban biên tập *KY*. Tôi cầu mong quý độc giả hiểu cho rằng bài đăng trong *KY* tuy ký tên Nguyễn Phú Phong nhưng thực chất không phải là của NPP vì bản dịch tiếng Việt có nhiều chỗ sai lệch, không đúng với phát biểu của tác giả. Bài đích thực của Nguyễn Phú Phong là bài *Những phương tiện hình thái học trong tiếng Việt* đã đăng trong *Tạp chí Ngôn Ngữ*, số 1, 1999, tr.9-21 ; bài này tôi đã thực hiện sau khi chờ đợi một thời gian mà không biết việc xuất bản *KYHT* có tiến hành hay không. Những chỗ sai sót trong bài sau này nếu có, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Bây giờ tôi xin nêu ra một số sai sót lỗi lầm nơi bài dịch tiếng Việt trong *KYHT 5* làm sai lệch nghiêm trọng tinh thần và ý nghĩa bài tham luận nguyên văn bằng tiếng Pháp :

Tất cả các từ *redoublement* trong bản tiếng Pháp đều phải dịch ra *láy từ* thì trong *KYHT* lại dịch thành *từ láy*. *Láy* hoặc *láy từ* 'redoublement' là *thao tác láy, phương thức láy, phép láy*, mà *từ láy* là sản phẩm của phép láy. Hai khái niệm *láy từ* và *từ láy* khác nhau xa. Theo cú pháp tiếng Việt, trong *láy từ*, *láy* là từ trung tâm ngược với trong *từ láy*, *từ* là chính. Với *láy từ*, đối tượng nghiên cứu là *thao tác, phép (láy)*. Còn qua *từ láy* thì đối tượng nghiên cứu là *từ (láy)*. Dịch sai một ly đi một dặm, lấy *từ láy* thay vào *láy từ* tức là thay đổi đối tượng nghiên cứu của bài tham luận.

Vì dịch sai mà tiêu đề mục 2.1.1.(tr.141 *KYHT 5*) nguyên văn tiếng Pháp là *Redoublement atténuatif*, đáng lẽ phải dịch

là *Láy giảm nghĩa* (hiểu như *phương thức láy làm giảm nghĩa*) thì lại dịch là *Từ láy nghĩa suy giảm*. Nhưng nội dung tiếng Pháp của mục này là kể ra đặc tính hình thái của *phép láy (giảm nghĩa)* chứ không phải của *từ láy (nghĩa suy giảm)*.

Theo tôi, *hình thái (morphologie)* của *từ láy nghĩa suy giảm* (từ ngữ của dịch giả trong *KYHT 5*) là thiên hình vạn trạng vì tùy thuộc vào thể dạng (*forme*) của từ căn mà từ căn trong phép láy này thuộc từ loại mở, gồm hầu hết những tiếng mà ta thường gọi là tính từ. Do vậy không thể xác định hình thái của *từ láy nghĩa suy giảm* (sic) mà chỉ có thể nêu ra đặc tính hình thái của *phép láy giảm nghĩa*. Đó là điều quan trọng không được lầm lẫn giữa *phép láy* và *từ láy*. Hơn nữa có thể có ngộ nhận khi đọc đoạn *láy nghĩa* (trong *từ láy nghĩa suy giảm*) và hiểu như *lặp lại nghĩa*, một phép láy (?) hoàn toàn nằm ngoài quan niệm của tôi.

Tóm lại, câu đầu của mục 2.1.1. (tr.141) lẽ ra phải dịch : *Phép láy giảm nghĩa có tác dụng làm... thì lại dịch : Từ láy nghĩa suy giảm có tác dụng làm giảm bớt đi sức mạnh...* Câu sau này theo tôi là vô nghĩa vì từ láy có thể *biểu đạt* một nghĩa suy giảm so với nghĩa của từ căn, chứ không thể nào có *tác dụng làm giảm bớt...*

Trong *Phần 4. Kết luận*, tôi viết : *Le redoublement bien qu'il comporte toujours une affixation doit être caractérisé en termes de morphologie du procédé (morphologie opérationnelle), non en termes de morphologie de l'affixe (morphologie segmentale)*.

KYHT 5 (tr.149) dịch : *Từ láy, mặc dầu luôn cho phép thêm phụ tố, nhưng nó phải được xác định đặc tính hình vị của thủ pháp (hình vị tác chiến) chứ không phải là hình vị phụ tố (hình vị khúc đoạn)*.

Tôi gạch dưới những chỗ sai : thay vì *từ láy* phải dịch *láy từ* ; *hình vị pd hình thái* ; *hình vị tác chiến pd hình thái của thao tác* ; *hình vị khúc đoạn pd hình thái đoạn tính*. Xem qua những chỗ dịch sai thì thấy ngay người dịch không nắm vững khái niệm, thường lẫn lộn khái niệm này với khái niệm khác, những cái sai phạm này nguy hiểm vô cùng vì nó xác minh câu nói : *Dịch là nghịch (Traduire c'est trahir)*. Nhưng đọc đến cái đoạn dịch " *hình vị tác chiến* " tôi nghĩ mãi không ra nguyên do dịch sai vì làm sao có xen chuyện tác chiến vào trong một bài viết về hình thái học tiếng Việt ?

Tôi còn có thể kể ra nhiều chỗ dịch không đúng hoặc phản nghĩa khác nữa, như :

* mục 1, trang 139 *KYHT 5*, câu cuối trang : *Nguyên âm đầu hoặc nguyên âm cuối...* phải sửa lại là **Phụ âm đầu hoặc phụ âm cuối...** vì trong bản tiếng Pháp là *consonne*. Lỗi này tôi cho là vô ý mà thôi nhưng cũng không kém phần tai hại.

* Câu đầu tr. 140 *KYHT 5* : *Hệ thống thanh xưa nay ...* phải sửa lại : *Hệ thống thanh điệu dưới cái nhìn lịch sử... (Le système historique des tons...)...*

Tóm lại bài hiệu chính tốt nhất và đầy đủ nhất là bài của chính tôi dịch ra *Những phương tiện hình thái học trong tiếng Việt* đã đăng trong *Tạp chí Ngôn Ngữ*, số 1, 1999, tr.9-21. Bài này công bố trước *KYHT* gần hai năm, đủ thời gian cho dịch giả và Ban biên tập *KYHT* tham khảo để dịch đúng và tốt hơn. Nếu được vậy thì đâu có những lỗi lầm sai lệch đáng tiếc làm tổn hại đến một công việc khoa học đòi hỏi nhiều lao động trí tuệ của người nghiên cứu. Sau cùng, tôi rất tiếc là không được biết tên và địa chỉ người dịch để trực tiếp góp ý về bản dịch.

Cái đẹp động và tĩnh trong nghệ thuật tạo hình

Văn Ngọc

Từ ngàn xưa, các nghệ sĩ tạo hình, khi muốn thể hiện sự sống của sự vật trong thế giới tự nhiên - từ con người, con vật, đến cây cỏ, giòng sông, ngọn suối, họ đều gặp phải một khó khăn không thể nào vượt qua được, đó là sự chuyển động, biểu hiện rõ rệt nhất của sự sống.

Lý do đơn giản, là vì sự chuyển động là một quá trình diễn ra trong không gian và thời gian, mà tác phẩm nghệ thuật, dù là bức tranh, pho tượng, hay một công trình kiến trúc, thì cũng chỉ là những vật thể cố định, giới hạn cả trong không gian lẫn thời gian !

Phải chờ đến khi khám phá ra kỹ thuật điện ảnh, người ta mới nắm bắt được thật sự hình ảnh của sự chuyển động, như mắt người nhìn thấy trong không gian ba chiều.

Do đó, ngay từ đầu, người ta đã chấp nhận một thỏa hiệp, hay đúng hơn, một quy ước mà « luật chơi » cho tới ngày nay vẫn còn giá trị, là làm sao thể hiện được sự sống, tức cái « thần » của sự vật, trong thế động hay tĩnh. Làm sao tạo được ảo giác của sự chuyển động bằng một hình ảnh cố định trên một mặt phẳng, hoặc trong không gian ba chiều.

Đồng thời, luật chơi cũng là : làm sao tạo cho chính tác phẩm sự sống động, hấp dẫn, để chinh phục được con mắt người thưởng thức ! (Đây là chuyện về sau, nhất là khi các xu hướng hội họa hiện đại ra đời vào đầu thế kỷ XX).

Trong nghệ thuật hội họa ở phương Đông, những tác phẩm nói lên được cái thần của sự vật không thiếu : từ những bức tranh ngựa của Hàn Cán (thế kỷ 8), Triệu Mạnh Phủ (thế kỷ 13), đến những bức tranh vẽ chim, vẽ hoa của Hoàng đế Huy Tôn nhà Tống, rồi những bức tranh vẽ tre, đá, núi, sông của Shitao (Che-Tao, thế kỷ 17), v.v.

Trong hội họa tượng hình ở phương Tây, có bức tranh *La Bataille de San Romano* của Paolo Uccello (thế kỷ 15) cũng khá tiêu biểu. Chính bức tranh này đã chinh phục người xem, không phải chỉ vì sự sống động của nó, mà còn vì sự dày đặc của bố cục, và sự phong phú của nhịp điệu, mặc



Paolo Uccello, *La Bataille de San Romano* (Ý , thế kỷ 15)- (Bảo tàng Uffizi, Florence).

dầu Uccello đã chỉ nắm bắt được cái nhịp điệu điển hình của cảnh binh đao đó ở một lát thời gian nhất định, và bằng một hình tượng cố định !

Nhưng trong lịch sử hội họa thế giới, không phải chỉ có những tác phẩm thể hiện những cảnh náo nhiệt, tự chúng đã cung cấp cho ta những

hình ảnh sinh động, mà còn có những bức « tĩnh vật », những bức « chân dung », chinh phục được người xem, không phải vì tự thân đối tượng đã giàu nhịp điệu, mà chủ yếu vì chúng được thể hiện trên tranh một cách sinh động, làm người ta tưởng như đó là những vật thật, người thật, từ những tác phẩm của các danh họa Flamand và Ý ở thời kỳ nguyên khai, và phục hưng - thường tôn trọng sự chân thực đến mức vẽ « giống như thật » - đến những tác phẩm của Cézanne, Van Gogh, đã bắt đầu được cách điệu hoá theo nhiều phong cách khác nhau.

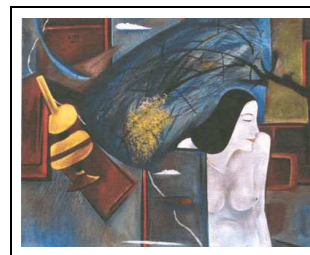
Nói chung, bằng quan niệm nghệ thuật của mình về bố cục, nhịp điệu, nét vẽ, và màu sắc, người họa sĩ có thể tạo nên được sự sống trên tác phẩm, tạo nên được nhịp điệu sinh động và hấp dẫn, dù cho đối tượng trên thực tế có thiếu vắng tính năng động, mà chỉ là những vật thể vô tri ở trạng thái tĩnh.



Lubin Baugin (Pháp, thế kỷ 17)
Le dessert des gaufrettes
(Bảo tàng Louvre, Paris).

Có thể nói rằng, trên một tác phẩm nghệ thuật, nhịp điệu là một yếu tố thẩm mỹ do người họa sĩ tạo nên, chứ không nhất thiết phải là một yếu tố có sẵn, toát ra từ đối tượng. Mà nhịp điệu thì muôn hình muôn dạng : nó có thể là một nhịp điệu động, nhưng cũng có thể là một nhịp điệu tĩnh, tùy theo cái không khí mà người họa sĩ muốn tạo ra trong một bức tranh.

Một bức tranh « tĩnh vật », hay một « tác phẩm bày biện » (Installation), gồm nhiều vật thể ở trong một trạng thái tĩnh, vẫn có thể là một tác phẩm sinh động, nếu như những vật thể đó được bố trí để tạo ra một sự năng động nào đó. Đây là một hiện tượng mà ta có thể quan sát thấy trên nhiều bức họa hiện đại, trên đó bố cục của các « mảnh » tĩnh vật sắp đặt theo một trật tự nào đó, có thể tạo ra nhịp điệu (thí dụ : một số tranh « tĩnh vật » sơn dầu của Nguyễn Quân, hiện đang được trưng bày ở Galerie Hoa Mai, Paris).



Nguyễn Quân, *Thiếu nữ và cây đèn*
(Galerie Hoa Mai, Paris).

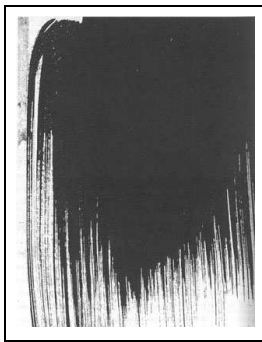
Nhưng ngược lại, một tác phẩm có thể hoàn toàn « tĩnh ». Trạng thái tĩnh (đứng im) vẫn có thể tạo ra được một cái đẹp tĩnh, vì trong cuộc sống, chủ yếu trong tâm hồn con người và trong thế giới tự nhiên, luôn luôn có yếu tố tĩnh xen kẽ với yếu tố động. Nó như một nhịp nghỉ, một không gian cần thiết, trong đó thời gian như lắng đọng, vì rất nhiều khi trong cuộc sống, cũng như trong nghệ thuật, con người cần sự tĩnh lặng, tịch mịch, hơn là sự náo nhiệt, ồn ào. Đương nhiên, điều ngược lại cũng có thể xảy ra !

Trong những bức tranh tĩnh vật thời Phục Hưng Flamand và Ý, người ta không tìm cái đẹp ở nhịp điệu, mà tìm cái đẹp tĩnh trong bố cục, trong nét vẽ, trong cách vận dụng ánh sáng và màu sắc, khiến cho tĩnh vật đó không những được thể hiện giống như thật, mà tác phẩm còn toát ra được một sức sống, một sự sinh động nào đó, hấp dẫn người xem. Nhịp điệu là

một yếu tố thẩm mỹ quan trọng, nhưng nó cũng chỉ là một trong những yếu tố cấu thành của cái đẹp nghệ thuật. Khi nhịp điệu không lộ rõ, thì cái đẹp vẫn có thể toát ra từ *tỷ lệ*, từ sự *hài hoà* của *hình thể*, *hình khối*, hoặc từ cái đẹp tự thân của *chất liệu* và *màu sắc* : một bức tường bằng phẳng đứng im ở trước mặt ta, vẫn có thể hấp dẫn được con mắt của ta bằng cái chất liệu của nó, hoặc bằng màu sắc.

Hình ảnh *tĩnh* thực ra chỉ là một hình ảnh *đặc biệt*, thậm chí *ngoại lệ*, giữa muôn vàn hình ảnh khác của sự vật trong quá trình chuyển động, và *nhịp điệu* cũng vậy : nhịp điệu của một vật thể ở trạng thái *tĩnh* chỉ là một trường hợp *ngoại lệ* của nhịp điệu chuyển động của vật thể đó. Do đó, trong một bức tranh *tĩnh* vật, hay một bức chân dung, có giá trị nghệ thuật đích thực, cái đẹp ngự trị chủ yếu ở trong trạng thái *tĩnh*, như thể cái đẹp của một bản nhạc mà nhịp điệu *bình lặng* đáp ứng với trạng thái tâm hồn, nhu cầu tâm lý của người vẽ tranh, hoặc của người thưởng thức.

Cũng bởi vì hình ảnh *tĩnh* chỉ là một trường hợp đặc biệt trong vô vàn hình ảnh *động* khác của cùng một vật thể trong quá trình chuyển động, cho nên có thể suy ra rằng : cái đẹp *tĩnh* của *ký hiệu* không mâu thuẫn với cái đẹp *động* của *nhịp điệu* .



Hartung, *Không đề*, (Nhịp điệu kết hợp với ký hiệu)

Trong hội họa hiện đại, đặc biệt là trong hội họa trừu tượng, từ những năm 50 của thế kỷ XX đến nay, có hai xu hướng nổi bật và khá phổ quát, đó là xu hướng thiên về *ký hiệu* (Jasper Jones, Tàpies, Poliaoff, Rothko, Tuán, v.v.), và xu hướng thiên về *nhịp điệu* (Pollock, Michaux, Messagier, v.v.). Song điều đáng chú ý, và có ý nghĩa hơn cả, vì nó liên quan đến vấn đề đương bản, là ngay từ những năm 50, đã có những họa sĩ kết hợp

được cái đẹp của *ký hiệu* với cái đẹp của *nhịp điệu* (Soulages, Hartung, Dubuffet, Franz Kline, v.v.).

Thực ra, ngay từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, cả ba xu hướng trên đều đã manh nha xuất hiện, ngay từ trong nền hội họa tượng hình, với Cézanne, Van Gogh, Munch, Kirchner, và ở một mức độ khác, trong nền hội họa lập thể, với Picasso, Braque, Fernand Léger, v.v. ; trong hội họa trừu tượng mới chớm nở, với Mondrian, Kandinsky, Kupka (*nhịp điệu*), và Malevitch (một trong những người đầu tiên đã kết hợp *ký hiệu* với *nhịp điệu*). Cũng vào thời kỳ này, một số họa sĩ tài năng, như Marcel Duchamp, Giacomo Balla, Umberto Boccioni, đã lao vào một cuộc phiêu lưu mới : thể hiện sự chuyển động của vật thể bằng cách lặp lại những hình ảnh « cố định » nối tiếp nhau như trên một cuốn phim. Song, như đã trình bày ở trên, *ảo ảnh của sự chuyển động* chỉ có thể được tạo ra khi có đủ cả hai yếu tố *không gian* và *thời gian*, mà trên mặt phẳng của một bức họa thì lại không thể nào có được cả hai yếu tố đó, nhất là yếu tố thời gian !

Tuy nhiên, cuộc phiêu lưu của các họa sĩ này, mặc dầu về mặt *ý tưởng* đã không đem lại được những kết quả mong muốn, song đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị thẩm mỹ. Cái *lặp lại* nhiều hình ảnh để thể hiện sự chuyển động, hay ít ra

một sự năng động nào đó, đã được Andy Warhol lấy lại và khai thác một cách khá sáng tạo, nhưng trong một mục đích khác hẳn : Andy Warhol lặp lại các hình ảnh giống hệt nhau (chân dung Marilyn Monroe (1962), chân dung Andy Warhol tự họa (1966) và những chai Coca-Cola, nhân lên đến mấy chục lần), không phải để tạo nên *ảo ảnh của sự chuyển động*, mà để tạo ra một *ký hiệu* sinh động, hấp dẫn sự chú ý của người xem, và có một giá trị nhất định về mặt « truyền thông ». Sau này, các hãng quảng cáo, và ngay cả nhiều họa sĩ trong phong trào OP'ART cũng đã lấy lại cái ý đó.



Marcel Duchamp ,
Nu descendant un escalier
N° 2 (1913)

Tóm lại, có thể nói rằng, trạng thái, hay hình tượng « cố định » của một vật thể *tĩnh* hay *động* được thể hiện trên mặt vải, chỉ là một trong muôn vàn trạng thái, hay hình tượng *có thể* của nó, ít nhất đứng về mặt nghệ thuật. Từ đó, có thể suy ra rằng, mọi ý tưởng nghệ thuật đều có thể được thể hiện bằng nhiều hình thức, phong cách, khác nhau, từ *hiện thực* triệt để (vẽ giống như thật), đến *cách điệu hoá* (ấn tượng, biểu hiện, lập thể, v.v.), rồi đến *trừu tượng hoá*. Dường như có một sợi chỉ đỏ xuyên suốt qua những hình thức nghệ thuật này. Nó nói lên mối quan hệ tự nhiên và rất khăng khít giữa *cái đẹp động* và *cái đẹp tĩnh* trong nghệ thuật.

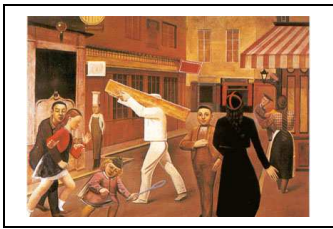


Andy Warhol, 20 chân dung Marilyn, 1962)

Thật vậy, không thể nào giải thích được hiện tượng một người vừa có thể rung cảm được trước cái đẹp của một bức tranh hoàn toàn « *tĩnh* », ở những thời kỳ nghệ thuật khác nhau, từ cổ điển đến hiện đại (từ Ingres, Raphaël, Le Douanier Rousseau, Gauguin, đến Tàpies, v.v.), lại vừa có thể thưởng thức được những tác phẩm hội họa giàu nhịp điệu « *động* » của Rubens, Delacroix, Van Gogh, hay của Willem de Kooning, nếu không chấp nhận rằng : « *nhịp điệu tĩnh* » cũng chỉ là một trong những biểu hiện của « *Nhịp Điệu* », nói chung.

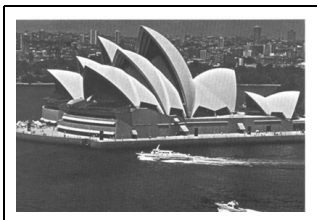
Trường hợp các họa sĩ thuộc trường phái siêu thực, như Dali, De Chirico, Magritte, Balthus, v.v. lại càng đáng chú ý hơn nữa. Trên một tác phẩm của Magritte, hiện đang được trưng bày ở Bảo tàng Orsay, thời gian như ngừng lại trong khoảng khắc : các nhân vật đều ngừng cử động và ở trong một tư thế hết sức khẩn trương. Họ như chỉ chờ đợi một dấu hiệu nào đó để *cử động* lại, một cách máy móc như những chiếc robots, và để tiếp tục công việc mình đang làm, hoặc sắp sửa định làm. Tác phẩm tạo ra một không khí căng thẳng, đe dọa, tuy *tĩnh* mà *không tĩnh* : cái lát thời gian *tĩnh* được thể hiện trên nét mặt chờ đợi khẩn trương của các nhân vật không thể kéo dài được, nó chỉ có thể chuẩn bị cho một sự cố sắp

xây ra, và sẽ xây ra ngay trong khoảng khắc ! Bức tranh cho ta một kích thước thường vắng bóng trong hội họa, đó là kích thước thời gian ! Âu cũng là một trường hợp *hiếm* !



Balthus, *La rue* (1933)

Tranh của Balthus thì lại hơi khác một chút. Trên các tác phẩm của Balthus, hoàn toàn không có sự căng thẳng, vì các nhân vật của Balthus, mặc dầu được thể hiện trên tranh một cách cố định, nhưng tư thế của họ vẫn là tư thế của những người đang đi chuyên, đang làm một việc gì đó. Họ tỏ ra rất tự nhiên, bình thân, không chờ đợi một sự cố gì đặc biệt cả ! Phải chăng cũng vì thế mà không khí của các bức tranh của Balthus thường rất *tĩnh* !



Opéra de Sydney (Úc) (1956-70)
Kts Jorn Utson

Xem như vậy, tính chất « *tĩnh* » và « *động* » trong nghệ thuật tạo hình không chỉ tùy thuộc vào *nhịp điệu*, vào *tỷ lệ*, vào cách *bố cục các hình thể* và *màu sắc* trên bức họa mà thôi, mà còn tùy thuộc cả vào cái *kịch bản* nằm ở đằng sau bức họa, (trường hợp hội họa tượng hình), vào cái *tiềm năng* tạo ra *sự cố*, và *sự chuyển động* trên bức họa, nhờ ở cái *kịch bản* ấy.



Bảo tàng Guggenheim ở Bilbao (Tây Ban Nha), kts Frank O. Gehry (1997)

Nhìn chung lại các ngành nghệ thuật tạo hình, người ta có thể nhận thấy một điều cơ bản, là : « cái đẹp *tĩnh* » dựa vào *tỷ lệ* và *bố cục* nhiều hơn là « cái đẹp *động* », từ cổ Ai Cập, cổ Hy Lạp trở lại đây . Không phải ngẫu nhiên mà ý thức về cái đẹp *tĩnh* có trước ý thức về cái đẹp *động*, vì cái đẹp *tĩnh* dễ quy định và dễ thẩm định một cách *chính xác* hơn. Trong các nền nghệ thuật cổ đại : cái đẹp của kiến trúc cổ Ai Cập, hoặc của kiến trúc cổ điển Hy Lạp đều dựa vào các *tỷ lệ vàng* bất di bất dịch (những *con số vàng* của người Ai Cập cổ, và các *thức cột* trong kiến trúc cổ điển Hy Lạp-La Mã). Trong khi đó, Opéra de Sydney hay Bảo tàng Guggenheim ở Bilbao, thì lại chủ yếu dựa vào *nhịp điệu*, với những *tỷ lệ* tự do, bay bướm hơn.

Xét cho cùng, thì khái niệm « *tỷ lệ vàng* » của người xưa - tiêu chuẩn cho phép tạo nên sự *cân xứng*, *hài hòa* của các yếu tố cấu thành của một tác phẩm nghệ thuật - hoàn toàn không mâu thuẫn với khái niệm « *nhịp điệu* », thể hiện sự *sinh động*, *hấp dẫn* của chúng trong thể chuyển động.

Có thể không nhầm lẫn mà khẳng định rằng cái đẹp của *tỷ lệ* cũng chỉ là một trường hợp đặc biệt của cái đẹp của *nhịp điệu*, có điều là *tỷ lệ* thì chính xác hơn, song đồng thời cũng gò bó và hạn chế óc sáng tạo hơn.

Văn Ngọc

Sông Sơn

Nhân đọc « Con đường đôi cát »

Bài viết của Mai Ninh khiến mình nhớ lại những kỷ niệm với Quảng Bình... Bốn năm về trước, mình cũng đi con đường đó về Đồng Hới, ngang qua các đôi cát Quảng Bình, cũng nghĩ đến câu hát hò " *Quảng Bình quê ta ơi... chang chang đôi cát nắng trưa Quảng Bình* ", cũng nhớ đến các bức ảnh thật là đẹp, chụp người phụ nữ quang gánh giữa đôi cát bao la. Thế nhưng người địa phương kể cho nghe rằng những đôi cát ấy chính là nỗi ám ảnh của họ, nhất là phụ nữ. Các cô gái quang gánh mỗi ngày hai bận, nhọc nhằn leo đôi cát bao la bất kể thời tiết, khi nắng gắt chang chang khi gió bão ùn ùn thổi cát bay mù mịt. Cho nên con gái chỉ mới 25, 26 tuổi là đã bị toét mắt, và dân vùng đó bị hư mắt sớm. Chỉ có thể đeo khẩu trang và đội nón lá, chứ làm sao đeo khăn che mắt được.

Đến Đồng Hới, ở một khách sạn nhà nước. Trước khách sạn có một cây cổ thụ thật lớn thật sum xuê, được rào lại cẩn thận. Chung quanh xe lớn xe nhỏ đỗ lại, tài xế ra thấp nhang cúng vái tung bùm. Hỏi ra mới hay: thời chiến tranh, gần như ngày nào B52 cũng quân, bom đạn ngập trời ngập đất. Đồng Hới như bị chà nát hết, không còn một căn nhà, một gốc cây. Chỉ duy nhất cây cổ thụ này vẫn đứng vững sừng sững, sống sót qua chiến tranh. Nên từ đó, không những người địa phương mà dân lái xe qua đây đều thờ cây cổ thụ này, đến cúng vái cầu thượng lộ bình an. Anh tài xế tụi này lái tuyến đường này thường xuyên, nhất nhất phải ghé qua đây thấp hương.

Từ Đồng Hới đi vào động Phong Nha, lúc đó mới mở cho du khách vào xem được 2-3 năm. Muốn vào trong động phải lấy thuyền đi trên một con sông rộng thật đẹp. Nước trong vắt, mát rượi, xa xa là đôi núi dài Trường Sơn trùng trùng xanh thẳm. Đẹp quá khiến mình buột miệng hỏi: " Con sông này đẹp quá, tên gì thế? ". Trên thuyền có hai người dân làng sống ngay đó, mới kể cho nghe. Họ kể giọng trầm hẳn đi, chậm rãi. Con sông này tên là sông Sơn. Sông Sơn ? Là bởi vì thời chiến tranh, ngày ngày B52 quân, bom đạn thả không ngừng, đến nỗi con sông đó ngấu vì máu của đồng bào, của chiến sĩ, của trâu bò, súc vật. Vào mùa khô còn đỡ, các chiến sĩ bị thương còn được tải vào ngay trong động mà núp bom đạn. Đến mùa mưa thì không chỗ trốn tránh, vì nước lên ngập cả động, không đem thương binh dân làng vào ẩn náu trong động được. Thế là chết, chết không kể xiết, dân chết, quân chết, người già em bé chết. Trước đó con sông không có tên. Nó chỉ bắt đầu mang tên khi sự kinh hoàng, nỗi uất hận quá tràn đầy. Và người dân ở đó cũng không khắc bảng tên cho con sông. Cái tên đó dường như chỉ khắc sâu trong tâm khảm họ, không muốn được phô trương. Thú thật nghe xong mình sồn gai ốc, người lạnh đi, không nói được một lời, trong lòng muốn khóc.

Lúc đó mình ngược lên nhìn bầu trời yên ắng trong veo, cúi xuống nhìn mặt nước phẳng lặng im lìm. Gió luôn lau sậy hiu hiu thổi. Và mình thầm cảm ơn. Cảm ơn Hoà Bình đã đến trên quê hương.

V.M.

Con Đường Đồi Cát

Mai Ninh

Tôi rời Hà Nội vào Huế đem theo hơi sương sớm và hình ảnh màu sắc hương hoa của mấy ngày vô tình được sống một thời tiết dịu dàng như sang thu, giữa mùa hè lẽ ra nóng gắt. Phi trường Phú Bài tháng bảy đổ nắng trên đầu, những làn nắng rực rỡ thiêu huỷ trong chốc lát không gian tươi mát quanh cảnh lá hồ Tây hai bên đường, chị PQ đã chở tôi đi vòng một lần cuối, đôi giò trước khi lên máy bay. Hôm ấy Hà Nội đầy hoa dành thắp hương đầu tháng âm lịch. Bao gánh hoa chạy rong đường phố, sen hồng sen trắng cúc vàng và cả hoa trang mà tôi ngỡ ngàng khi biết người xứ Bắc gọi là mẫu đơn, thật khác loài hoa đài các yêu quý của nàng vương phi họ Dương thời Đường.

Một giò đồng hồ, chỉ đủ từ Phú Bài về nhà anh chị bạn ở Nam Giao, thay vội quần áo rồi lên đường đi ngay Quảng Bình. Trên xe, chợt nghĩ mình lại trở ngược ra Bắc, ra Bến Hải, địa danh huyền thoại của ngày thơ thiếu. Đây là chuyến đi tôi biết trước sẽ không dễ dàng gì, chẳng dễ dàng cho chính tôi, không phải do con đường đưa đến đó. Dù thế, khi chị bạn hỏi mọi thứ sẵn sàng chưa, tôi đáp gọn : « Có gì đâu, em chỉ có gói này là phải đem theo ». Gói tiền hơn mười bảy triệu đồng VN đóng góp của các bạn giao cho cầm về, đem tới huyện Lệ Thủy - Quảng Bình.

Thả người trên nệm xe, tôi chấp chòn trong tiếng anh Thái Ngọc San từ tốn giới thiệu phong cảnh, nơi chốn. Anh San, đại diện báo Thanh Niên ở Huế đã vui lòng tổ chức giùm cho cuộc thăm viếng tôi từng mong mỏi làm được trong chuyến về VN lần này. Trừ một vài đoạn đang sửa chữa, quốc lộ số 1 đã mất những hố lầy, ổ voi của một năm chín ba, chín tư tôi qua đây để đến La Vang, Cửa Tùng. Xe có máy lạnh, quên hơi nóng còn hừng hực trên tàn phượng đỏ, tôi cố giữ hồn thanh thản, ngó ra mặt sông lặng, bóng núi xanh, rừng bạch đàn và nhìn lên những tán cây tím màu tím tím của hoa bằng lăng giò đã vào độ cuối. Tuy thế, thỉnh thoảng tôi ngồi bật thẳng dậy như bị chạm vào một lưỡi dao ký ức để hỏi về, động tới các dấu tích chiến tranh. Dấu sao vẫn không thể quên : mình đang trên quãng đường năm nào được mệnh danh tử lộ. Rồi cố giấu dự cảm buồn nhiều hơn vui về cuộc gặp gỡ ở Lệ Thủy sáng sớm ngày mai, tôi cười với câu chuyện người đàn ông ít nhất bảy vợ sống chung để huế khi xe ngang qua vùng « đất cần Quảng Trị ». Anh San bảo nói là bảy vợ chứ thực ra hơn nhiều vì số con cái cháu chắt ông ta bây giờ đủ lập thành một ngôi

làng, và người đàn ông có phước này luôn luôn được vợ con nuôi nấng. Thế là tôi miên man nghĩ về chuyện đàn ông đàn bà Việt Nam cho đến khi xe dừng lại bên đường, dọc hai bờ là vài quán ăn nhà sàn dựng trên mặt nước. Một bên là sông, một bên hồ nhân tạo nuôi cá. Đặc sản ở đây là cháo cá dọn trên những chiếc bàn thật thấp, thực khách ngồi chiếu. Chàng thanh niên tài xế vội vàng ngả người xuống võng, hai ba chú bé tiến lại bắt đầu làm *massage*, xoa nắn thành thạo, hai bàn tay chụp vào, vỗ lên sống lưng người khách những nhát kêu rảng rịch nhàng. Suốt một ngày dài di chuyển, tôi cũng thèm được đắm lưng nhưng chỉ có dịch vụ đắp bóp cho đàn ông trong các quán này. Một lần nữa, thấy phụ nữ VN thua thiệt. Tôi ngồi ngó ra bờ sông, không bóng dáng cá tôm, chỉ một ráng trời hoe đỏ của buổi chiều đang là xuống, bàng bạc mặt nước.

Tối hôm ấy chúng tôi đến Đồng Hới, thị xã của Quảng Bình. Đồng Hới, ngày nào tượng trưng một địa danh bom lửa, với tôi, thiếu nữ Saigon, nó xa tưởng chừng chẳng bao giờ mình đến đó. Đồng Hới trước mặt đèn đuốc đã lên, chiếu sáng những ngôi nhà lâu. Tôi ngạc nhiên khi biết mấy con đường trong thị xã trồng đầy cây hoa sữa, loài hoa cứ ngỡ chỉ thuộc về mùa thu Hà Nội, và thêm nữa : dân chúng, chính quyền địa phương đang khổ sở với mùi thơm đã đi sâu vào âm nhạc, thi ca VN đó. Cây trồng quá nhiều, đến mùa hoa, hương nồng quá độ làm dân hàng phố bị say, khó ngủ, đau đầu.

Trao đổi sơ qua với người đại diện tình đoàn thanh niên Quảng Bình, tôi được biết hiện có độ 10 000 phụ nữ cựu thanh niên xung phong (TNXP) ở đây, trong số ấy khoảng 1 000 chị sinh sống rất khó khăn. Điều chính quyền và các hội đoàn thanh niên địa phương làm được cho họ còn rất giới hạn : xây được trên dưới 200 ngôi nhà tranh (7 triệu đồng/nhà), một số chị được cấp « Kỷ niệm chương » tương ứng với trợ cấp 1 triệu rưỡi đồng, nhưng chỉ một lần duy nhất. Buổi tối, tôi cùng chị bạn ngồi đếm và bỏ vào 8 phong thư, mỗi phong trên hai triệu đồng. Cầm bì thư quá nhẹ trên tay, tôi ngậm ngùi, thật chẳng bao nhiêu. Bảy trong tám người phụ nữ cựu TNXP tôi sẽ gặp sáng mai ở xã Hương Thủy, huyện Lệ Thủy (một chị nay ở Hà Tĩnh) là bảy trường hợp điều đúng nhất, theo thông tin các bạn tôi được biết trước đây.

Con đường Đồng Hới - Hương Thủy sáng sớm đã rực nắng, 60 cây số nộn nạo trong ruột, tôi không thể xua đuổi ý nghĩ : mình sẽ gặp, nghe và thấy những gì ? Nhờ sự liên lạc báo tin trước của anh San, tôi mới được chính thức đến đây để có gặp gỡ này. Vừa bước vào căn phòng họp của ngôi trường tiểu học, tôi đã thấy ngay rằng những cảm giác dự đoán trước : sẽ buồn bã, hoá ra chỉ là bèo bọt. Bảy khuôn mặt đáng người khác biệt. Bảy khuôn mặt vô cùng giống nhau ở màu da rạm cháy, ở nếp nhăn của hoàn cảnh, đời người đang ngược nhìn tôi. Phút giây, khi chạm phải màn nước long lanh trong trũng mắt người đàn bà nhỏ choắt cheo, cả thân thể run lập cập, hai cánh tay không ngừng giật giật, tôi biết mình sẽ khó nói

được ra lời. Tôi vội cúi xuống, tôi là ai mà người đàn bà ấy nhìn tôi bằng cái nhìn chăm chú, sâu thẳm, u buồn đến thế?

Không ngờ việc thăm viếng mà khởi đầu tôi nghĩ là gián dị lại thành một đón tiếp khá thể thức. Cũng may, sau khi các lãnh đạo và đại diện tỉnh - huyện giới thiệu mục đích buổi gặp gỡ và tôi nói đôi lời về cuốn phim *Les oubliées de la piste Hồ Chí Minh*, nguyên nhân đưa tôi thay một số bạn trong hội văn hoá Trịnh Công Sơn cùng vài người bạn khác về đây và trao phần quà, tôi đã được chuyện trò với từng chị phụ nữ bị lãng quên ấy. Những gì các bạn tôi đã thấy qua cuốn phim, ở cách lớp học này mười ngàn cây số chỉ là mảng bọt nổi trên bề mặt. Người làm phim đã tế nhị khi đưa ra hình ảnh hay chẳng?

Lần lượt mỗi chị nắm tay tôi và kể chuyện. Trước nhất, người phụ nữ nhỏ bé gầy hao đã rung lệ nhìn tôi khi mới đến là chị Võ Thị Cúc bị *parkinson* nặng, 7 năm ra chiến trường từ 1965, bom chấn thương đầu năm 68, muốn đứng phải có người nâng vịn, sống một mình và dù tình cảnh bần cùng như thế chị vẫn còn chờ xin vào chế độ, nghĩa là xin hưởng trợ cấp 1 triệu ruồi đồng, hay may hơn nếu được công nhận thương binh sẽ có phụ cấp 100 000 đồng hằng tháng. Chị Trần Thị Đương cao lớn hơn tất cả, nhưng chẳng vì thế mà may mắn hơn: nhiễm độc tố da cam 67, 68, không gia đình, liệt chân tay, mất một mắt. Một chị khác, cũng nạn nhân của chất hoá học này là chị Nguyễn Thị Nhạn, nay bị bệnh thần kinh. Chị Võ Thị Cảnh từng lập gia đình nhưng chồng mất đã 20 năm để lại 5 đứa con, chị bảo chúng tôi sống như « hạt gạo trên sàng ». Người phụ nữ mang tên Võ Thị Tình dáng vóc không khoẻ hơn chị Cúc bao nhiêu là người kể chuyện nhiều nhất, chồng chết vì ung thư, họ có 5 con trong đó một đứa bị điên vì trúng độc da cam. Sáu mẹ con không nhà, trú ngụ chân đồi cát, nhưng chị bảo sẽ dùng số tiền hôm nay nuôi súc vật kiếm lời. Người bên cạnh nghe vậy thốt lên: « Trước hết tôi sẽ mua gạo nấu nổi cơm ăn một bữa được no đã ». Chị Tình và chị Nguyễn Thị Liễu có chung chứng đau đầu, chị Liễu từng bị đất phủ trong những lần bom dội nên đầu ê ẩm kinh niên. Mỗi khi có tiếng động mạnh hay tia nắng chói, đầu hai chị đau điếng. Chị Liễu bảo tôi là bom đạn bung bung mãi trong tai, trong óc dù đã bao năm tháng.

Trước mắt tôi, bây giờ là những gương mặt héo hon, mái tóc muối sương khô rang thưa thớt, vành môi tái mím lại như cố kìm hãm không để thoát ra nhiều hơn lời than thở và nỗi lo âu dằng dặc. Nhưng sao trong tôi, ngay lúc này vẫn còn hiện ra các nụ cười sáng rõ của tuổi trẻ một năm nào, 65, 66 hay 69 của đoàn TNXP mà cuốn phim đã ghi lại. Thời ấy, khi các chị lao ra chiến địa cũng mười bảy mười tám tuổi như tôi ngày nhận học bổng của chính phủ Pháp, rời quê nhà du học. Miền Nam tôi sinh ra và lớn lên khoảng độ đó cũng có các thanh niên xung phong. Bên này hay bên kia vĩ tuyến 17 đều là máu và nỗi đau của những người mà đa số hy sinh mạng sống và tuổi trẻ cho một niềm tin. Tôi viết đa số vì bây giờ phụ nữ ngồi đây khi trả lời câu hỏi của tôi có người xác nhận: Nếu lịch sử lặp lại chị vẫn sẵn sàng tình nguyện ra chiến trường khuôn đạn đắp mô, nhưng cũng có chị bảo rằng

chỉ do hoàn cảnh đưa đẩy: Lấy chồng vừa hai ngày, anh lên Cao Bằng học tập, ở nhà mẹ chồng hành hạ, thế là chị đi xung phong.

Rồi cuối cùng tôi cũng phải đứng lên. Dù thế nào cũng chẳng thể hỏi han cho đủ về trước kia, về sau này. Lao khổ của các chị trước và sau có khác nhưng họ vẫn phải tiếp tục bước trên con đường không có được một chút bóng râm. Nắng mười giờ chói chang trên sân trường đang vắng bóng học trò. Bỗng dưng tôi thêm nghe đến kỳ lạ tiếng trẻ thơ cười. Chuyển xe trở ra Đồng Hới quanh sát chân Trường Sơn để cho tôi biết đoạn đường Hồ Chí Minh mới mở, sau này nó sẽ chia sẻ số lượng xe cộ cùng quốc lộ 1. Xe vào làng Lệ Thủy với đồng lúa xanh đầy sông rạch mà chị bạn và anh San không ngớt khoe rằng đây là nơi sơn thủy hài hoà, đời sống sung túc so với nhiều nơi khác. Đầu tôi nghe nói, trong cuộc chiến vừa qua, sau mỗi cuộc oanh tạc máy bay dù ở đâu cũng đảo về đội bom xuống Lệ Thủy một lần. Hình như hai người bạn còn kể về con người và quê hương họ nhiều lắm, cả về tục lệ đua thuyền sau mùa gặt mỗi năm vào ngày 2 tháng 9 trên sông Kiên Giang, với người phụ nữ đa mưu can đảm có một không hai, dám làm tất cả để bảo vệ danh dự làng mình nên được thờ trong miếu Bà thuộc thôn Anh Xá. Trong một mùa hội đua xưa, hai làng địch thủ đồng tài đồng sức khó phân thắng bại, nên Bà phải nghĩ mưu kế hạ địch thủ: Bà bèn mặc quần rộng, cột thắt lưng thật lỏng rồi ra đứng giữa sông, quay về hướng thuyền địch, khi thuyền chèo gần tới, liền tháo băng dây quần. Nghe đầu làng Bà chiến thắng vinh quang nên tôi đoán ngày ấy Bà còn xuân sắc lắm. Lại một típ người phụ nữ VN.

Hơn cả bạn đi, con đường trở về Huế chao rung trong hơi nóng của ngọn gió Lào, thứ nóng làm cháy cong cả những tàu lá chuối. Lòng mắt tôi lạc đi trên đồng ruộng cây cối. Chẳng còn nhìn ngắm màu phượng, chẳng ngó tìm hoa bằng lăng, không cả thả mắt chạy trên ngọn bạch đàn xanh bạc lung linh, như hôm qua. Nắng lòng mặt đường, nắng phá hồn tôi, chùng như cơn gió Lào đang hất tung cát bụi vào mặt. Con đường xe chạy không hề ngang qua « chang chang đôi cát nắng trưa Quảng Bình », vậy mà tôi nhìn thấy chị Tình đang gánh chổi gồng người leo dốc, chân lún trong cát xoáy. Chị đã cho biết, mỗi ngày chị gánh chổi dằng dặc băng đồi đem bán, 5 cây thì lời một ngàn đồng, phải bán được 30 cây mới đủ 6 ngàn mua gạo nuôi 5 đứa con. Nhưng chẳng quản gió, không ngại nắng vãi trên lưng, chỉ là ánh sáng gắt trên nền cát lại loé cháy vết thương trong cặp mắt mang dấu vết vốn chẳng lành lặn của chị.

Khi xưa, tôi thích những bức hình của các nhiếp ảnh gia VN hay chụp người đàn bà quang gánh giữa đồi cát bao nhiêu. Họ bước đi trên những lượn cát uốn vòng mềm mại, bóng in chân trời. Bây giờ tôi sợ, đây chỉ là nghệ thuật không là thực tế, ít nhất thực tế tôi vừa để lại, sau tôi.

Mai Ninh
Tháng 8, 2004

Tưởng niệm ông bà Hoàng Xuân Hãn

Tây Dương kì ngộ

LTS : Như chúng tôi đưa tin nơi trang 3, bà Nguyễn Thị Bích (quả phụ Hoàng Xuân Hãn) đã từ trần ngày 23.8 vừa qua, thọ 94 tuổi. Để tưởng nhớ người đã khuất, cũng là người đã giúp đỡ tờ báo này từ những ngày trứng nước, chúng tôi trích đăng lại một bài viết về mối tình 60 năm của « hai bác », viết trong dịp tang lễ ông Hoàng Xuân Hãn (ĐĐ số 52, 5.1996).

Tôi thuộc lứa tuổi lên chín lên mười thì *đinh tê về thành* sống ở Hà Nội bị chiếm. Cái tuổi chưa dùng cuốn *Danh từ khoa học*. Năm ấy *La Sơn phu tử* chưa xuất bản. Phải đợi mấy năm sau, tôi mới được lần giở những tranh sách xuất bản ở Paris, mân mê hai trang chụp bức thư chữ nôm Nguyễn Huệ gửi Nguyễn Thiếp. Cho nên, đối với một thiếu niên năm 1950 ở Hà Nội, bố còn đi kháng chiến, theo mẹ và anh chị hồi cư, cái tên Hoàng Xuân Hãn trước tiên đi liền với chữ thập màu xanh lá cây của hiệu thuốc tây bờ hồ Hoàn Kiếm. Hiệu thuốc tây lớn nhất Hà Nội, mà chủ nhân là bà Hoàng Xuân Hãn, nữ dược sĩ. Một hai năm sau, phong trào Trần Văn Ôn, anh tôi bãi khóa, bị mật thám bắt... rồi nghe chuyện kháng chiến, nghe thì thắm (ai ? anh tôi hay mẹ tôi, tôi cũng không nhớ) rằng bà Hãn giàu lắm, nhưng mà bà cung cấp thuốc men cho kháng chiến đấy... Rồi bố tôi ốm nặng, hồi cư. Thi thoảng, được nghe chuyện những bậc trí thức, tất nhiên lúc đó tôi vỡ lẽ Hoàng Xuân Hãn không phải chỉ là một bảng hiệu Tây dược. Hình như lúc đó, bắt đầu xuất hiện mấy chữ *trí thức trùm chăn* người ta dùng để chỉ giới trí thức trong thành, vẫn giữ cảm tình với kháng chiến, không chịu hợp tác với Pháp và chính quyền Bảo Đại. Tôi còn được nghe nói tới bà Hãn, không hiểu vì sao tôi còn nhớ mãi một câu của bố tôi : “ *Hồi đó là cô Bích, Nguyễn Thị Bích...* ”. Bây giờ moi tìm trong trí nhớ, có lẽ ngoài cái tên con gái của bà Hãn ra, hồi đó tôi chỉ nghe thấy tên hai phụ nữ *có học* khác được nhắc tới trong câu chuyện của *người nhớn* : Hoàng Thị Nga, Nguyễn Thị Thục Viên. Hình như hồi ấy, chỉ *có học* thì người phụ nữ mới giữ được tên *con gái* của mình, bằng không họ chỉ được xã hội biết như bà Nguyễn Văn X, bà Trần Văn Y.

Những mẩu kỷ niệm tuổi thơ ấy đã bắt chợt trở lại chiều chủ nhật 24.3 vừa qua trong buổi lễ cầu siêu bác trai tại chùa Trúc Lâm, khi nghe thầy chủ lễ đọc danh sách tang gia, bắt đầu bằng nhũ danh của bác gái.

Rồi tôi liên tưởng tới dịp tháng 5 năm 1989 : lần ấy, hai bác đã dành cho chúng tôi (anh Trần Văn Thủy, anh Nguyễn Trọng Nghĩa và tôi) hai ngày liền để phỏng vấn ghi hình và ghi âm, tổng cộng hơn 9 giờ đồng hồ. Sự liên tưởng này không tình cờ : phần lớn cuộc phỏng vấn dành để hỏi bác trai về sự nghiệp nghiên cứu, về hoạt động chính trị của bác, cũng như về các nhân vật lịch sử Việt Nam, Pháp và Nhật mà bác đã tiếp xúc, nhưng mở đầu, tôi đã xin phép hỏi về *hai bác*, về *bác gái*...

Nhờ vậy, mà chúng tôi được nghe hai bác kể lại cuộc gặp đầu tiên và mối tình sắt son đã gắn bó hai người. Nhân dịp

này, xin ghi lại để độc giả hiểu thêm về con người Hoàng Xuân Hãn, về một thời kỳ mà sau bao biến thiên của lịch sử, đối với số đông, đã trở thành quá vãng xa mờ.

Tính đến năm nay, 1996, hai bác đã thành hôn vừa đúng 60 năm. Đám cưới cử hành ở Paris năm 1936, có lẽ là đám cưới đầu tiên của một cặp du học sinh Việt Nam. Nhưng câu chuyện bắt đầu hai năm về trước, trên Ấn Độ dương, hồi đó ta gọi là Tây Dương.

Mùa hè 1934, chàng thanh niên Hoàng Xuân Hãn vừa tốt nghiệp Bách khoa và Cầu đường sau 6 năm du học tại Pháp, về nước thăm nhà, và thăm dò khả năng làm việc ở Đông Dương. Năm 1930, khi trúng tuyển cả Ecole Normale Supérieure (Cao đẳng sư phạm) và Ecole Polytechnique (Bách khoa), hai trường khó nhất trong các trường lớn của hệ thống đại học Pháp, Hoàng Xuân Hãn đã chọn Bách khoa vì nghĩ rằng một kỹ sư sẽ có thể đóng góp nhiều cho đất nước. Nhưng ở thời điểm 1934, chính sách giáo dục của chính quyền thực dân vẫn chỉ nhằm đào tạo một số nhỏ những *agents techniques*, không thể có chỗ đứng cho một kỹ sư Bách khoa người bản xứ. Thế là chàng kỹ sư 26 tuổi ấy đành quyết định trở lại Pháp để học nốt bằng cử nhân rồi dự thi thạc sĩ toán.

Trên chuyến tàu năm ấy rời cảng Sài Gòn nhằm hướng Marseille, ngoài Hoàng Xuân Hãn, có 4 du học sinh Đông Dương : một người Miên, hai Nam Kỳ, và một nữ sinh Bắc Kỳ. Đó là cô Nguyễn Thị Bích, 23 tuổi, đã tốt nghiệp sư phạm, ba năm Trường dược Đông Dương, với đầy đủ số tháng thực tập, nhưng với quy định của chế độ học chính thuộc địa, không có quyền vào năm thứ tư để thi tốt nghiệp dược sĩ. *Luật lệ là như vậy, nếu cô muốn thì sang Paris mà thi.*

Đêm trung thu 1934, tàu lênh đênh trên Tây Dương, năm anh chị sinh viên đi vé hạng ba, không được quyền vào xalông, bèn rủ nhau ra ngoài boong uống nước ngắm trăng. Cô Bích đề nghị làm thơ vịnh trăng. Anh sinh viên xứ Hà Tĩnh đã ứng khẩu một bài *Vịnh Nguyệt* :

*Có người bảo tớ vịnh thơ trăng,
Tớ cũng toan ngâm ngợi chị Hằng
Ngán nỗi người xinh trăng thẹn mặt
Ngây lòng tớ gắm bút mòn răng.
Trông trăng chỉ thấy ai cười nụ,
Gác bút vì e tớ nghĩ xằng.
Vịnh nguyệt vì người thôi cũng vịnh,
Hoạ người bên nguyệt biết tình chăng ?*

Tình trong như đã, hay chỉ là truyền thống đùa ghẹo giữa nho sinh Nghệ Tĩnh và thực nữ Bắc Hà ? Chi biết có xướng thì phải có họa, mà anh bạn Miên thì đã xin miễn, còn hai anh Nam Kỳ chỉ nhận góp vui bằng cách kể chuyện *gauloises*. *Hoạ thơ xin nhường cho chị*. Chị Bích bèn đáp lại bằng một bài thơ mà theo ngôn ngữ ngày nay phải nói là *lập trường vững vàng, giá trị tư tưởng cao* :

*Đêm trung thu trời trong sao sáng
Mấy cánh mây loáng thoáng lơ thơ
Trên tàu du học vịnh thơ
Biết bao cảm giác vẫn vơ trong đầu
Hồi các anh cùng nhau cương quyết
Sang Âu Tây dạn tuyệt xông pha
Hãy xem văn hoá người ta
Sau này thì thổ nước nhà chờ mong.*

Thực ra, cô Bích không có ý lên gân. (Ai có dịp gần bác gái đều biết *lên gân* là điều xa lạ với tạng người và tư tưởng rất *thiên* của bác). Lúc đó, cô gái 23 tuổi ấy biết rằng con gái mà được đi du học là một sự hy sinh lớn của gia đình, và trên vai

cô mang nặng bốn phận học xong trở về gày dựng cho các em nhỏ. Nên có thể đoán trước phản ứng của cô khi mấy ngày sau, trong một dịp trò chuyện tay đôi, anh chàng xứ Hà Tĩnh đưa tặng một bài thơ thứ nhì. Không còn thất ngôn bát cú Đường Luật nghiêm chỉnh nữa, mà là *hát nói* :

*Trời với biển nửa mờ nửa xám,
Mây trên trời mấy đám trắng phát phơ.
Mảnh trăng tròn khi tỏ lại khi mờ,
Khách trên biển còn ngờ nơi Nhược thủy.
Cám cảnh cô đơn thặng Cuối quý,
Nghĩ thương tình muộn chị Hằng Nga.
Những tưởng rằng trăng lạ với trăng xa,
Ai ngờ cũng trắng nhà cười mỉm mỉm.
Chôn lử thứ (1) đa tình nên bịn rịn
Hỏi Trăng già soi đến tận tâm can ?
Sóng đưa trăng giạt theo làn.*

– Tôi cảm ơn anh, nhưng bài thơ này tôi không hiểu, xin trả lại – cô Bính nghiêm nghị nói, một tay gạt tờ thơ về phía tác giả.

– Sao không hiểu ? Thế đọc thơ Hugo, Lamartine, Nguyễn Khuyến..., cô có hiểu không ?

– Đó là trong chương trình *lycée* tôi có học và hiểu chứ. Nhưng bài thơ này, tôi không hiểu.

– Thôi cô không hiểu thì tôi cho cá nó đọc – và chàng trai Hà Tĩnh xé vụn tờ giấy rồi vứt qua khung tròn *hublot*.

Bài thơ động tình ấy tuy có vào bụng cá Ấn Độ dương, nhưng tác giả của nó đã thuộc lòng. Mấy chục năm trôi qua, bác còn đọc cho chúng tôi, một mạch không ngưng.

Tôi không hiểu là nói lịch sự, chứ thâm tâm cô Bính nghiêm khắc hơn nhiều. Mấy chục năm sau, kể lại giai thoại này, bác gái cười, cho biết : « Trong bụng tôi nghĩ : thôi anh này *hông rồi*. Vì trước đó, tôi có hỏi anh đi học gì, anh ấy trả lời : học cử nhân. Không hề nói mình đã tốt nghiệp *Polytechnique, Ponts et Chaussées*, cũng không nói : tôi thì nốt cử nhân, sửa soạn thi thạc sĩ. Nên tôi mới nghĩ : chưa đặt chân đến Pháp mà không tính chuyện học hành, còn lười thôi... Chứ nếu đã biết anh ấy học đến đâu rồi, thì chắc phản ứng cũng phải *lẽ độ, nhẹ nhàng hơn* ».

Câu chuyện bắt đầu như vậy. Và trên suốt hành trình, cũng như trong những tháng đầu ở Paris, nó “ngưng” ở đó. « Chỉ những buổi trời mưa, anh ấy lại thăm, nói chuyện học hành, thỉnh thoảng lăm lăm nói chuyện thời thế. Nhờ anh ấy giới thiệu, tôi được vào ở nhà ông giám đốc Đông dương học xá (nay là *Maison des étudiants de l'Asie du Sud-est*, ở Đại học xá quốc tế Bd Jourdan, Paris), làm *jeune fille au pair*, giúp bà mẹ già của ông giám đốc, chứ không phải ở phòng sinh viên, hồi đó *Nhà Đông Dương* chỉ dành cho nam sinh ».

Rồi bác kể tiếp : tốt nghiệp dược sĩ, tôi thực tập và học thêm đủ thứ : chế tạo mỹ phẩm, kỹ thuật xoa bóp (vì nghĩ tới bố mẹ già), và bắt đầu sáng chế dược phẩm, nhờ đó mà khi về nước, vẫn được trả tác quyền *royalties* và sau này, năm 1954 sang Pháp, hợp tác với Công ty bào chế Choay. Còn bác trai năm 1936 trúng tuyển thạc sĩ toán. Vừa đúng dịp chính phủ Léon Blum thành lập, chính quyền Mặt trận bình dân bãi bỏ học trình *tú tài bản xứ (bắc lô-can)*, Trường Bưởi cũng đào tạo học sinh thi tú tài *mẫu quốc* như Lycée Albert Sarraut. Thạc sĩ toán học đầu tiên người Đông Dương được bổ nhiệm làm giáo sư Trường Bưởi, trở về cũng bằng đường thủy, nhưng sẽ ở ca-bin hạng nhất.

« Một người ở ca-bin hạng nhất, một người hạng ba sao

được ». Đại khái, nếu đây không phải là lời cầu hôn chính thức, thì cũng là đề nghị tổ chức lễ thành hôn ngay tại Pháp trước khi hai người hồi hương. Trước đó, cụ bà thân sinh đã lặn lội từ nhà quê Hà Tĩnh ra Hà Nội để xin cưới. Nhà gái hỏi tuổi cậu Hãn, cụ không nhớ vì *đề tám lần không nhớ hết*. Nên một hôm, cô Bính đã nhận được thư em gái hỏi *anh ấy cảm tình con gì*. Cô Bính là một trong hai ba nữ dược sĩ Việt Nam đầu tiên tốt nghiệp ở Paris, nhưng đến khi anh ấy trả lời *tôi cảm tình con vịt* thì cô cũng ù ù cạc cạc chếp nguyên văn vào thư gửi về nhà, khiến gia đình được một trận cười và chịu thua, không so tuổi từ vi được.

Tiền đây, cũng xin mở một dấu ngoặc : Hoàng Xuân Hãn là người đầu tiên ở nước ta dùng toán học và thiên văn học nghiên cứu từ vi. Tất nhiên, càng nghiên cứu ông càng không tin từ vi. Tôi nhắc lại điều này vì nhớ tới một nhà toán học khác, thuộc thế hệ hai mươi năm sau, cũng nghiên cứu từ vi, khởi thủy với ý định bài trừ mê tín dị đoan, rốt cuộc ông đã rút số từ vi cho không biết bao nhiêu người (một anh bạn nói đùa với tôi : cho hơn 50 % cán bộ giảng dạy Trường đại học Bách khoa Hà Nội !). Hoàng Xuân Hãn có cự ly của người không còn trực tiếp hoạt động đấu tranh chính trị, có khoảng lùi của nhà sử học, nên tinh thần khoa học của ông không bị những đảo lộn chính trị liên tiếp, chông chát chi phối như nhà toán học họ. Xin đóng ngoặc.

Ông bà Hoàng Xuân Hãn thành hôn năm 1936. Trong 60 năm ấy, bà đã đóng vai trò như thế nào trong sự nghiệp của ông ? Trong cuộc phỏng vấn mùa xuân năm 1989, tôi đã đặt câu hỏi ấy, sau khi nhắc lại câu nói của một nhà văn Pháp : “ *Derrière chaque grand homme, il y a toujours une grande femme* ” (Đằng sau – tại sao lại đằng sau nhỉ ? bên cạnh chứ ! – mỗi (nam) vĩ nhân, bao giờ cũng có một người đàn bà vĩ đại). Bác Hãn, cố nhiên, gạt đi chữ *vĩ nhân* (nói thế không đúng đâu), rồi trầm tĩnh nói về người bạn đời của mình :

– Cái khung cảnh gặp nhau ở đây, khung cảnh tôi làm việc trong mấy chục năm qua, là nhờ có nhà tôi. Năm 1954 nhà tôi sang đây (tôi sang trước, từ năm 1951), để lại ở Hà Nội toàn bộ cơ nghiệp, và xây dựng lại tất cả. Tôi mà làm được bao nhiêu công việc, làm một cách thoải mái, nhất là đổi nghề, từ giáo học sang làm nghiên cứu khoa học rồi tập trung nghiên cứu Việt học, có đầy đủ thời giờ làm việc này, là nhờ nhà tôi giúp đỡ rất lớn. Về mặt vật chất, sinh sống cũng như nhà cửa, con cái. Nhân cơ hội này, tôi muốn nói rõ cái sự tạ của nhà tôi (là) lớn lắm trong công việc của tôi.

Trong cuộc phỏng vấn, kể lại thời kỳ Phong trào Truyền bá quốc ngữ (1938), bác cũng không quên nói đến công lao của bác gái : gần như là “ bộ trưởng tài chính ” của phong trào, “ *mỗi lần cụ Nguyễn Văn Tố cần quỹ, là nhà tôi đi vận động để cung cấp đầy đủ, phần tôi chỉ đóng góp việc soạn thảo tài liệu* ”. Hay vai trò của hiệu thuốc Hoàng Xuân Hãn trong những năm kháng chiến.

Có lẽ đó là một lần rất hiếm (nếu không nói duy nhất), bác Hãn đã dùng *lời* để nói lên sự trân quý đối với bác gái. Vì vậy mà tôi xin ghi lại theo đúng băng video, như một chứng từ về một mối tình son sắt.

Nguyễn Ngọc Giao

(1) Bài *Vịnh nguyệt* và bài *hát nói*, tác giả đã công bố trong lời tựa *Bích-câu kì-ngô (chuyện Tú Uyên)*, nhà xuất bản Đại Học, Huế, 1964. So sánh bản in và lời đọc ghi âm, chúng tôi thấy hoàn toàn trùng hợp, trừ một chữ trong bài *hát nói* : bản in là *lữ quán*, bản đọc là *lữ thứ*. Vì bài thơ làm trên tàu viễn dương, chúng tôi chọn *lữ thứ* cho phù hợp.

TƯỜNG NIỆM « AN TIÊM THANH TUỆ »

Thái Kim Lan

Tôi có thể ngồi đó và khóc cả ngày, như thời nào, lúc 18 tuổi tôi đã trốn vào trong một góc nhà ngồi khóc như thế khi mẹ tôi bỏ nhầm cuốn sách quý của tôi trong chồng giấy cũ đưa cho người đi thu giấy lộn hàng tuần gánh đi trong đôi thùng biền biệt mất hút, khi được điện thư của anh Đặng Tiến báo tin « ông Thanh Tuệ mất tại Cali ngày thứ hai 16 tháng 8, lúc 7.30 pm, 68 tuổi ».

Nước mắt đến bất ngờ. Lạ lùng là cái cảm giác « mất sách quý » đến tức tưởi ấy! Tức tưởi đến nỗi tưởng như không gương lại được, nước mắt cứ chảy mãi, mà tôi thì đâu có mau nước mắt khóc ai!

Không biết anh – « An Tiêm Thanh Tuệ » đã dặn tôi gọi là « anh » thay vì « thầy » – có buồn cười không khi tôi ví nghe tin anh từ trần đột ngột với cảm giác mất một cách vô lý quyền sách quý giá của mình, như thử xem cả hiện sinh và sự nghiệp của « An Tiêm Thanh Tuệ » không hơn một cuốn sách. Nhưng quả tình là như thế, bởi vì tôi chưa từng gặp anh, ban đầu chỉ « văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình » nghe về nhà xuất bản Lá Bối - An Tiêm, và đã từng cầm trong tay những quyển sách đẹp trang trọng hay đầy chất thơ do nhà xuất bản này phát hành. Mãi mới đây nhân đi tìm nguồn gốc ấn bản dịch *Câu chuyện dòng sông* của Phùng Khánh (Cố Ni trưởng Trí Hải) và Phùng Thăng tôi mới có dịp trực tiếp nói chuyện qua điện thoại với « An Tiêm Thanh Tuệ » – xin cho tôi được gọi như thế trong bài này -- về sách vở.

Cuộc trao đổi chưa có thể định hình là thân hay sơ với đôi lần điện đàm và điện thư về quyển sách này, sách nọ do nhà An Tiêm xuất bản từ cách đây gần 40 cho đến nay, về những năm sôi nổi của phong trào Phật giáo mà An Tiêm Thanh Tuệ đã là người trong cuộc, về những dự tính cho những quyển sách sẽ xuất bản năm 2005 nhân 40 năm An Tiêm... và giữa những đàm thoại ngắn dài tùy lúc, lần quần trong tâm như một đêm mây bay qua dừng lại còn chưa đi vẫn là ấn tượng mơ hồ « xa nghe cũng nức... » về ấn thù tài hoa của An Tiêm Thanh Tuệ.

Mặc dù « thân sơ chưa định », lạ nhiều hơn quen, nhưng khi nghe giọng nói từ tốn nhuốm đầy từ bi và mẫn cảm của anh, khi nghe anh lưỡng lự một cách khiêm nhường trong lựa chọn hay đề nghị mẫu chữ cho một quyển sách mới, khi nghe anh khôn ngoan mà nhẫn nại khuyên nên viết thêm một vài bài mới, khi nghe anh nhẹ nhàng mà tinh tường đưa ý kiến trình bày hình bia, khi nghe anh rành rẽ và kính trọng khen nghệ thuật đóng sách của người Đức là giỏi, và mới đây từ San Jose, trước khi đi về quận Cam để mãi mãi không còn trở về lại Paris, anh còn gửi cho tấm ảnh của anh để nhận diện và gọi về căn dặn kỹ càng cách chọn giấy cho quyển sách dự tính, tôi biết mình không gặp một « nhà xuất bản » theo nghĩa thường, mà đang gặp một NGHỆ SĨ tài hoa của thế giới sách vở – có lẽ còn hơn – linh cảm chỉ cho tôi một vùng sáng tưởng tượng trong đó thấp thoáng bóng anh như trong bức tranh xưa đã thấy treo một lần nào đó nơi thiền viện Vạn Hạnh, Sài Gòn, nơi anh đã có lần là Thầy Thanh Tuệ – vẽ một

khất sĩ mê sách – hay Bồ tát tóc dài lang thang mang túi đầy – đi lượm các sách trong kho chứa của trời đem về cõi trần.

Không hiểu sao những cuộc điện đàm về sách vở với An Tiêm Thanh Tuệ, những mẫu chuyện gần 40 năm thăng trầm nhà xuất bản An Tiêm có sức cuốn hút lạ kỳ đưa tôi trở về với thế giới sách vở và nỗi đam mê thuở học trò, với niềm vui và sự biết ơn vô hạn của cô gái nhỏ khi tìm được một cuốn sách mới trong chân trời gói kín của thành phố Huế.

Có lẽ bởi vì tấm lòng tha thiết của An Tiêm với sách vở không thể nhận lầm trong tiếng nói dù xa hàng vạn dặm của anh. Qua đó tôi thấy được hình ảnh « tận tình » với sách, với chữ nghĩa của An Tiêm Thanh Tuệ, rõ ràng nổi bật một nét Đạo mà anh vẫn giữ để tặng cho đời bằng cả công lao tu chứng của một tu sĩ Phật giáo : vừa thâm sâu như tiếng chuông báo thức, vừa âm vừa mát như màu đỏ của dưa hấu An Tiêm, pha lẫn một chút cổ tích hoang đường, huyền thoại không thực - vì bay bướm - như trong thế giới của Từ Thức và tình yêu vẻ đẹp dung dị hiền lành.

Hình như dưới tay anh tác phẩm được in nào cũng mang một chút lòng trân trọng của anh như thế đối với tác giả và độc giả, một nét cười bao dung mời gọi vừa cảm khái liên tài vừa khuyến khích thúc dục, một nhịp nối uyển chuyển tài hoa giữa giải bày tâm sự và tìm kiếm tri âm trong chữ nghĩa và tri thức, giữa người và người...

Cuộc mời gọi đầy nghệ sĩ và nhân ái đến nỗi người đọc phải lây bệnh mê sách hay trang trọng sách như An Tiêm Thanh Tuệ nếu chưa mê. Lúc nào chẳng hay trong khoảng thời gian ngắn, An Tiêm Thanh Tuệ đã dẫn tôi trở lại khu vườn sách của An Tiêm, gặp lại Thầy Trí Quang của phong trào Phật giáo (- anh nhắc, Thầy đã giới thiệu anh là « ông chủ nhà xuất bản lớn nhất của miền nam một thời »), những bản dịch *Câu chuyện dòng sông*, *Bắt trẻ đồng xanh*, *Sói đồng hoang* của Phùng Khánh và Phùng Thăng, thơ Bùi Giáng, *Sao trên rừng* Nguyễn Đức Sơn, tập ca khúc da vàng đầu tiên của Trịnh Công Sơn, Tuệ Sỹ, Phạm công Thiện, Bửu Ý, Đinh Cường, Trịnh Cung... An Tiêm đã khai phá, mở cửa khu vườn văn học của các nghệ sĩ trẻ miền nam trong khung cảnh sôi động của thập niên 60...

Cảm giác như đang đọc lại một câu chuyện cổ tích, và miên man tôi đã nghĩ nơi cuối vườn dưa hấu, một lần nào đó An Tiêm Thanh Tuệ sẽ chỉ cho tôi « quyển sách ước » đẹp nhất trên đời của anh hay tôi sẽ tìm lại được quyển sách quý đã mất của tôi...

Nhưng không ngờ... chính trong lúc ngồi dịch thêm H. Hesse cho quyển *Huệ Tím* mà An Tiêm dự tính in vào tháng chín, như đã hứa với anh và sợ anh mong, bất ngờ được tin anh từ trần, lạ lùng, vô lý, tức tưởi... nước mắt thành giòng không muốn thôi chảy, còn hơn mất thêm một lần cuốn sách quý trong đời.

Tin lạ từ hành tinh xa của H. Hesse tưởng đành bỏ dở vì thương cảm, nhưng lại được gắng gượng hoàn thành trong những ngày anh còn nằm ở một góc trời mơ đó (An Tiêm Thanh Tuệ đã có lần bảo trong tiếng cười nhẹ bằng giọng Quảng rằng anh thích nghe giọng Huế) trong im lặng vô cùng. Có khi pha lẫn với nước mắt, từng chữ từng chữ của chuyện cổ tích này bỗng trở thành câu tường niệm người đi... và lời cầu nguyện... nếu có lần trở lại như nhân vật của *Tin lạ từ một hành tinh xa* An Tiêm Thanh Tuệ vẫn là « sứ giả mang hoa » đến cho vườn An Tiêm kết trái.

Muenchen, 22. 08. 2004

Nữ ký giả sợ ma

TTCN - Trong khoảng những năm 1970-1972 có một nữ phóng viên được Thời báo New York cử đến theo dõi chiến trường Nam VN và ngay lập tức gây được sự chú ý bằng hàng loạt bài bộc lộ sự phấn nộ của lương tri trước cuộc chiến tranh can thiệp của Mỹ.

Thời báo New York vừa nhắc lại câu chuyện này sau hơn 30 năm, bởi vì nữ phóng viên ấy, bà Gloria Emerson, đã lặng lẽ qua đời trong căn hộ của mình ở khu Manhattan sáng ngày 4-8-2004.

Gloria Emerson mất ở tuổi 75 sau nhiều năm đau ốm. Cảnh sát và bạn bè đập cửa vào để chứng kiến hình ảnh bà đã ngừng thở từ bao giờ. Nhiều mẫu thư để lại cho biết bà tự quyết định mạng sống của mình.

Trong một lá thư, Gloria Emerson còn kể vắn tắt quãng đời bà sang VN đầu những năm 1970 : "Cô Emerson đề nghị được gửi sang VN bởi vì cô đã đến đó từ năm 1956 và muốn quay lại để viết về người Việt cùng những thay đổi cực kỳ bất hạnh trong cuộc sống của họ, khác với đề tài mà giới báo chí khổng lồ đã đề cập theo hướng kể chuyện sùng ống quân sự"... Những ngày cuối cùng của cuộc đời, Gloria Emerson vẫn hướng tình cảm về người dân VN - như ngày trước bà đã nhìn thấy người Việt là những gương mặt cụ thể, những số phận cụ thể chứ không phải là những con số, những hình ảnh mơ hồ mà hệ thống báo chí Mỹ trước và sau đó vẫn gieo rắc.

Tôi nhiều lần trò chuyện với Gloria Emerson. Năm 1992-1995 khi chúng tôi làm tuyển tập truyện ngắn của các nhà văn VN và Mỹ, bà động viên rất nhiều, rộng lòng viết cho cái lời bạt đầy cảm xúc. Bà lục lại trong kho hồi ức nhiều chuyện cảm động :

"Một lần ở sân bay Đà Nẵng, chúng tôi nhìn thấy một chuyên làm choáng váng đến mức tất cả im bật. Hai lính Mỹ đang thúc nhanh hai tù nhân VN đi qua khu vực sân bay đông người..

Hình ảnh hai người VN bị bịt mắt bằng tấm băng màu sữa dầy gấp đôi bình thường, chân đi loại giày bằng giấy dùng trong bệnh viện đang bước nhanh làm cho cánh người nhà của lính giật mình, họ hiếm khi nhìn thấy kẻ thù gần đến thế. Đang nằm trên sàn nhà phòng chờ sân bay nói chuyện với một chàng trai từ bang North Carolina, tôi bất chợt mong được thấy có một cuộc binh biến trong đám lính, như thể những người lính với chuỗi tràng hạt từ bi cùng biểu tượng hòa bình trên mũ có thể phấn nộ đứng dậy để chấm dứt cuộc chiến tranh này.

Một trong hai người bị bắt có mái tóc đen dài thả sau lưng và lẽ ra tôi phải giúp cô chạy thoát. Nhưng không một ai xô dịch, tất cả đều câm lặng. Tôi nhìn thấy hai tù nhân bị kéo lên một chiếc xe tải, nhưng đám cảnh vệ không biết rằng họ rất nhẹ nên đã lôi tuột họ lên, mạnh đến nỗi hai tù nhân VN ngã chúi... Còn có nhiều chuyện tôi kể hơn nữa và tôi biết cả, nhưng suốt những năm ấy tôi cứ băn khoăn chuyện gì đã xảy ra với hai người đó, liệu họ có qua khỏi cuộc lấy cung hay không ? "

Rồi bà kể về cuộc gặp bí mật với một anh bộ đội VN ngay giữa đô thị miền Nam. Anh này kể quê anh ở một làng ngoại vi Hà Nội, đi bộ đội rồi bị bắt ở tỉnh Quảng

Nam. May mắn thế nào đó, người nhà anh ở Sài Gòn chắc là có thể lục đã lo lót cứu được anh ra.

Anh nhớ đồng đội, nhớ chiếc gậy Trường Sơn mà cánh lính gọi là "cái chân thứ ba", anh tiếc cuốn sổ nhật ký đã đánh mất. Anh vẫn còn rất yếu vì sốt rét, đến mức người thông ngôn phải dìu anh lên cầu thang, thế mà anh vẫn nhờ nữ ký giả Mỹ tìm cách giúp mình sang Campuchia. Từ đó anh sẽ tìm đường về lại với đồng đội.

Gloria Emerson kể lại mà vẫn chưa hết ân hận, ngày ấy bà không giúp gì được cho anh bộ đội kia. Bà bảo nếu bây giờ trở lại VN, bà sẽ hành hương về làng của anh bộ đội. Bà dùng từ "hành hương". Hỏi tên làng thì bà không nhớ. Nhưng mà cứ "hành hương". Có quyết tâm đi thì sẽ đến được.

Một lần vào khoảng năm 1998, từ miền đông bà gọi điện thoại sang cho tôi ở miền tây nước Mỹ. Chúng tôi chỉ toàn chuyện trò trên điện thoại, tôi chưa hề gặp mặt bà. (...) Nhiều lần đi qua khu Manhattan tôi đã có thể tự đến thăm bà, nhưng rồi chỉ điện thoại. Chạm đến chuyện hành hương, tôi nhắc có lẽ đã đến lúc bà trở lại VN. *Thật thế à ?* - Bà hỏi lại.

Gloria Emerson kể trong chiến tranh ở miền Nam có nhiều chuyện đồng bóng và ma quỷ, nhiều thầy bói và các nhà chiêm tinh, nhiều trò mê tín dị đoan đến mức dường như người ta chỉ có thể chờ đợi những chuyện rùng rợn. Những người lính thiết giáp Mỹ sẽ không động vào khâu phân của người đã chết và không muốn ai động vào đấy.

(...)

Gloria Emerson chưa hề trở lại VN, bởi vì bà sợ những hồn ma có thể bị gọi về. « Nhiều bạn bè tôi đã đánh nhau ở đó, đánh rất hăng là khác, đã thăm lại VN và tìm thấy sự bình yên mà họ không nghĩ rằng có thể tìm được ». Nhưng bà có niềm tin của người phương Đông, bà tin là có oan hồn. *Thật thế ư ?* - tôi hỏi lại. *Thật đấy.* Bà ngừng một chút, trong ống nghe bất chợt lặng thinh hoang vắng. Lát sau bà lặp lại : *có oan hồn đấy.*

Rồi nữ văn sĩ nổi danh với tập bút ký đoạt giải thưởng sách quốc gia *Người thắng kẻ bại* và tiểu thuyết *Yêu Graham Green* ra đi. Có ý thức độc lập, bà không chịu trở thành gánh nặng cho bạn bè. Lại là người kiêu hãnh, bà không chịu cảnh sống trong nhà dưỡng lão. Bệnh liệt rung khiến bà không viết được, nó tước mất ý nghĩa lớn nhất của đời bà.

Gloria Emerson đã chuẩn bị chu đáo cho cái chết biết trước: bà di chúc để lại sách vở và tài liệu cho trường đại học của nhà văn Wayne Karlin ở bang Maryland. Một ngày trước khi tự nguyện đi xa vĩnh viễn, bà nhờ ông Dick Hughes, người điều hành chương trình hỗ trợ trẻ em lang thang trên đường phố Sài Gòn từ thời chiến tranh, đánh xe đưa bà đi một vòng quanh New York, thăm những nơi bà yêu thích.

Gloria Emerson lựa chọn được cho mình cả cách chết chứ không chỉ là cách sống.

Hồ Anh Thái

(Tuổi trẻ chủ nhật)

vì thiếu chỗ chúng tôi đã lược bớt vài đoạn - D. Đ.

Đôi dòng về Tiziano Terzani

Tiziano Terzani sinh năm 1938 tại Florence, cái nôi văn hóa của Italy. Ông vừa mất ngày 29/07/2004. Tiziano Terzani là một trong những đặc phái viên kỳ cựu ở Châu Á trong suốt thời gian chiến tranh ở Việt Nam và trong những năm Trung Quốc có những thay đổi lớn (từ cách mạng văn hóa cho đến thời mở cửa của Đặng Tiểu Bình).

Năm 1971 ông bắt đầu làm đặc phái viên ở Châu Á cho tờ Der Spiegel.

Năm 1973 ông đến Việt Nam làm phóng viên chiến trường và cuối năm đó ông cho ra đời quyển sách đầu tiên viết về cuộc chiến ở Việt Nam tên là *La pelle del leopardo* (Da beo), danh từ chỉ tình trạng chiếm đóng xen kẽ như da beo giữa hai lực lượng của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa và chính phủ Cách Mạng Lâm Thời lúc đó. Trong đó ông ghi lại những khủng khiếp của chiến tranh mà người dân miền Nam Việt Nam phải gánh chịu và những khó khăn về quân sự của Mỹ trong cuộc chiến.

Ông là một trong số ít đặc phái viên nước ngoài có mặt tại Sài Gòn ngày 30/04/1975. Chuyện Tiziano Terzani có mặt trong ngày giải phòng cũng khá ly kỳ: số là khoảng đầu tháng 3 năm 1975, ông bình luận tin Ban Mê Thuột rơi vào tay quân giải phóng, và bị chính phủ VNCH trục xuất. Rời Việt Nam, Tiziano Terzani tiếp tục theo dõi và viết báo về tình hình từ Hồng Kông. Đến đầu tháng tư, như ông kể lại trong cuốn *Giải Phóng (La liberazione di Saigon - 1976)*, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng) : “ Tôi gần như tuyệt vọng. Sau 4 năm trời theo dõi cuộc chiến, tôi không muốn đánh mất cơ hội nhìn tận mắt nghe tận tai đoạn kết thúc của nó. Nhưng khổ nỗi là nếu tôi ngang nhiên vào Sài Gòn lúc này là chính phủ VNCH sẽ chặn tôi lại và bắt tôi phải rời VN... Tôi chỉ còn có một phương kế duy nhất để có thể ở lại VN trong lúc này : phải lấy chuyển phi cơ cuối cùng vào Tân Sơn Nhất...” . Và ngày 27/04/1975, bằng chuyến bay cuối cùng của Air Vietnam từ Singapore, Tiziano Terzani hạ cánh xuống Tân Sơn Nhất, lúc đó không còn ai xét hỏi giấy tờ... Sau ngày 30.4, Terzani đi thăm một số thành phố ở miền Nam để chứng kiến việc tiếp quản miền Nam, tiếp xúc với các thành phần lãnh đạo, của Đảng Cộng Sản VN... Rồi ông được “mời” rời khỏi Việt Nam.

Thường trú ở Hồng Kông, ông tiếp tục theo dõi những diễn biến chính trị xã hội ở Việt Nam. Sau những hồ hởi ban đầu của giây phút lịch sử 30/04, ông bắt đầu có những “ suy tư ” về cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nhất là trong những năm cực kỳ khó khăn về kinh tế xã hội (từ những cuối thập niên 70 cho đến gần hết thập niên 80), những cảnh ô ạt vượt biên, những vụ “ cải tạo ”, thảm trạng xảy ra ở Campuchia khiến Việt Nam đi đến quyết định can thiệp quân sự ...

Hồi đó, tôi có dịp gặp Tiziano Terzani ở Roma trong một số buổi họp báo, meeting về Việt Nam. Thú thật là lúc ấy tôi còn trẻ và còn “ hăng ” lắm. Khi Tiziano Terzani bắt đầu phê phán nhà nước Việt Nam tôi đã cực lực chống đỡ (hậu quả chiến tranh, thù địch bên ngoài, khó khăn khách quan của nước lạc hậu ...). Dĩ nhiên Tiziano Terzani không hoàn toàn đồng tình với tôi, còn tôi thì “ phê ” ông là “ không hiểu chi hết về người Việt Nam cả ! ”.

Sau khi chánh quyền Khmer đỏ bị lật đổ, Tiziano Terzani cũng lại là một trong những đặc phái viên đầu tiên có mặt ở Phnom Penh và năm 1981 ông cho ra đời quyển sách kể về thảm trạng ở Campuchia tựa đề *Holocaust in Kambodscha*.

Cũng trong năm 1981 Tiziano Terzani đem cả gia đình từ Hồng Kông sang thường trú ở Bắc Kinh. Có lần ông đã nói “(đến) Trung Quốc đôi với tôi là cả một cuộc phiêu lưu vĩ đại. Một nước có một nền văn minh lâu đời và to tát. Để hiểu được Trung Quốc thì chỉ có cách là xích gần đến nó, cải trang như người dân ở đó...”. Quả thực thế, Tiziano Terzani đã “ cải trang ” để hoà mình vào đời sống ở Trung Quốc : ông nói tiếng Trung Quốc, ăn mặc như người Trung Quốc, ông cũng gởi hai đứa con học ở trường học Trung Quốc... Thế là nhà cầm quyền Trung Quốc bắt đầu “ để mắt ” đến Tiziano Terzani Cho đến năm 1984, một bài báo của ông bị coi là “ hành vi phản cách mạng ”, Terzani bị bắt giam rồi trục xuất.

4 năm sống ở Trung Quốc được ông ghi lại trong quyển *La porta proibita* (Cấm thành, 1985).

Sau khi rời Bắc Kinh, ông bắt đầu cuộc “ngao du” khắp vùng Á Châu : từ Hồng Kông sang Tokyo, qua Bangkok ...

1991, Terzani đang có mặt ở Siberia khi đảo chính lật đổ Gorbachev... Thế là Tiziano Terzani làm một cuộc du hành từ biên giới Cực Đông của Liên Xô về đến Moskva xuyên qua tất cả những nước “ Cộng Hòa tự trị ”. Các chính phủ tự trị này phần đông gồm các nhân vật “ lịch sử ” địa phương đã từng lãnh đạo cơ chế Liên Xô cũ ... Và Tiziano Terzani “sừng sốt” nghe họ “ thú nhận ” đã thấy và biết rõ từ lâu “nhược điểm” của nhà nước xã hội chủ nghĩa... nhưng không ai giải thích được tại sao họ cứ tiếp tục cái cơ chế đó cho đến khi nó tan rã... Cuộc hành trình được Terzani ghi lại trong quyển *Buonanotte Signore Lenin* (Hây ngủ đi ông Lenin) năm 1992.

Kể từ năm 1994 ông và gia đình ở hẳn lại New Dehli (Ấn Độ), và ông vẫn tiếp tục làm đặc phái viên báo chí cho đến năm 1999. Từ đó, Tiziano Terzani bắt đầu nghiên cứu Ấn Độ giáo rồi vào tu viện theo đạo này.

Sau biến cố 11/9, ông đã tham gia vào các phong trào vì hòa bình phản đối lại đường lối dùng vũ lực quân sự của Mỹ để giải quyết vấn đề khủng bố.

Những năm cuối đời ông bị bệnh ung thư. Trong suốt thời gian bị bệnh, bằng một giọng văn mạch lạc và đầy cảm động ông đã ghi chép lại tất cả những gì đã xảy ra cho ông, những gì ông nghĩ về sự sống, về con người, về thế giới. Quyển sách cuối cùng đó của ông mang tựa đề *Un altro giro di giostra* (Thêm một vòng quay ngựa gỗ) “ Tôi đó nằm trong nhà thương, trong cái im lặng vắng vẻ, chỉ nghe được tiếng xe thỉnh thoảng chạy ngoài đường dưới trời mưa, hoặc những bước chân nhẹ lui tới của các bà sơ ngoài hành lang [...] Tôi cảm thấy cuộc đời mình giống như ngồi trên ngựa gỗ quay vòng : tôi bắt đầu quay với con ngựa gỗ màu trắng, và trên lưng nó tôi đã đóng đưa tôi thích, hò hét thỏa thuê mà chẳng ai đến soát vé. [...] Cả đời tôi đã đi “ chùa ” biết bao nhiêu vòng... Bây giờ thì ông soát vé xuất hiện... Tôi đã phải trả tiền mua vé, và nếu mọi sự yên ổn... may ra tôi có thể quay thêm được một vòng...”

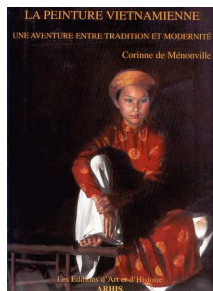
Umbria (Italia) Tháng 8.2004

Giới thiệu sách nghệ thuật :

La Peinture vietnamienne, une aventure entre tradition et modernité của

Corinne de
Ménonville

nxb : Les Editions
d'Art et d'Histoire
ARHIS 2003



Hoài Văn

Sách khổ lớn, in đẹp, dày 245 tr., với hơn 400 hình minh họa chất lượng cao (300 hình màu và hơn 100 hình đen trắng). Chưa bao giờ hội họa hiện đại Việt Nam đã được giới thiệu một cách trân trọng như thế bởi một tác giả, được coi như một chuyên gia trong lãnh vực này. Trên thực tế, trong nhiều năm Corinne de Ménonville đã từng là chuyên gia về nghệ thuật Á đông của Hotel Drouot, cơ sở bán đấu giá nổi tiếng của Pháp, và cố vấn cho hãng Sotheby's của Anh ở Singapour. Nhờ có bà mà vào năm 1998, đã có được cuộc triển lãm « Paris - Hanoi – Saigon, l'aventure de l'Art moderne », một trong hai cuộc triển lãm lớn về hội họa hiện đại Việt Nam ở Paris do bà thực hiện.

Tác phẩm được chia làm 5 phần lớn :

1. Phần dẫn nhập, nói về mặt *kế thừa* các truyền thống nghệ thuật của nền hội họa hiện đại Việt Nam, từ nghệ thuật đồ đồng, đồ gốm, đồ sứ, đến tranh dân gian (tr.10- tr.19) .
2. Phần thứ hai, nói về trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương (1925-1945), nguồn gốc và cách đào tạo ở trường này (tr.20 - tr.69).
3. Phần thứ ba, nói về hội họa Việt Nam trong cuộc Kháng chiến lần thứ nhất (tr.70 - tr.101).
4. Phần thứ tư, nói về thời kỳ Đổi Mới và những chuyển biến mới (tr.102 – tr.133).
5. Phần thứ năm, tổng kê các thế hệ họa sĩ Việt Nam, kể từ những họa sĩ xuất thân từ trường CĐMTĐĐ đến thế hệ họa sĩ trẻ ngày hôm nay, được xếp theo thứ tự A,B,C (tr.134 - tr.243).

Trong phần dẫn nhập, tác giả đã có những nhận xét khá sâu sắc : « Lịch sử hội họa Việt Nam là lịch sử một cuộc đi tìm bản sắc » (tr.12), và nói về hội họa hiện đại Việt Nam, tác giả đã không ngần ngại viết : « Đây là một nền hội họa giàu tính chất biểu hiện và trữ tình, nói lên nỗi đau khổ của con người [...], chất liệu và màu sắc nói lên những tâm trạng...». Sự liên tưởng đến chất liệu phù sa của hai giong sông lớn của Việt Nam gợi lên một hình ảnh đẹp, tuy rằng chất liệu trong hội họa hiện đại Việt Nam chưa bao giờ gợi lên được một hình ảnh hoành tráng và đẹp đẽ như thế, trừ Nguyễn Phan Chánh với gam màu nâu rất mượt mà trên lụa, và Bùi Xuân Phái với

những chất liệu giàu tính thẩm mỹ.

Trong **phần dẫn nhập**, mà tác giả gọi là phần « Kế thừa », có đoạn bà viết : « Lớp họa sĩ đầu tiên được đào tạo bởi trường CĐMTĐĐ đã chịu hai luồng ảnh hưởng, ảnh hưởng của cách đào tạo rất cổ điển (kinh viện) của trường này và của những tư tưởng đương thời của nhóm Tự Lực Văn Đoàn » (tr.13). Có lẽ tác giả muốn nói đến những tư tưởng về sự giải phóng « cái tôi », về quyền tự do cá nhân, về vai trò của người phụ nữ, v.v. Điều này có thể đúng về mặt lựa chọn chủ đề của các họa sĩ, tuy nhiên, đứng về mặt hình thức diễn đạt, người ta vẫn thấy rõ ảnh hưởng rất sâu đậm của lễ giáo phong kiến, của những tiêu chuẩn truyền thống về « cái đẹp éo lá » của người phụ nữ, v.v. , khiến cho nhiều họa sĩ ở thời kỳ này vẽ thiếu nữ thường là không có vai, và không có cả xương sống nữa, từ Lê Phổ, Mai Thứ, đến Lê Thị Lựu, Vũ Cao Đàm, v.v. ! Cũng như, khi tác giả nói đến ảnh hưởng về mặt chính trị của nhóm Tự Lực Văn Đoàn và nối kết nó với phong trào Nhân Văn Giai Phẩm sau này, thì quả là hơi gượng ép (tr. 13) !

Phần thứ hai của tác phẩm dành cho trường CĐMTĐĐ, cái nôi của hội họa hiện đại Việt Nam. Với một nguồn tài liệu phong phú, tác giả đã cung cấp cho người đọc nhiều thông tin quý hiếm. Đặc biệt là tác giả đã phát hiện và làm nổi bật vai trò của họa sĩ Nam Sơn, người đã có công lao lớn trong việc giúp Victor Tardieu sáng lập ra trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương.

Phần này cũng cho chúng ta biết nhiều về phương pháp đào tạo, về các kỹ thuật hội họa, từ tranh lụa đến sơn mài, và về xu hướng chung khá « lãng mạn » của các giáo sư người Âu và của các môn đệ Việt Nam vào thời ấy. Người ta còn khám phá ra nhiều điều lý thú khác : nào là Lemur (Nguyễn Cát Tường) người đã có sáng kiến tạo ra chiếc áo tân thời của phụ nữ, cũng có chân trong Tự Lực Văn Đoàn ; nào là vào cuối những năm 30, những bức tranh vẽ thiếu nữ của Lương Xuân Nhị có phần còn tự nhiên, duyên dáng, hơn những bức tranh « *Thiếu nữ và hoa huệ* » (1943) hoặc « *Thiếu nữ và em bé* » (1944) của Tô Ngọc Vân ! Điều này có thể làm cho một số người ngạc nhiên, vì thông thường người ta hay nói nhiều về họa sĩ Tô Ngọc Vân hơn là về họa sĩ Lương Xuân Nhị ! Điều có thể giải thích được hiện tượng trên, là Tô Ngọc Vân đã chỉ thực sự phát triển tài năng của mình trong Kháng chiến 9 năm chống Pháp, đặc biệt là về kỹ họa, mà quả thật Tô Ngọc Vân trong kháng chiến hoàn toàn khác với Tô Ngọc Vân trước đó ! Nói chung, một phần lớn các họa sĩ « thế hệ thứ hai » (Nguyễn Tư Nghiêm, Nguyễn Sáng, Bùi Xuân Phái, Dương Bích Liên, Trần Văn Cẩn, Mai Văn Hiến, Phan Kế An, v.v.) đều đã được tôi luyện chủ yếu trong Kháng chiến. Ngoài ra, các hình minh họa trong cuốn sách cũng cho phép chúng ta thấy rõ sự thay đổi về phong cách của Mai Thứ từ những bức họa « *Cô Phương* » (1930) và « *Mẹ mặc áo cho con* » (1930) đến những tác phẩm có tính chất « cách điệu hoá » của họa sĩ vào những năm về sau này.

Trong **Phần thứ Ba**, giai đoạn Kháng chiến 9 năm và hoà bình được lập lại ở miền bắc, với các biến cố nghiêm trọng : cuộc Cải cách ruộng đất và vụ Nhân Văn Giai Phẩm (1955-56), tác giả đã trình bày bối cảnh chung một cách sâu sắc, và cảm động nhất là khi bà nói về cuộc sống và những hoạt động nghệ thuật trong thời kỳ này của các họa sĩ trong nhóm « tứ trụ » : Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi Xuân Phái,

Dương Bích Liên, những người đã ít nhiều tham gia vào phong trào NVGP và sau đó bị chế độ trừ dập.

Cuộc tranh luận về chức năng của nghệ thuật, về sự phụ thuộc hay không của nghệ thuật vào chính trị, thực ra đã xảy ra ngay từ trong kháng chiến (1947, trong một bài viết, Tô Ngọc Vân đã kêu gọi nên phân biệt hội họa với tuyên truyền ; 1949, tham luận của Tô Hữu về một nền văn học và nghệ thuật vì giai cấp công, nông, binh, v.v. đã gây sôi nổi trong giới văn nghệ sĩ), song phải chờ đến khi diễn ra cuộc Cải cách ruộng đất, và hoà bình lập lại, với ảnh hưởng của những tư tưởng dân chủ của Hồ Phong (TQ), phong trào NVGP mới có điều kiện chín muồi để nổ bùng ra (1955-56).

Ở cuối phần Ba của cuốn sách, tác giả cũng đã dành một chương để nói về đời sống hội họa ở miền Nam trước 75, và bà đã không quên nhắc đến vai trò của họa sĩ Lê Văn Đệ, thuộc thế hệ họa sĩ đầu tiên của trường CDMTĐĐ, người đã sáng lập ra trường Mỹ thuật Sài Gòn (1956). Chương này như thể một chương dẫn nhập cho **Phần thứ Tư**, là phần nói về các hướng tìm tòi mới trong hội họa hiện đại từ bắc chí nam, sau 75, và nhất là bắt đầu từ thời kỳ Đổi Mới, vào cuối thập niên 80.

Thời kỳ Đổi Mới, kể từ bài diễn văn của ông Nguyễn Văn Linh (1987), mở ra với nhiều triển vọng cho giới họa sĩ : người ta sáng tác tự do hơn, tranh bắt đầu bán chạy hơn, nhiều galleries nghệ thuật được khai trương, các tác phẩm hội họa Việt Nam được đưa sang triển lãm và bày bán ở các galleries ở Hồng Kông, Singapour, v.v., nhưng đồng thời cũng bắt đầu xuất hiện những hiện tượng đầu cơ nghệ thuật, làm đồ giả, v.v. Mặc dầu có được một sự công nhận đáng nể trên thị trường tranh quốc tế, song người ta cũng tự hỏi đâu là những giá trị đích thực, bền vững, của hội họa Việt Nam ?

Phần cuối của cuốn sách dành cho tiểu sử và tác phẩm của các họa sĩ, kể từ các giáo sư, họa sĩ thuộc thế hệ đầu tiên của trường CDMTĐĐ đến các họa sĩ thuộc thế hệ trẻ hiện nay. Đây cũng là một phần đầy ắp những thông tin lý thú !

Đương nhiên, trong phần này, tác giả đã không thể nào kể hết ra được các tên tuổi, song bà cũng đã tập hợp được một phần lớn các họa sĩ, và nhất là bà đã cung cấp cho người đọc nhiều thông tin bổ ích, soi sáng được cho người đọc nhiều vấn đề chung của xã hội Việt Nam. Chẳng hạn như, trường hợp họa sĩ Lê Văn Miến (hoặc Lê Huy Miến, ông nội của họa sĩ Lê Huy Tiếp), họa sĩ Việt Nam đầu tiên, xuất thân là con quan to ở trong triều, năm 1892 được triều đình Huế gửi sang Pháp du học cùng với Hoàng Trọng Phu và Thân Trọng Huệ. Năm 1894, khi hai người kia trở về nước để sau này lãnh những chức vị to, thì ông Miến ở lại và ghi tên vào học trường Cao đẳng Mỹ thuật Paris ! Không biết là may hay rủi, mà ông lại rơi vào đúng xưởng vẽ của J.L.Gérôme, một giáo sư và là một họa sĩ « kinh viện » khét tiếng thời ấy ! Năm 1898, ông Lê Văn Miến trở về Việt Nam, nhưng ông không nhận chức vụ gì ở trong triều, mà lại đi làm chân vẽ minh họa cho nhà in Schneider ở Hà Nội ! Năm 1900, ông mở một trường học ở Vinh, dạy chữ Pháp và chữ quốc ngữ ! Đồng thời ông tìm cách liên hệ với nhà chí sĩ Phan Bội Châu và gia nhập phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục ! Trong suốt phần này, ở mỗi trang, tác giả còn dành cho chúng ta nhiều chuyện thú vị khác nữa !

Nói tóm lại, qua tác phẩm của mình, Corinne de

Ménonville đã cung cấp cho chúng ta nhiều thông tin quý báu và nhiều nhận định sâu sắc về nền hội họa hiện đại Việt Nam. Đó không chỉ nhờ ở những tri thức về nghệ thuật của bà mà thôi, mà còn dựa vào một sự am hiểu sâu sắc về con người, về lịch sử, và nền văn hoá Việt Nam.

Hoài Văn

(tiếp theo trang 8) **Phim Mê Thảo...**

Báo chí còn tiết lộ rằng Cinebox - là công ty chiếu bóng liên doanh với hãng Giải Phóng - đã lên lịch chiếu phim của Jacky Chan trước khi nhận chiếu 'Mê Thảo' : « Hoá ra thời hạn 'Mê Thảo' được phép 'sống' đã bị qui định sẵn từ trước, bất kể nó có khách hay không ! ».

Bị báo chí phê phán, chất vấn, ban giám đốc hãng Giải Phóng còn bị công chúng gọi điện thoại đến bày tỏ bất bình và yêu cầu cho tiếp tục chiếu phim. Vào tháng 8, 'Mê Thảo' bắt ngờ trở lại Cinebox trong vòng 5 ngày và, mặc dù suất sau cùng vẫn đầy gần 2/3 rạp, bộ phim đã buộc phải nhường chỗ một lần nữa cho phim nước ngoài (bộ phim Trung Quốc 'Thập diện mai phục' của Trương Nghệ Mưu). Điều đáng nói là lần chiếu thứ hai này được tiến hành âm thầm, không có thông báo, không khác nào chủ phim và chủ rạp không muốn công chúng biết để biện minh rằng phim phải rời rạp do vắng khách. Chí ít đó là giả thuyết của một số nhà báo khi biết được giám đốc Lê Đức Tiến đã « bác lời đề nghị thông báo lịch chiếu 'Mê Thảo' cho báo chí ».

Trong khi đó, ở Hà Nội, 'Mê Thảo' hiện diện trên màn ảnh thủ đô liên tục từ giữa tháng 7 và chuẩn bị bước vào tháng 9. Với chiến lược 'mưa dầm thấm đất', Trung tâm chiếu bóng quốc gia bố trí chiếu phim ngày thứ bảy và chủ nhật mỗi tuần vào giờ ổn định, và tỉ suất vé bán bình quân vượt 65%. Cuối tháng 8, giám đốc Trần Thanh Hùng cho biết với một suất chiếu cuối tuần và tỉ suất khán giả hơn 80%, trung tâm sẽ tiếp tục chiếu 'Mê Thảo'.

Sau các lần chiếu chập chờn trong tháng 7 và tháng 8 ở Sài Gòn, 'Mê Thảo' hình như đã tìm nơi đến với công chúng tại một rạp ở...Chợ Lớn (Đại Quang). Liệu 'Mê Thảo' sẽ 'trụ' lại các rạp chiếu bóng Việt Nam trong bao lâu ? Hay, như một nhà bình luận từng thốt lên : « Đặc ân xem phim Việt Nam vẫn dành cho khán giả nước ngoài ở những liên hoan phim quốc tế ! ». Tin sau cùng cho biết nhà phát hành Pháp của 'Mê Thảo' sẽ cho phim ra mắt công chúng Paris trong đầu tháng 12 tại một rạp nghệ thuật - thử nghiệm của khu La tinh (Le Reflet Médicis).

[Sài Gòn TiếpThị 29.7 ; Tuổi Trẻ 1 và 26.8 ; Phụ Nữ TPHCM 1.8 ; Lao Động 4.8 ; Thanh Niên 18.8 ; Người Lao Động 21.8 ; Doanh Nhân Sài Gòn 31.8 ; Vietnam Net 24.7 và 23.8 ; VNexpress 4.8 ; yxine.com 28.7 và 23.8.04]

Neruda

Kỷ niệm sinh nhật 100 năm

(12.07.1904)

Những dòng buồn nhất

Đêm nay tôi viết những dòng thơ buồn nhất.

Như : " đêm đầy sao,
những vì sao xanh, nơi xa xôi, run rẩy ."

Gió đêm cuộn giữa trời ngân dài.

Đêm nay tôi viết những dòng thơ buồn nhất.
Tôi yêu nàng, đôi khi nàng cũng yêu tôi.

Những đêm như đêm nay đã ôm nàng trong vòng tay.
Hôn nàng biết bao lần dưới bầu trời vô tận.

Nàng yêu tôi, đôi khi tôi cũng yêu nàng.
Làm sao không yêu đôi mắt mở to kia yên lặng.

Đêm nay tôi viết những dòng thơ buồn nhất.
Nghĩ không còn có nàng. Cảm thấy mình đã mất.

Nghe đêm mênh mông, vắng nàng đêm vô cùng.
Thơ buông trong hôn như sương rơi trên cỏ.

Có hề chi, tình yêu tôi biết đâu cầm giữ
Đêm ngát sao và nàng không còn với tôi.

Thế thôi. Vọng về tiếng hát xa. Vọng xa.
Mắt nàng linh hồn tôi phiền muộn.

Đôi mắt soi tìm như muốn mang nàng gắn lại.
Trái tim gọi tìm, nàng không còn với tôi.

Đêm vẫn đêm trắng xóa những hàng cây cũ.
Chúng ta không là chúng ta ngày xưa nữa.

Tôi không còn yêu nàng, đúng thế, nhưng đã từng yêu
thiết tha.

Tiếng nói tôi từng gọi gió rú đến bên nàng.

Về ai đó. Nàng sẽ về ai đó. Như đã từng, trước những nụ
tôi hôn.

Với giọng nói, với thân ngà. Với đôi mắt miên man.

Tôi không còn yêu nàng, đúng thế, tuy hình như tôi yêu.
Tình yêu quá ngắn, nỗi quên thật dài.

Vì có những đêm như đêm nay đã ôm nàng trong vòng tay,
mắt nàng linh hồn tôi phiền muộn.

Tuy nỗi đau này là nàng cho lần cuối
Và dù bài thơ này lần cuối viết cho ai.

**Bài thứ 20, *Veinte poemas de amor
y una canción desesperada* - 1923**

Bản dịch : Hàn Thuý

Thơ

Và ở tuổi ấy... Thơ đến
tìm tôi. Không biết, không biết từ đâu
thơ chợt tới, từ mùa đông hay dòng sông.
Tôi không biết vì sao và khi nào,
không, chẳng phải tiếng nói, chẳng là
ngôn từ, cũng không niềm im lặng,
nhưng từ con phố thơ đã gọi tôi,
từ những nhánh đêm,
bất chợt giữa bao điều khác,
giữa lửa cháy mãnh liệt
hay lúc cô độc quay về,
thơ ở đó không khuôn mặt
chạm vào tôi.

Tôi không biết nói chi, miệng
không biết
gọi tên,
mắt mù loà,
và có điều gì va đập trong hôn,
con sốt hay những cánh chim lạc lõng,
tôi tìm tôi trong cô đơn,
giải mã
sự cháy bỏng ấy,
và viết nên giòng mơ hồ đầu tiên,
mơ hồ, không thể chất, thuần khiết
ngu ngơ,
minh giác thuần khiết
của người tinh khôi chất phác
bỗng nhiên thấy
bầu trời
lốm đốm loang đầy
khai mở,
những hành tinh,
những rừng cây phập phồng,
những tên, lửa và hoa
xuyên thủng bóng tối
đầy thương tích,
đêm cuộn lốc cuốn đi, vũ trụ.

Và tôi, sinh thể bụi nhỏ nhoi,
say khoảng không bao la
đầy sao trời,
tựa như, hình ảnh
của bí ẩn,
tôi thấy nguyên mình một phần
vực thẳm,
tôi cuồng lẩn với những vì sao,
trái tim mở tung cùng gió lộng.

La Poesía, Memorial de Isla Negra - 1964

Bản dịch : Hàn Thuý

(H.T. cảm ơn K. và M. đã giúp
cho hai bản dịch này đẹp hơn)

Đường về

Truyện ngắn

Lê Đình Bích

Chiếc xe Pho chạy vun vút trên đường nhựa hơn một tiếng đồng hồ thì rẽ vào một con đường đất gồ ghề, hai bên là ruộng lúa. Xe đảo tới đảo lui nhiều lần, chúng tôi mới tìm được bến đò. Cả ba bước xuống xuống tam bản và người chèo xuống đưa chúng tôi luôn sâu vào một khu kinh rạch điệp trùng. Trong nhấp nhô những hàng dừa, đu đủ, chuối, xoài, John đã nhận ra từ xa mái nhà của bác Hai Tâm theo ngón tay chỉ của một người nông dân đứng tuổi. Xuống cập bến, John bước lên bờ, anh đeo túi xách lên vai, rồi đi thẳng vào ngôi nhà trước mặt, tôi và giáo sư Thông bước vội theo sau.

- Chú Cao Cao ! Trời ! Chú Cao Cao !

Tiếng kêu vừa dịu dàng vừa kinh ngạc của cô gái trong sân làm chúng tôi đứng sững lại. Bao lúa rơi từ trên vai xuống nền gạch. John bước đến rồi ôm chầm lấy cô gái. Đó là Lan Chi, con gái út của bác Hai Tâm - một gia đình nông dân mà cách đây đúng mười tám năm, John thường ghé chơi, cho hạt giống và đùa nghịch, cõng Út trên vai, chạy trên bờ kinh hóng gió. Gia đình bác Hai Tâm đã đón tiếp John nồng ấm như một người con ở xa về. Bữa cơm trưa thân mật quây quần cả gia đình, có mặt cả Tư Kiên và đồng chí Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Trong câu chuyện và trong khi ăn, John thường hay làm dấu thánh. Anh nói rằng, suốt hai mươi năm, đêm nào vợ anh cũng cùng các con quỳ trước bàn thờ Chúa để cầu nguyện cho anh. Chính Chúa Giêsu đã cứu sống anh để anh có được ngày trở về Việt Nam, về lại Vị Thanh, bởi vì đoàn cố vấn quân sự của anh mười người thì chín người bị bắn chết, chỉ một mình anh sống sót. Lần này anh trở lại Việt Nam, vợ và các con anh rất hoang mang. Khi ra sân bay tiễn anh, cả gia đình đã cầu Chúa ban phước lành cho anh.

Đồng chí Phó chủ tịch huyện nãy giờ ngồi lắng nghe chăm chú. Khi John nói xong, ông cầm xì để rót đầy ly rượu, uống cạn một hơi, đưa tay chỉ về phía bàn thờ và chậm rãi nói :

- Đó, cái ngày mà ông đến đây cho hạt giống thì chính tôi đang nằm dưới cái bàn thờ này. Tôi được lệnh cùng với Tư Kiên theo dõi và đã nhiều lần nòng súng của tôi chĩa thẳng vào ngực ông, nhưng khẩu

súng chính nghĩa bắn làm sao được người lương thiện. Cả nhà anh chị Hai Tâm tôi đây ai cũng quý mến ông, nhất là con Út. Chúng tôi đã nhiều đêm bàn bạc : Lẽ nào một người thương yêu trẻ con như ông lại là người xấu ? Khi tôi báo cáo cho lãnh đạo về thái độ và tình cảm của ông đối với gia đình anh chị Hai Tâm, chúng tôi được lệnh không bắn ông. John nghe đến đây thì hai hàng nước mắt chảy xuống. Thì ra chính là tấm lòng của anh đã cứu sống anh. Khi chúng tôi từ biệt ra về, John lấy ra từ trong túi xách một con búp bê và một gói quà đưa tặng Lan Chi. Cả nhà ai cũng khóc. Đó là con búp bê mà John hứa tặng Út cách đây mười tám năm về trước, lúc Út tròn sáu tuổi. Nhưng rồi sau đó anh đột ngột rời khỏi Vị Thanh không một lời từ giã. Trên đường về, dường như hiểu được ý John, anh lái xe chạy chậm hơn. John đưa mắt nhìn quang cảnh. Những sóng lúa xanh rờn chạy dài hai bên lộ, hương lúa phả vào buồng xe ngào ngạt và xa xa... một đàn cò trắng đang vỗ cánh êm ả, nhịp nhàng... Đó là tất cả những gì tận mắt tôi nhìn thấy, còn đây là bức thư của chính John Alexander gửi từ nước Mỹ sang : Texas, February 27th,...

Tôi rời Việt Nam trước ngày tàn chiến cuộc, mang theo nhật ký về một cuộc chiến tranh buồn bã, nhưng cũng không thiếu những kỷ niệm nồng ấm, bởi vì những ngày đó ngoài chức năng của một trung úy pháo binh là gọi máy bay B.52 ném bom, tôi còn đi giao cho nông dân trông thử các giống lúa mới, bởi vì lúa gạo là một mặt chiến lược trong toàn bộ cuộc chiến tranh Việt Nam. Những hạt giống IR20 ngày đó người ta quen gọi là Thần Nông, nhưng giờ đây, Tư Kiên gọi nó là " giống Honda ", bởi vì nó là giống ngắn ngày, tăng vụ, ít bị sâu, nông dân trông nó thu hoạch cao, sắm xe Honda đi chơi cho nên gọi là " giống Honda ".

Vâng, Tư Kiên đây rồi, chúng tôi nhận ra nhau ngay ; nhìn thẳng vào mắt tôi, Tư Kiên nói, làm tôi sững sốt nghe như chuyện hoang đường bay trong gió thoảng : " Hồi đó, với tư cách chính ủy của khu kinh rạch này, phục trong ghe tam bản, tôi chỉ cách ông không đầy cây số, ông thường cải trang làm dân thường, nhưng làm sao qua mắt được tôi, nhưng tôi đã không giết ông, chỉ vì biết rằng, ông rất thật lòng cố đem các giống lúa mới đến cho nông dân tôi ".

Và tất cả đã là sự thật, những con kinh sắc nước đục ngầu, trường học, chợ búa, quán hàng mọc lên, nhưng tôi vẫn còn nhận ra được kia là tàn tích của sò MAG-V73, đây là cơ sở của Cords.

Khi tôi bước vào khu vườn cũ, lũ trẻ ủa vào, tôi chờ đợi chúng hét âm lên âm thanh còn đọng lại trong đầu : " Ông Mỹ ! Ông Mỹ ! OK SALEM ! ". Nhưng không, chúng chỉ lặng lẽ nhìn rồi chạy ra chơi, ca hát âm cả một góc trời, khi lững thững bước ra bến nước, tôi mới chợt nhận ra rằng, mình rời khỏi nơi này vào

lúc chúng đang còn đầu đó trong cơ thể mẹ cha, các em là một thế hệ khác, hoàn toàn khác, những bé Việt Nam dưới bầu trời cuồng vọng của chính phủ nước tôi. Chưa hết, tiếng một cô gái vừa chạy vừa reo lên nổi vui mừng thảng thốt : “ Ông Cao, Ông Cao Cao lại về ”. Tôi quay lại chưa kịp định thần, thì người mẹ trẻ tay dặt tay bông giải thích : “ Ừa, phải rồi, làm sao mà ông nhận ra tôi được, tôi là bé Chi, Huỳnh Lan Chi đây, hồi đó ông về, những ngày không ra ruộng ông thường công tôi đi chơi bên bờ kinh, vì ông cao, cho nên chúng tôi gọi là ông Cao ”.

Tôi rất muốn cúi xuống công con của người mình đã công thêm một lớp nữa, nhưng vì nóng lòng, còn vào gặp bác Hai Tâm. Và đây, người nông dân mẫn cán và quả cảm, bác Hai Tâm nay tuổi đã ngoài bảy mươi, bước ra phơ phất chòm râu. Chúng tôi bồi hồi xúc động, nhắc lại những kỷ niệm xa xưa, tưởng không bao giờ còn lại trong hiện thực, thế mà nay chúng tôi đã ngồi lại bên chiếc bàn cũ kê ngoài sân, nơi chúng tôi thường ăn cơm gạo mới với cá đồng, uống ba xị đế.

Tôi nhắc chuyện tôi cùng một người bạn Philippin Green Ormandy, đã lén lút giấu giống IR20 để đem đến sớm nhất cho ông trồng thử và kết quả rất tốt : những hạt giống đó đã kéo tôi ra khỏi lười hái của tử thân và giờ đây, cũng chính nhờ những hạt giống mới, đã giúp tôi được trở về với cảnh cũ người xưa, một chiến trường quá buồn bã nhưng cũng là một tình trường tươi thắm.

Bà Hai Tâm tuy đang bệnh cũng gượng dậy ra chụp với chúng tôi tấm hình kỷ niệm. Khi ra nơi bàn trà, Tư Kiên nói đó là di ruột của Tư, chính bà là người đã báo cáo đầy đủ và trung thực về tôi cho Tư Kiên, vốn là chính ủy của vùng kinh rạch này. Tôi bỗng nhớ rằng mình có mang theo thuốc uống và đã đến tận giường biểu bà, một người đàn bà hiền từ, đôn hậu, làm lưng bình thường, nhưng lại còn là người tham dự, một phần quan trọng về số phận của tôi, cùng sự nghiệp chinh phục đồng chua lau lác.

Tôi lại nhớ đến hình ảnh của một người tôi tạm đặt cái tên giả là bà Suong, vì người và tên thật còn sống sót ở Mỹ, nhưng chính bà ta kể như đã chết, vì đã qua tay bốn toán cướp biển Thái Lan, vẫn còn rất rõ nét trên những cánh đồng mặn chát mùa nước nổi mà tôi không thể nào quên.

Chương Thiện, tôi luôn nghĩ về Việt Nam, nhất là về Chương Thiện, như về một người nữ, một người đàn bà già dặn, quyến rũ, bí ẩn và luôn luôn giận dữ, hằn học bởi vì đã gặp nhiều đối gạt, nay thì sai hẳn, dòng kinh, đồng lúa, chợ búa, trường học... Chương Thiện thơ mộng, trữ tình.

Và đây Vị Thanh - cái tên của Chương Thiện bây giờ - nơi tôi và Tư Kiên đã bao lần trực diện đối thù. Thế mà nay chúng tôi đã bắt tay nhau, uống

chung một ly rượu nếp, cùng lo cho bát cơm, màu xanh của ruộng lúa, đó mới là ý nghĩa đích thực và đáng kể. Tôi cảm ơn lúa gạo đưa tôi đi đây đó, cứu tôi sống và thầm nhớ ơn tình người du kích, nông dân, nay họ vẫn còn đó, nắm giữ công quyền, đón tôi trong một nghĩa tình sau trước, vẫn như ngày nào, chốn này đây.

Con kính màu xanh trái dòng hun hút, nhớ lại những hình ảnh đậm nét, những ý tứ sâu xa, những tình cảm dạt dào, tôi bỗng cảm thấy mình như mới bắt đầu... Trong gió thoảng xa xôi tôi nghe như lời dặn của bác Hai Tâm hai mươi năm về trước vẫn còn vang vọng :

“ Hột gạo tức Phạt ”.

Vâng, bây giờ tôi đã hiểu.

Khi già từ chốn cũ, lối ba mươi người đã tiễn chân tôi ra tận bến nước, họ đã khóc và tôi cũng đã không ngăn được dòng lệ nóng, chảy ra từ đôi mắt của một người đàn ông sinh trưởng trên miền Texas khô khốc...

Lê Đình Bích

Cần Thơ - 1990

(xuất xứ : www.vannghesongcuulong.org)

Cáo Lỗi

Số báo 142 (tháng 7.2004) in xong (như thường lệ) từ đầu tháng, mãi đến giữa tháng 7 mới đem gửi bưu điện, khiến một số bạn đọc trung thành thắc mắc về « vận mệnh » Diễn Đàn. Thắc mắc trở thành lo ngại khi hơn mười độc giả (đây là ước tính của chúng tôi), mở phong bì ra, thấy đó là số... 141 (tháng 6) !

Chuỗi trục trặc này xuất phát từ những lí do ngoài ý muốn là : hỏng xe, dọn nhà... Vì dọn nhà chưa xong, nên một xấp báo cũ còn để ở một góc phòng, và một bàn tay dăng trí (chắc cần đi nghỉ hè) đã bỏ luôn vào phong bì.

Diễn Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đổ

Imprimé par Point Concept, Vitry sur Seine

Dépot légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@diendan.org

Trang nhà : <http://www.diendan.org>

Đại diện các nước : xin coi thể lệ mua báo (trang 3)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)